**250 CÂU HỎI ĐÁP CHO NGƯỜI DÂN VÙNG NÔNG THÔN VÀ**

**DÂN TỘC VÀ THIỂU SỐ**

**32 hỏi đáp về Luật xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam (5.II)**

**1. Công dân Việt Nam phải đáp ứng điều kiện gì thì mới được xuất cảnh, nhập cảnh?**

**Trả lời:**

Xuất cảnh là việc công dân Việt Nam ra khỏi lãnh thổ Việt Nam qua cửa khẩu của Việt Nam. Nhập cảnh là việc công dân Việt Nam từ nước ngoài vào lãnh thổ Việt Nam qua cửa khẩu của Việt Nam.

Công dân Việt Nam được xuất cảnh, nhập cảnh khi có đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 33 và Điều 34 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam năm 2019. Cụ thể như sau::

- Về xuất cảnh: (i) Có giấy tờ xuất nhập cảnh còn nguyên vẹn, còn thời hạn sử dụng; đối với hộ chiếu phải còn hạn sử dụng từ đủ 06 tháng trở lên; (ii) Có thị thực hoặc giấy tờ xác nhận, chứng minh được nước đến cho nhập cảnh, trừ trường hợp được miễn thị thực; (iii) Không thuộc trường hợp bị cấm xuất cảnh, không được xuất cảnh, bị tạm hoãn xuất cảnh theo quy định của pháp luật.

- Về nhập cảnh: Có giấy tờ xuất nhập cảnh còn nguyên vẹn, còn thời hạn sử dụng.

Đối với người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi theo quy định của Bộ luật Dân sự, người chưa đủ 14 tuổi ngoài các điều kiện nêu trên phải có người đại diện hợp pháp đi cùng.

**2. X dự định đi du lịch cùng gia đình tại Thái Lan vào tháng 3/2021. Hộ chiếu mà X đã được cấp có hạn sử dụng đến tháng 7/2021. Trong trường hợp này, X có đủ điều kiện xuất cảnh hay không?**

**Trả lời:**

Một trong những điều kiện để được xuất cảnh là phải có giấy tờxuất nhập cảnh còn nguyên vẹn, còn thời hạn sử dụng; đối với hộ chiếu phải còn hạn sử dụng từ đủ 06 tháng trở lên.

Căn cứ các điều kiện xuất cảnh theo quy định của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam năm 2019 (Điều 33), X. không đủ điều kiện xuất cảnh vào thời gian mà X dự định đi du lịch do hộ chiếu của X không đủ hạn sử dụng (phải từ đủ 06 tháng trở lên).

**3. Những hành vi nào bị nghiêm cấm trong thực hiện xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 4 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam năm 2019, có 11 nhóm hành vi bị nghiêm cấm trong thực hiện xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam, cụ thể:

- Cố ý cung cấp thông tin sai sự thật để được cấp, gia hạn, khôi phục hoặc về báo mất giấy tờ xuất nhập cảnh.

- Làm giả, sử dụng giấy tờ xuất nhập cảnh giả để xuất cảnh, nhập cảnh hoặc đi lại, cư trú ở nước ngoài.

- Tặng, cho, mua, bán, mượn, cho mượn, thuê, cho thuê, cầm cố, nhận cầm cố giấy tờ xuất nhập cảnh; hủy hoại, tẩy xóa, sửa chữa giấy tờ xuất nhập cảnh.

- Sử dụng giấy tờ xuất nhập cảnh trái quy định của pháp luật, làm ảnh hưởng xấu đến uy tín hoặc gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước.

- Lợi dụng xuất cảnh, nhập cảnh để xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội của Việt Nam, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức hoặc tính mạng, sức khỏe, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân.

- Xuất cảnh, nhập cảnh trái phép; tổ chức, môi giới, giúp đỡ, chứa chấp, che giấu, tạo điều kiện cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh trái phép; qua lại biên giới quốc gia mà không làm thủ tục theo quy định.

- Cản trở, chống người thi hành công vụ trong việc cấp giấy tờ xuất nhập cảnh hoặc kiểm soát xuất nhập cảnh.

- Nhũng nhiễu, gây phiền hà, tự đặt thêm các loại giấy tờ, phí, lệ phí, kéo dài thời hạn khi giải quyết các thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh; cản trở công dân thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh.

- Cấp giấy tờ xuất nhập cảnh không đúng thẩm quyền, không đúng đối tượng; không ngăn chặn theo thẩm quyền hành vi vi phạm pháp luật về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam.

- Hủy hoại, làm sai lệch, làm lộ thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam; khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam trái quy định của pháp luật.

- Thu giữ, không cấp giấy tờ xuất nhập cảnh, tạm hoãn xuất cảnh, giải quyết xuất cảnh trái quy định của pháp luật.

**4. Công dân Việt Nam có những quyền gì trong thực hiện xuất cảnh, nhập cảnh?**

**Trả lời:**

Các quyền của công dân Việt Nam trong xuất cảnh, nhập cảnh được quy định tại Điều 5 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam năm 2019, cụ thể như sau:

- Được cấp giấy tờ xuất nhập cảnh theo quy định của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh.

- Người từ đủ 14 tuổi trở lên có quyền lựa chọn cấp hộ chiếu có gắn chíp điện tử hoặc hộ chiếu không gắn chíp điện tử.

- Được xuất cảnh, nhập cảnh theo quy định.

- Được bảo đảm bí mật cá nhân, bí mật gia đình trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam, trừ trường hợp phải cung cấp thông tin, tài liệu theo quy định của pháp luật.

- Yêu cầu cung cấp thông tin về xuất cảnh, nhập cảnh của mình; yêu cầu cập nhật, chỉnh sửa thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam, giấy tờ xuất nhập cảnh của mình để bảo đảm đầy đủ, chính xác.

- Sử dụng hộ chiếu của mình để thực hiện giao dịch hoặc thủ tục khác theo quy định của pháp luật.

- Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện, yêu cầu bồi thường theo quy định của pháp luật.

**5. Công dân Việt Nam có những nghĩa vụ gì trong thực hiện xuất cảnh, nhập cảnh?**

**Trả lời:**

Nghĩa vụ của công dân Việt Nam trong xuất cảnh, nhập cảnh (Điều 5 Luật xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam năm 2019) bao gồm:

- Chấp hành quy định của pháp luật Việt Nam về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và pháp luật của nước đến khi ra nước ngoài.

- Thực hiện thủ tục đề nghị cấp giấy tờ xuất nhập cảnh, gia hạn hộ chiếu, khôi phục giá trị sử dụng hộ chiếu theo quy định của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh.

- Sử dụng giấy tờ xuất nhập cảnh do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp để xuất cảnh, nhập cảnh.

- Chấp hành yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền trong việc kiểm tra người, hành lý, giấy tờ xuất nhập cảnh khi làm thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh.

- Nộp lệ phí cấp giấy tờ xuất nhập cảnh theo quy định của pháp luật.

**6. Đề nghị cho biết những giấy tờ nào được gọi giầy tờ xuất nhập cảnh?**

**Trả lời:**

Theo quy định của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam năm 2019 (khoản 1 Điều 6), các loại giấy tờ xuất nhập cảnh bao gồm:

- Hộ chiếu (hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ, hộ chiếu phổ thông). Là giấy tờ thuộc quyền sở hữu của Nhà nước, do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp cho công dân Việt Nam sử dụng để xuất cảnh, nhập cảnh, chứng minh quốc tịch và nhân thân. Hiện nay còn có hộ chiếu có gắn chíp điện tử, đó là hộ chiếu có gắn thiết bị điện tử lưu giữ thông tin được mã hóa của người mang hộ chiếu và chữ ký số của người cấp.

- Giấy thông hành.Là giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp cho công dân Việt Nam để qua lại biên giới theo điều ước quốc tế giữa Việt Nam với nước có chung đường biên giới.

**7. Sắp tới, gia đình tôi dự định đi du lịch nước ngoài nên muốn xin cấp hộ chiếu cho các con (một cháu 05 tuổi và một cháu 10 tuổi). Được biết hiện nay Nhà nước đang thực hiện cấp hộ chiếu có gắn chíp điện tử. Đề nghị cho biết các con tôi có đủ điều kiện làm hộ chiếu có gắn chíp điện tử hay không?**

**Trả lời:**

Hộ chiếu có gắn chíp điện tử là hộ chiếu có gắn thiết bị điện tử lưu giữ thông tin được mã hóa của người mang hộ chiếu và chữ ký số của người cấp.

Người từ đủ 14 tuổi trở lên có quyền lựa chọn cấp hộ chiếu có gắn chíp điện tử hoặc hộ chiếu không gắn chíp điện tử (điểm b khoản 1 Điều 5 Luật xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam năm 2019). Theo đó, hộ chiếu có gắn chíp điện tử có thể được cấp cho công dân Việt Nam từ đủ 14 tuổi trở lên nếu họ có nhu cầu. Còn công dân dưới 14 tuổi chỉ được cấphộ chiếu không gắn chíp điện tử.

Căn cứ quy định nêu trên, đối với các con của ông/bà, các cháu đang dưới 14 tuổi nên chỉ được cấp hộ chiếu không gắn chíp điện tử.

**8. Có phải tất cả các loại hộ chiếu đều có thời hạn sử dụng như nhau hay không? Trường hợp nào thì được gia hạn sử dụng hộ chiếu đã cấp?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 7 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam năm 2019, thời hạn của các loại hộ chiếu khác nhau là không giống nhau, không phải các hộ chiếu đều có thời hạn sử dụng như nhau, cụ thể như sau:

- Hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ có thời hạn từ 01 năm đến 05 năm; có thể được gia hạn một lần không quá 03 năm.

- Hộ chiếu phổ thông cũng có 03 thời hạn khác nhau:

Hộ chiếu phổ thông cấp cho người từ đủ 14 tuổi trở lên có thời hạn 10 năm và không được gia hạn.

Hộ chiếu phổ thông cấp cho người chưa đủ 14 tuổi có thời hạn 05 năm và không được gia hạn.

Hộ chiếu phổ thông cấp theo thủ tục rút gọn có thời hạn không quá 12 tháng và không được gia hạn.

- Giấy thông hành có thời hạn không quá 12 tháng và không được gia hạn.

**9. Anh K đang chuẩn bị đi học ở nước ngoài thì nhận được thông báo có đơn tố giác do có hành vi vi phạm. Đề nghị cho biết anh K có thuộc trường hợp nào bị tạm hoãn xuất cảnh?**

**Trả lời:**

Tạm hoãn xuất cảnh là việc dừng, không được xuất cảnh có thời hạn đối với công dân Việt Nam. Theo quy định tại Điều 36 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh năm 2019 về các trường hợp bị tạm hoãn xuất cảnh, trong đó có người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố mà qua kiểm tra, xác minh có căn cứ xác định người đó bị nghi thực hiện tội phạm và xét thấy cần ngăn chặn ngày việc người đó trốn hoặc tiêu hủy chứng cứ.

Theo đó, trong trường hợp nêu trên nếu cơ quan có thẩm quyền đã thông báo cho anh K biết về việc có đơn tố giác và qua kiểm tra, xác minh có căn cứ cho thấy anh K bị nghi thực hiện tội phạm, cần phải ngăn chặn việc bỏ trốn thì sẽ bị tạm hoãn xuất cảnh.

**10. Ngoài trường hợp của anh K, những trường hợp nào có thể bị tạm hoãn xuất cảnh?**

**Trả lời:**

Cùng với trường hợp của anh K nêu trên bị tạm hoãn xuất cảnh, Điều 36 Luật xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam còn quy định các trường hợp tạm hoãn xuất cảnh như sau:

- Bị can, bị cáo.

- Người được hoãn chấp hành án phạt tù, người được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù, người được tha tù trước thời hạn có điều kiện trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo trong thời gian thử thách, người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ trong thời gian chấp hành án theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

- Người có nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự nếu có căn cứ cho thấy việc giải quyết vụ án có liên quan đến nghĩa vụ của họ đối với Nhà nước, cơ quan, tổ chức, cá nhân và việc xuất cảnh của họ ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc để bảo đảm việc thi hành án.

- Người phải thi hành án dân sự, người đại diện theo pháp luật của cơ quan, tổ chức đang có nghĩa vụ thi hành bản án, quyết định được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự nếu có căn cứ cho thấy việc xuất cảnh của họ ảnh hưởng đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc để bảo đảm việc thi hành án.

- Người nộp thuế, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp đang bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế, người Việt Nam xuất cảnh để định cư ở nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài trước khi xuất cảnh chưa hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

- Người đang bị cưỡng chế, người đại diện cho tổ chức đang bị cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính và xét thấy cần ngăn chặn ngay việc người đó trốn.

- Người bị thanh tra, kiểm tra, xác minh có đủ căn cứ xác định người đó vi phạm đặc biệt nghiêm trọng và xét thấy cần ngăn chặn ngay việc người đó trốn.

- Người đang bị dịch bệnh nguy hiểm lây lan, truyền nhiễm và xét thấy cần ngăn chặn ngay, không để dịch bệnh lây lan, truyền nhiễm ra cộng đồng, trừ trường hợp được phía nước ngoài cho phép nhập cảnh.

- Người mà cơ quan chức năng có căn cứ cho rằng việc xuất cảnh của họ ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh.

**11. Hộ chiếu phổ thông được cấp cho những ai?**

**Trả lời:**

Điều 14 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam năm 2019 quy định công dân Việt Nam được xem xét cấp hộ chiếu phổ thông, trừ các trường hợp sau đây:

- Người chưa chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính một trong các hành vi vi phạm quy định gồm: (i) Cố ý cung cấp thông tin sai sự thật để được cấp, gia hạn, khôi phục hoặc về báo mất giấy tờ xuất nhập cảnh; (ii) Làm giả, sử dụng giấy tờ xuất nhập cảnh giả để xuất cảnh, nhập cảnh hoặc đi lại, cư trú ở nước ngoài; (iii) Tặng, cho, mua, bán, mượn, cho mượn, thuê, cho thuê, cầm cố, nhận cầm cố giấy tờ xuất nhập cảnh; hủy hoại, tẩy xóa, sửa chữa giấy tờ xuất nhập cảnh; (iv) Sử dụng giấy tờ xuất nhập cảnh trái quy định của pháp luật, làm ảnh hưởng xấu đến uy tín hoặc gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước; (v) Lợi dụng xuất cảnh, nhập cảnh để xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội của Việt Nam, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức hoặc tính mạng, sức khỏe, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân; (vi) Xuất cảnh, nhập cảnh trái phép; tổ chức, môi giới, giúp đỡ, chứa chấp, che giấu, tạo điều kiện cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh trái phép; qua lại biên giới quốc gia mà không làm thủ tục theo quy định; (vii) Cản trở, chống người thi hành công vụ trong việc cấp giấy tờ xuất nhập cảnh hoặc kiểm soát xuất nhập cảnh.

- Người bị tạm hoãn xuất cảnh (Xem thêm câu 9), trừ trường hợp cơ quan, người có thẩm quyền ra quyết định hoãn chấp hành án phạt tù, tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù, tha tù trước thời hạn có điều kiện, thi hành án treo, thi hành án phạt cải tạo không giam giữ có thẩm quyền quyết định tạm hoãn xuất cảnh đối với người được hoãn chấp hành án phạt tù, người được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù, người được tha tù trước thời hạn có điều kiện trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo trong thời gian thử thách, người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ trong thời gian chấp hành án theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

- Trường hợp vì lý do quốc phòng, an ninh theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an.

**12. Tôi muốn làm hộ chiếu để chuẩn bị đi xuất khẩu lao động. Xin hỏi thủ tục cấp hộ chiếu phổ thông lần đầu được thực hiện như thế nào?**

**Trả lời:**

Thủ tục xin cấp hộ chiếu phổ thông thực hiện theo quy định tại Điều 15 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam năm 2019, gồm các bước như sau:

-Người đề nghị cấp hộ chiếu nộp tờ khai theo mẫu đã điền đầy đủ thông tin, 02 ảnh chân dung và giấy tờ liên quan đến việc cấp hộ chiếu phổ thông ở trong nước; xuất trình Chứng minh nhân dân, Thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn giá trị sử dụng.

- Đề nghị cấp hộ chiếu lần đầu thực hiện tại Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh nơi thường trú hoặc nơi tạm trú; trường hợp có Thẻ căn cước công dân thực hiện tại Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh nơi thuận lợi.

**13. Mẹ tôi bị bệnh cần ra nước ngoài chữa trị. Hiện nay tôi đang làm thủ tục xin cấp hộ chiếu cho mẹ và muốn nộp hồ sơ tại Bộ Công an. Đề nghị cho biết tôi có được nộp hồ sơ tại cơ quan này hay không?**

**Trả lời:**

Điều 15 Luật xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam năm 2019 quy định người đề nghị cấp hộ chiếu lần đầu thuộc một trong các trường hợp sau đây có thể lựa chọn thực hiện tại Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an:

- Có giấy giới thiệu hoặc đề nghị của bệnh viện về việc ra nước ngoài để khám bệnh, chữa bệnh.

- Có căn cứ xác định thân nhân ở nước ngoài bị tai nạn, bệnh tật, bị chết.

- Có văn bản đề nghị của cơ quan trực tiếp quản lý đối với cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức trong lực lượng vũ trang, người làm việc trong tổ chức cơ yếu.

- Vì lý do nhân đạo, khẩn cấp khác do người đứng đầu Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an quyết định.

Căn cứ quy định nêu trên, bạn có thể thực hiện thủ tục và nộp hồ sơ xin cấp hộ chiếu cho mẹ bạn tại Bộ Công an nếu có giấy giới thiệu hoặc đề nghị của bệnh việc về việc ra nước ngoài để chữa bệnh.

**14. Để thực hiện thủ tục cấp hộ chiếu phổ thông ở trong nước, cần phải chuẩn bị những giấy tờ gì?**

**Trả lời:**

Khoản 2 Điều 15 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam năm 2019 quy định giấy tờ cấp hộ chiếu phổ thông ở trong nước gồm có:

- Bản sao giấy khai sinh hoặc trích lục khai sinh đối với người chưa đủ 14 tuổi.

- Hộ chiếu phổ thông cấp lần gần nhất đối với người đã được cấp hộ chiếu; trường hợp hộ chiếu bị mất phải kèm đơn báo mất hoặc thông báo về việc đã tiếp nhận đơn của cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 28 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam năm 2019.

- Bản chụp Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân đối với trường hợp có sự thay đổi thông tin về nhân thân so với thông tin trong hộ chiếu đã cấp lần gần nhất.

- Bản chụp có chứng thực giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp chứng minh người đại diện hợp pháp đối với người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi theo quy định của Bộ luật Dân sự, người chưa đủ 14 tuổi. Trường hợp bản chụp không có chứng thực thì xuất trình bản chính để kiểm tra, đối chiếu.

**15.** **Đối tượng nào được cấp hộ chiếu phổ thông theo thủ tục rút gọn?**

**Trả lời:**

Đối tượng cấp hộ chiếu phổ thông theo thủ tục rút gọn thực hiện theo quy định tại Điều 17 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh năm của công dân Việt Nam năm 2019, cụ thể như sau:

- Người ra nước ngoài có thời hạn bị mất hộ chiếu phổ thông, có nguyện vọng về nước ngay.

- Người có quyết định trục xuất bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền nước sở tại nhưng không có hộ chiếu.

- Người phải về nước theo điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận quốc tế về việc nhận trở lại công dân.

- Người được cấp hộ chiếu phổ thông vì lý do quốc phòng, an ninh.

**16. V. là công dân Việt Nam đang du học tại Pháp. Do sơ suất nên V. bị mất hộ chiếu. Nay có việc gấp, V có nguyện vọng muốn về nước thì được giải quyết như thế nào?**

**Trả lời:**

Căn cứ khoản 1Điều 18 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam quy định về việc cấp hộ chiếu phổ thông cho người ra nước ngoài có thời hạn bị mất hộ chiếu, có nguyện vọng về nước, V phải thực hiện trình tự, thủ tục sau đây:

- Nộp đơn báo mất hộ chiếu, tờ khai theo mẫu đã điền đầy đủ thông tin, 02 ảnh chân dung và xuất trình giấy tờ tùy thân do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp nếu có.

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị, cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài xem xét, quyết định cấp hộ chiếu, trả kết quả cho người đề nghị và thông báo bằng văn bản cho Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an trong trường hợp chưa kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam.

- Trường hợp chưa đủ căn cứ để cấp hộ chiếu thì trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị, cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài gửi văn bản theo mẫu về Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an để xác minh, đồng thời thông báo bằng văn bản cho người đề nghị.

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản trao đổi, Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an trả lời bằng văn bản cho cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài về việc cấp hộ chiếu.

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được trả lời, cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài cấp hộ chiếu và trả kết quả cho người đề nghị; trường hợp chưa cấp thì trả lời bằng văn bản, nêu lý do.

- Trường hợp thông qua thân nhân ở trong nước điền vào tờ khai theo mẫu, Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an tiếp nhận, kiểm tra, trả lời cho thân nhân và thông báo bằng văn bản cho cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị; trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo, cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài thu nhận ảnh của người đề nghị, cấp hộ chiếu phổ thông, trả kết quả.

**17. Pháp luật quy định như thế nào về việc cấp hộ chiếu phổ thông cho người có quyết định trục xuất bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền nước sở tại nhưng không có hộ chiếu?**

**Trả lời:**

Khoản 2Điều 18 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam năm 2019 quy định việc cấp hộ chiếu phổ thông cho người có quyết định trục xuất bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền nước sở tại nhưng không có hộ chiếu như sau:

- Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài tiếp nhận quyết định trục xuất của cơ quan có thẩm quyền nước sở tại kèm 02 ảnh chân dung của người bị trục xuất.

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định trục xuất của nước sở tại, cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài gửi thông tin của người bị trục xuất theo mẫu về Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an.

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an xác minh, trả lời bằng văn bản cho cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

- Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài cấp hộ chiếu phổ thông có thời hạn theo thông báo của Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an.

**18. Pháp luật quy định như thế nào về việc cấp hộ chiếu phổ thông cho người phải về nước theo điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận quốc tế về việc nhận trở lại công dân?**

**Trả lời:**

Khoản 3Điều 18 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam năm 2019 quy định việc cấp hộ chiếu phổ thông cho người phải về nước theo điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận quốc tế về việc nhận trở lại công dân như sau:

- Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an tiếp nhận, xử lý các yêu cầu của phía nước ngoài theo điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận quốc tế đã ký về việc nhận trở lại công dân.

- Trường hợp tiếp nhận thì cấp hộ chiếu phổ thông có thời hạn không quá 06 tháng và trao cho phía nước ngoài theo quy định của điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận quốc tế.

**19. Giấy thông hành là gì? Đối tượng nào được cấp giấy thông hành?**

**Trả lời:**

Giấy thông hành là giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp cho công dân Việt Nam để qua lại biên giới theo điều ước quốc tế giữa Việt Nam với nước có chung đường biên giới (Khoản 5 Điều 2 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam năm 2019).

Đối tượng được cấp giấy thông hành theo quy định tại Điều 19 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam năm 2019, bao gồm:

- Công dân Việt Nam cư trú ở đơn vị hành chính cấp xã, huyện, tỉnh có chung đường biên giới với nước láng giềng.

- Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp của tỉnh có chung đường biên giới với nước láng giềng.

- Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp ở trung ương, địa phương khác nhưng có trụ sở đóng tại tỉnh có chung đường biên giới với nước láng giềng.

**20. Những ai sẽ được cấp giấy thông hành biên giới Việt Nam – Campuchia, biên giới Việt Nam – Lào, biên giới Việt Nam – Trung Quốc?**

**Trả lời:**

Việc cấp giấy thông hành tại các biên giới nêu trên được thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 76/2020/NĐ-CP ngày 01/7/2020 quy định chi tiết đối tượng, trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp, thu hồi, hủy giá trị sử dụng giấy thông hành (Nghị định số 76/2020/NĐ-CP), cụ thể:

- Đối tượng được cấp giấy thông hành biên giới Việt Nam – Campuchia, bao gồm cán bộ, công chức, viên chức, công nhân đang làm việc trong các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có trụ sở tại tỉnh có chung đường biên giới với Campuchia được cử sang tỉnh biên giới đối diện của Campuchia công tác.

- Đối tượng được cấp giấy thông hành biên giới Việt Nam – Lào, bao gồm công dân Việt Nam có hộ khẩu thường trú tại tỉnh có chung đường biên giới với Lào; công dân Việt Nam không có hộ khẩu thường trú ở các tỉnh có chung đường biên giới với Lào nhưng làm việc trong các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có trụ sở tại tỉnh có chung đường biên giới với Lào.

- Đối tượng được cấp giấy thông hành xuất, nhập cảnh vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc, bao gồm công dân Việt Nam thường trú tại các xã, phường, thị trấn tiếp giáp đường biên giới Việt Nam - Trung Quốc; cán bộ, công chức làm việc tại các cơ quan nhà nước có trụ sở đóng tại huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh của Việt Nam tiếp giáp đường biên giới Việt Nam - Trung Quốc được cử sang vùng biên giới đối diện của Trung Quốc để công tác.

**21. Trình tự, thủ tục, hồ sơ, giấy tờ cấp giấy thông hành được thực hiện như thế nào?**

**Trả lời:**

Điều 20 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam năm 2019 quy định người đề nghị cấp giấy thông hành nộp hồ sơ và nhận kết quả tại cơ quan có thẩm quyền, gồm Công an xã, phường, thị trấn, công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh tiếp giáp đường biên giới với nước láng giềng. Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy thông hành cho các đối tượng được cấp giấy thông hành. Trường hợp không cấp giấy thông hành, cơ quan có thẩm quyền hoặc người tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm trả lời và nêu rõ lý do cho người đề nghị biết.

Điều 5 Nghị định số 76/2020/NĐ-CP quy định hồ sơ đề nghị cấp giấy thông hành bao gồm:

- 01 tờ khai theo mẫu đã điền đầy đủ thông tin. Tờ khai của các trường hợp dưới đây thì thực hiện như sau:

+ Đối tượng được cấp giấy thông hành biên giới Việt Nam – Campuchia, công dân Việt Nam không có hộ khẩu thường trú ở các tỉnh có chung đường biên giới với Lào nhưng làm việc trong các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có trụ sở tại tỉnh có chung đường biên giới với Lào, cán bộ, công chức làm việc tại các cơ quan nhà nước có trụ sở đóng tại huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh của Việt Nam tiếp giáp đường biên giới Việt Nam - Trung Quốc được cử sang vùng biên giới đối diện của Trung Quốc để công tác thì tờ khai phải có xác nhận và đóng dấu giáp lai ảnh của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trực tiếp quản lý;

+ Người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi theo quy định của Bộ luật Dân sự, người chưa đủ 14 tuổi thì tờ khai do cha, mẹ hoặc người đại diện theo pháp luật khai và ký tên, có xác nhận và đóng dấu giáp lai ảnh của Trưởng công an xã, phường, thị trấn nơi người đó thường trú;

+ Người chưa đủ 16 tuổi đề nghị cấp chung giấy thông hành xuất, nhập cảnh vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc với cha hoặc mẹ thì tờ khai phải do cha hoặc mẹ khai và ký tên.

- 02 ảnh chân dung, cỡ 4cm x 6cm. Trường hợp người chưa đủ 16 tuổi đề nghị cấp chung giấy thông hành với cha hoặc mẹ thì dán 01 ảnh 3 cm x 4cm của trẻ em đó vào tờ khai và nộp kèm 01 ảnh 3 cm x 4cm của trẻ em đó để dán vào giấy thông hành.

- Giấy tờ khác đối với các trường hợp dưới đây:

+ 01 bản sao giấy khai sinh hoặc trích lục khai sinh đối với người chưa đủ 14 tuổi;

+ 01 bản chụp có chứng thực giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp chứng minh người đại diện theo pháp luật đối với người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi theo quy định của Bộ luật Dân sự, người chưa đủ 14 tuổi. Trường hợp bản chụp không có chứng thực thì xuất trình bản chính để kiểm tra, đối chiếu;

+ Giấy thông hành đã được cấp, nếu còn giá trị sử dụng;

+ Giấy giới thiệu của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đối với trường hợp ủy quyền nộp hồ sơ.

**22. Phạm vi sử dụng của giấy thông hành có phải là tất cả các khu vực biên giới giữa Việt Nam và nước có chung biên giới hay không?**

**Trả lời:**

Theo quy định tạiĐiều 3 Nghị định số 76/2020/NĐ-CP thì giấy thông hành không được sử dụng cho tất cả các khu vực biên giới giữa Việt Nam và nước có chung biên giới. Theo đó, việc sử dụng giấy thông hành phải theo quy định như sau:

- Giấy thông hành biên giới Việt Nam - Campuchia có giá trị sử dụng trong phạm vi tỉnh biên giới đối diện của Campuchia tiếp giáp Việt Nam.

- Giấy thông hành biên giới Việt Nam - Lào có giá trị sử dụng trong phạm vi tỉnh biên giới đối diện của Lào tiếp giáp Việt Nam.

- Giấy thông hành xuất, nhập cảnh vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc có giá trị sử dụng trong phạm vi vùng biên giới đối diện của Trung Quốc tiếp giáp Việt Nam.

**23. Giấy thông hành sẽ bị thu hồi, hủy giá trị sử dụng trong những trường hợp nào?**

**Trả lời:**

Điều 10 Nghị định số 76/2020/NĐ-CP quy định các trường hợp thu hồi, hủy giá trị sử dụng giấy thông hành như sau:

- Giấy thông hành còn thời hạn bị mất.

- Giấy thông hành đã cấp cho người thuộc trường hợp bị tạm hoãn xuất cảnh theo quy định của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam năm 2019. Các trường hợp bị tạm hoãn xuất cảnh quy định tại Điều 36 Luật Xuát cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam năm 2019.

- Giấy thông hành của người thuộc trường hợp chưa cấp giấy tờ xuất nhập cảnh do thực hiện hành vi bị nghiêm cấm.

**24. Việc hủy giá trị sử dụng giấy thông hành còn thời hạn bị mất được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Điều 11 Nghị định số 76/2020/NĐ-CP quy định việc hủy giá trị sử dụng giấy thông hành còn thời hạn bị mất, cụ thể như sau:

- Trường hợp bị mất giấy thông hành ở trong nước, trong thời hạn 48 giờ kể từ khi phát hiện giấy thông hành bị mất, người bị mất giấy thông hành trực tiếp nộp hoặc gửi đơn trình báo mất giấy thông hành theo Mẫu quy định cho cơ quan cấp giấy thông hành. Nếu vì lý do bất khả kháng không nộp hoặc gửi đơn theo thời hạn quy định thì phải giải thích cụ thể về lý do bất khả kháng.

- Trường hợp bị mất giấy thông hành ở nước ngoài, trong thời hạn 48 giờ kể từ khi phát hiện giấy thông hành bị mất, người bị mất giấy thông hành phải báo cho cơ quan chức năng của nước sở tại để làm các thủ tục xác nhận việc mất giấy thông hành và được tạo điều kiện cho xuất cảnh; khi về nước phải trình báo về việc mất giấy thông hành với đơn vị kiểm soát xuất nhập cảnh của Việt Nam tại cửa khẩu.

- Đơn vị kiểm soát xuất nhập cảnh tại cửa khẩu có trách nhiệm tiếp nhận trình báo của người bị mất giấy thông hành ở nước ngoài và cấp giấy chứng nhận nhập cảnh theo Mẫu theo quy định cho người bị mất giấy thông hành.

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được đơn trình báo mất giấy thông hành hoặc giấy chứng nhận nhập cảnh của đơn vị kiểm soát xuất nhập cảnh tại cửa khẩu, cơ quan cấp giấy thông hành thực hiện việc hủy giá trị sử dụng giấy thông hành bị mất và thông báo cho bộ đội biên phòng tỉnh nơi công dân được cấp giấy thông hành.

**24. Việc thu hồi, hủy giá trị sử dụng giấy thông hành của người thuộc trường hợp chưa cấp giấy tờ xuất nhập cảnh do thực hiện hành vi bị nghiêm cấm được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Điều 12 Nghị định số 76/2020/NĐ-CP quy định việc thu hồi, hủy giá trị sử dụng giấy thông hành của người thuộc trường hợp chưa cấp giấy tờ xuất nhập cảnh do thực hiện hành vi bị nghiêm cấm như sau:

- Khi có căn cứ xác định người thuộc trường hợp chưa cấp giấy tờ xuất nhập cảnh quy định tại khoản 1 Điều 21 của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam năm 2019, cơ quan cấp giấy thông hành kiểm tra, yêu cầu người đã được cấp giấy thông hành nộp lại giấy thông hành còn thời hạn để hủy giá trị sử dụng.

- Trường hợp không thu hồi được giấy thông hành còn thời hạn thì cơ quan cấp giấy thông hành thực hiện việc hủy giá trị sử dụng giấy thông hành và thông báo cho bộ đội biên phòng tỉnh nơi công dân được cấp giấy thông hành.

**22. Người được cấp giấy tờ xuất nhập cảnh phải có trách nhiệm gì?**

**Trả lời:**

Điều 23 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam năm 2019 quy định người được cấp giấy tờ xuất nhập cảnh phải có trách nhiệm sau đây:

- Giữ gìn, bảo quản giấy tờ xuất nhập cảnh; báo ngay cho cơ quan có thẩm quyền khi bị mất giấy tờ xuất nhập cảnh; làm thủ tục cấp mới khi giấy tờ xuất nhập cảnh bị hư hỏng, thay đổi thông tin về nhân thân, đặc điểm nhận dạng, xác định lại giới tính.

- Chỉ được sử dụng một loại giấy tờ xuất nhập cảnh còn giá trị sử dụng cho mỗi lần xuất cảnh, nhập cảnh.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc hoạt động xuất cảnh, nhập cảnh, phải nộp lại hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ cho cơ quan, người quản lý hộ chiếu quy định, trừ trường hợp có lý do chính đáng do người đứng đầu cơ quan quyết định.

- Khi thay đổi cơ quan làm việc, phải báo cáo cơ quan, người quản lý hộ chiếu nơi chuyển đi và chuyển đến để thực hiện việc quản lý hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ theo quy định.

**25. Đề nghị cho biết hộ chiếu bị thu hồi, hủy giá trị sử dụng trong những trường hợp nào?**

**Trả lời:**

Điều 27 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam năm 2019 quy định các trường hợp thu hồi, hủy giá trị sử dụng hộ chiếu bao gồm:

- Hủy giá trị sử dụng hộ chiếu còn thời hạn bị mất.

- Thu hồi, hủy giá trị sử dụng hộ chiếu của người được thôi quốc tịch, bị tước quốc tịch Việt Nam, bị hủy bỏ quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam.

- Thu hồi, hủy giá trị sử dụng hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ còn thời hạn đối với trường hợp không còn thuộc đối tượng được sử dụng.

- Thu hồi, hủy giá trị sử dụng hộ chiếu đã cấp cho người chưa chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính khi thực hiện các hành vi bị nghiêm cấm theo khoản 1 Điều 21 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam năm 2019.

**26. Kể từ khi phát hiện hộ chiếu phổ thông bị mất, người bị mất hộ chiếu phải nộp đơn báo mất hộ chiếu trong thời hạn bao lâu?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại khoản 2 Điều 28 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam năm 2019, trong thời hạn 48 giờ kể từ khi phát hiện hộ chiếu phổ thông bị mất, người bị mất hộ chiếu trực tiếp nộp hoặc gửi đơn báo mất theo mẫu cho Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh nơi thuận lợi, cơ quan Công an nơi gần nhất hoặc đơn vị kiểm soát xuất nhập cảnh tại cửa khẩu hoặc cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài nơi thuận lợi. Trường hợp vì lý do bất khả kháng, thời hạn nộp hoặc gửi đơn báo mất có thể dài hơn nhưng trong đơn phải giải thích cụ thể về lý do bất khả kháng;

Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được đơn báo mất hộ chiếu phổ thông, cơ quan tiếp nhận có trách nhiệm thông báo theo mẫu cho Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an và người gửi đơn. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo, Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an thực hiện hủy giá trị sử dụng hộ chiếu.

**27. Cô tôi vừa được phân công làm Tùy viên cho cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam tại nước Úc. Các con của cô dự định năm nay sẽ sang Úc thăm cô. Đề nghị cho biết, các con của cô có được cấp hộ chiếu ngoại giao hay không?**

**Trả lời:**

Điều 8 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam năm 2019 quy định hộ chiếu ngoại giao sẽ được cấp cho vợ hoặc chồng, con chưa đủ 18 tuổi của những trường hợp sau đây:

- Vợ hoặc chồng của Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch Quốc hội, Phó Thủ tướng Chính phủ cùng đi theo hành trình công tác.

- Vợ hoặc chồng, con chưa đủ 18 tuổi của người đang phục vụ trong ngành ngoại giao đã được phong hàm ngoại giao hoặc giữ chức vụ từ Tùy viên trở lên tại cơ quan đại diện ngoại giao, phái đoàn thường trực tại các tổ chức quốc tế liên Chính phủ, cơ quan đại diện lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài cùng đi theo hoặc thăm người này trong nhiệm kỳ công tác.

Căn cứ quy định nêu trên, các con của cô bạn sẽ được cấp hộ chiếu ngoại giao khi đi thăm mẹ trong nhiệm kỳ công tác.

**28. Cán bộ, công chức khi đi nước ngoài sẽ được cấp hộ chiếu loại gì?**

**Trả lời:**

Điều 9 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam năm 2019 quy định các đối tượng được cấp hộ chiếu công vụ, trong đó có cán bộ, công chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức.

Ngoài ra, các đối tượng được cấp hộ chiếu công vụ còn bao gồm:

- Viên chức của đơn vị sự nghiệp công lập: Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập; người giữ chức vụ cấp trưởng, cấp phó tổ chức cấu thành đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, các Ban và cơ quan tương đương của Trung ương Đảng, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Quốc hội, Kiểm toán nhà nước, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập; Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và cơ quan trung ương của tổ chức chính trị - xã hội, Tổng cục, Cục và tương đương trực thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ; Tỉnh ủy, Thành ủy thành phố trực thuộc trung ương; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Huyện ủy, Quận ủy, Thị ủy, Thành ủy thuộc Tỉnh ủy, Thành ủy thành phố trực thuộc trung ương; cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện; người giữ vị trí việc làm gắn với nhiệm vụ quản lý nhà nước trong đơn vị sự nghiệp công lập được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước.

- Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân; người làm công tác cơ yếu trong tổ chức cơ yếu.

- Nhân viên cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài; phóng viên thông tấn và báo chí nhà nước của Việt Nam thường trú ở nước ngoài.

- Vợ hoặc chồng, con chưa đủ 18 tuổi của nhân viên cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài; phóng viên thông tấn và báo chí nhà nước của Việt Nam thường trú ở nước ngoài đi theo hoặc đi thăm những người này trong nhiệm kỳ công tác.

- Trong trường hợp cần thiết, căn cứ vào yêu cầu và tính chất của chuyến đi, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao thực hiện việc cấp hộ chiếu công vụ theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ hoặc xem xét cấp hộ chiếu công vụ theo đề nghị của cơ quan, người có thẩm quyền cho phép, quyết định cử người thuộc diện cấp hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ (quy định tại Điều 11 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam năm 2019) cho những người không thuộc diện được cấp hộ chiếu công vụ nêu trên.

**29. Đề nghị cho biết hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ sẽ bị thu hồi, hủy giá trị sử dụng trong những trường hợp nào?**

**Trả lời:**

Điều 30 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam năm 2019 quy định thu hồi, hủy giá trị sử dụng hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ đối với trường hợp không còn thuộc đối tượng được sử dụng hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ, cụ thể:

- Người đã được cấp hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ bị chết hoặc bị mất tích.

- Người được cấp hộ chiếu ngoại giao do thay đổi chức vụ, chức danh hoặc quan hệ gia đình mà không còn thuộc đối tượng được cấp hộ chiếu ngoại giao.

- Người đã được cấp hộ chiếu công vụ do thay đổi vị trí việc làm hoặc quan hệ gia đình mà không còn thuộc đối tượng được cấp hộ chiếu công vụ.

**30. Do sơ suất, tôi đã làm mất hộ chiếu phổ thông và đã báo với cơ quan có thẩm quyền. Đề nghị cho biết nếu tìm thấy hộ chiếu thì có được khôi phục giá trị sử dụng của nó hay không?**

**Trả lời:**

Điều 32 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam năm 2019 quy định hộ chiếu phổ thông đã bị hủy giá trị sử dụng do bị mất ở trong nước, sau khi tìm lại được còn nguyên vẹn và có thị thực do nước ngoài cấp còn thời hạn thì được xem xét khôi phục.

Người đề nghị khôi phục giá trị sử dụng hộ chiếu điền đầy đủ thông tin vào tờ khai theo mẫu kèm theo hộ chiếu và nộp tại Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an hoặc Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh nơi thuận lợi.

Người được giao nhiệm vụ có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra, đối chiếu thông tin trong tờ khai với thông tin trong hộ chiếu và cấp giấy hẹn trả kết quả. Việc khôi phục giá trị sử dụng hộ chiếu phổ thông được thực hiện tại Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị, Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an trả hộ chiếu đã được khôi phục giá trị sử dụng cho người đề nghị; trường hợp không đồng ý khôi phục giá trị sử dụng hộ chiếu thì phải trả lời bằng văn bản, nêu lý do.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị, Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh trả hộ chiếu đã được khôi phục giá trị sử dụng cho người đề nghị; trường hợp không đồng ý khôi phục giá trị sử dụng hộ chiếu thì phải trả lời bằng văn bản, nêu lý do.

**31.** **Người nước ngoài đi lại trên lãnh thổ Việt Nam mà không mang theo hộ chiếu hoặc các giấy tờ khác có giá trị thay hộ chiếu có bị xử phạt hay không?**

**Trả lời:**

Khoản 1 Điều 17 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình (Nghị định số 167/2013/NĐ-CP) quy định người nước ngoài đi lại trên lãnh thổ Việt Nam mà không mang theo hộ chiếu hoặc giấy tờ khác có giá trị thay hộ chiếu thì sẽ bị phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng.

**32. Những trường hợp bị phát hiện sử dụng hộ chiếu giả để nhập cảnh vào Việt Nam sẽ bị xử phạt như thế nào?**

**Trả lời:**

**Khoản 4 Điều 17 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP quy định** phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

- Chủ phương tiện, người điều khiển các loại phương tiện chuyên chở người nhập cảnh, xuất cảnh Việt Nam trái phép.

- Sử dụng hộ chiếu giả, giấy tờ có giá trị thay hộ chiếu giả, thị thực giả, thẻ tạm trú giả, thẻ thường trú giả, dấu kiểm chứng giả để xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, cư trú.

**29 câu hỏi đáp Luật Bảo hiểm xã hội (2.II)**

**33. Đề nghị cho biết pháp luật quy định người lao động là công dân Việt Nam thuộc trường hợp nào thì được tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc?**

**Trả lời:**

Khoản 1 Điều 2 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 quy định có 09 nhóm người lao động là công dân Việt Nam thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, cụ thể:

- Người làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn, hợp đồng lao động xác định thời hạn, hợp đồng lao động theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định có thời hạn từ đủ 03 tháng đến dưới 12 tháng, kể cả hợp đồng lao động được ký kết giữa người sử dụng lao động với người đại diện theo pháp luật của người dưới 15 tuổi theo quy định của pháp luật về lao động;

- Người làm việc theo hợp đồng lao động có thời hạn từ đủ 01 tháng đến dưới 03 tháng;

- Cán bộ, công chức, viên chức;

- Công nhân quốc phòng, công nhân công an, người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu;

- Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật công an nhân dân; người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân;

- Hạ sĩ quan, chiến sĩ quân đội nhân dân; hạ sĩ quan, chiến sĩ công an nhân dân phục vụ có thời hạn; học viên quân đội, công an, cơ yếu đang theo học được hưởng sinh hoạt phí;

- Người đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng quy định tại Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

- Người quản lý doanh nghiệp, người quản lý điều hành hợp tác xã có hưởng tiền lương;

- Người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn.

**34. Người lao động có quyền hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội. Đề nghị cho biết hiện nay có những chế độ bảo hiểm xã hội nào?**

**Trả lời:**

Bảo hiểm xã hội là sự bảo đảm thay thế hoặc bù đắp một phần thu nhập của người lao động khi họ bị giảm hoặc mất thu nhập do ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, hết tuổi lao động hoặc chết, trên cơ sở đóng vào quỹ bảo hiểm xã hội.

Hiện nay có 02 loại hình bảo hiểm xã hội, đó là bảo hiểm xã hội bắt buộc và bảo hiểm xã hội tự nguyện. Trong đó bảo hiểm xã hội bắt buộc là loại hình bảo hiểm xã hội do Nhà nước tổ chức mà người lao động và người sử dụng lao động phải tham gia. Còn bảo hiểm xã hội tự nguyện là loại hình bảo hiểm xã hội do Nhà nước tổ chức mà người tham gia được lựa chọn mức đóng, phương thức đóng phù hợp với thu nhập của mình và Nhà nước có chính sách hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm xã hội để người tham gia hưởng chế độ hưu trí và tử tuất.

Các chế độ bảo hiểm xã hội được quy định cụ thể tại Điều 4 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014. Trong đó bảo hiểm xã hội bắt buộc có 05 chế độ, bao gồm ốm đau; thai sản; tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; hưu trí; tử tuất.

Bảo hiểm xã hội tự nguyện có 03 chế độ, bao gồm hưu trí; tử tuất; bảo hiểm hưu trí bổ sung (là chính sách bảo hiểm xã hội mang tính chất tự nguyện nhằm mục tiêu bổ sung cho chế độ hưu trí trong bảo hiểm xã hội bắt buộc, có cơ chế tạo lập quỹ từ sự đóng góp của người lao động và người sử dụng lao động dưới hình thức tài khoản tiết kiệm cá nhân, được bảo toàn và tích lũy thông qua hoạt động đầu tư theo quy định của pháp luật).

**35. Tổ chức đại diện người sử dụng lao động có những quyền và trách nhiệm gì trong công tác bảo hiểm xã hội?**

**Trả lời:**

Điều 15 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 quy định về quyền và trách nhiệm của tổ chức đại diện người sử dụng lao động như sau:

\* *Về quyền:* Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng lao động tham gia bảo hiểm xã hội; kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm pháp luật về bảo hiểm xã hội.

\* *Về trách nhiệm:* Tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội cho người sử dụng lao động; tham gia kiểm tra, giám sát việc thi hành pháp luật về bảo hiểm xã hội; kiến nghị, tham gia xây dựng, sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội.

**36. Để bảo đảm thực hiện nghiêm túc các chế độ bảo hiểm xã hội nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người lao động, pháp luật nghiêm cấm những hành vi nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 17 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014, có 08 nhóm hành vi bị pháp luật nghiêm cấm, cụ thể:

- Trốn đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp.

- Chậm đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp.

- Chiếm dụng tiền đóng, hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp.

- Gian lận, giả mạo hồ sơ trong việc thực hiện bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp.

- Sử dụng quỹ bảo hiểm xã hội, quỹ bảo hiểm thất nghiệp không đúng pháp luật.

- Cản trở, gây khó khăn hoặc làm thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động, người sử dụng lao động.

- Truy cập, khai thác trái pháp luật cơ sở dữ liệu về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp.

- Báo cáo sai sự thật; cung cấp thông tin, số liệu không chính xác về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp.

**37. Khi tham gia bảo hiểm xã hội, người lao động có những quyền gì?**

**Trả lời:**

Điều 18 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 quy định khi tham gia bảo hiểm xã hội, người lao động có những quyền sau đây:

- Được tham gia và hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

- Được cấp và quản lý sổ bảo hiểm xã hội.

- Nhận lương hưu và trợ cấp bảo hiểm xã hội đầy đủ, kịp thời, theo một trong các hình thức chi trả sau: (i) Trực tiếp từ cơ quan bảo hiểm xã hội hoặc tổ chức dịch vụ được cơ quan bảo hiểm xã hội ủy quyền; (ii) Thông qua tài khoản tiền gửi của người lao động mở tại ngân hàng; (iii) Thông qua người sử dụng lao động.

- Hưởng bảo hiểm y tế trong các trường hợp: (i) Đang hưởng lương hưu; (ii) Trong thời gian nghỉ việc hưởng trợ cấp thai sản khi sinh con hoặc nhận nuôi con nuôi; (iii) Nghỉ việc hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hằng tháng; (iv) Đang hưởng trợ cấp ốm đau đối với người lao động mắc bệnh thuộc Danh mục bệnh cần chữa trị dài ngày do Bộ Y tế ban hành.

- Được chủ động đi khám giám định mức suy giảm khả năng lao động trong trường hợp sau khi thương tật, bệnh tật tái phát đã được điều trị ổn định và đang bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội; được thanh toán phí giám định y khoa nếu đủ điều kiện để hưởng bảo hiểm xã hội.

- Ủy quyền cho người khác nhận lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội.

- Định kỳ 06 tháng được người sử dụng lao động cung cấp thông tin về đóng bảo hiểm xã hội; định kỳ hằng năm được cơ quan bảo hiểm xã hội xác nhận về việc đóng bảo hiểm xã hội; được yêu cầu người sử dụng lao động và cơ quan bảo hiểm xã hội cung cấp thông tin về việc đóng, hưởng bảo hiểm xã hội.

- Khiếu nại, tố cáo và khởi kiện về bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật.

**38. A. làm việc trong công ty chuyên về các sản phẩm may mặc theo hợp đồng không xác định thời hạn và đã đóng bảo hiểm xã hội được 12 năm. Gần đây, do đau lưng nhiều nên A. đã đi khám bệnh và bác sĩ kết luận bị viêm khớp mức độ nặng, phải nghỉ làm ít nhất nửa tháng để điều trị. Trong trường hợp này, A. có được hưởng chế độ ốm đau hay không? Điều kiện hưởng chế độ này được quy định như thế nào?**

**Trả lời**:

Điều 24 Luật bảo hiểm xã hội năm 2014 quy định có 06 nhóm đối tượng được áp dụng chế độ ốm đau, trong đó có người làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn. Do đó, A. thuộc trường hợp được hưởng chế độ ốm đau theo quy định của pháp luật.

Để được hưởng chế độ ốm đau, Điều 25 Luật Bảo hiểm xã hội quy định người lao động phải đáp ứng các điều kiện như sau:

- Bị ốm đau, tai nạn mà không phải là tai nạn lao động phải nghỉ việc và có xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền theo quy định của Bộ Y tế. Trường hợp ốm đau, tai nạn phải nghỉ việc do tự hủy hoại sức khỏe, do say rượu hoặc sử dụng chất ma túy, tiền chất ma túy theo danh mục do Chính phủ quy định thì không được hưởng chế độ ốm đau.

- Phải nghỉ việc để chăm sóc con dưới 07 tuổi bị ốm đau và có xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền.

Theo đó A. đáp ứng điều kiện hưởng chế độ ốm đau theo quy định của pháp luật, đã được bệnh viện và bác sĩ chuyên khoa kết luận bị bệnh viêm khớp nặng phải nghỉ việc để điều trị.

**39. Sau khi có kết luận của bệnh viện về việc nghỉ làm để điều trị, A đã báo cáo lãnh đạo công ty, đại diện công đoàn xin nghỉ điều trị bệnh theo chỉ định của bác sĩ. Theo quy định của pháp luật, thời gian** **hưởng chế độ ốm đau của A. là bao lâu?**

**Trả lời**:

Điều 26 Luật Bảo hiểm xã hội quy định cụ thể thời gian hưởng chế độ ốm đau trong đó có trường hợp của A. là người lao động làm việc theo chế độ hợp đồng lao động không xác định thời hạn. Theo đó thời gian tối đa hưởng chế độ ốm đau trong một năm được tính theo ngày làm việc không kể ngày nghỉ lễ, nghỉ Tết, ngày nghỉ hằng tuần theo quy định như sau:

- Làm việc trong điều kiện bình thường thì được hưởng 30 ngày nếu đã đóng bảo hiểm xã hội dưới 15 năm; 40 ngày nếu đã đóng từ đủ 15 năm đến dưới 30 năm; 60 ngày nếu đã đóng từ đủ 30 năm trở lên.

- Làm nghề hoặc công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thuộc danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế ban hành hoặc làm việc ở nơi có phụ cấp khu vực hệ số từ 0,7 trở lên thì được hưởng 40 ngày nếu đã đóng bảo hiểm xã hội dưới 15 năm; 50 ngày nếu đã đóng từ đủ 15 năm đến dưới 30 năm; 70 ngày nếu đã đóng từ đủ 30 năm trở lên.

Người lao động nghỉ việc do mắc bệnh thuộc danh mục bệnh cần chữa trị dài ngày theo quy định tại Thông tư số 46/2016/TT-BYT ngày 30/12/2016 thì được hưởng chế độ ốm đau như sau:

- Tối đa 180 ngày tính cả ngày nghỉ lễ, nghỉ Tết, ngày nghỉ hằng tuần.

- Hết thời hạn hưởng chế độ ốm đau theo quy định nêu trên mà vẫn tiếp tục điều trị thì được hưởng tiếp chế độ ốm đau với mức thấp hơn nhưng thời gian hưởng tối đa bằng thời gian đã đóng bảo hiểm xã hội.

Như vậy, căn cứ vào tính chất công việc đang làm, thời gian đóng bảo hiểm xã hội, bệnh mắc phải và cần điều trị, A. có thể xác định cụ thể thời gian hưởng chế độ ốm đau của mình theo quy định của pháp luật.

**40. Sức khỏe của con gái tôi (04 tuổi) không được tốt, thường xuyên đau ốm phải vào bệnh viện điều trị. Đề nghị cho biết tôi có được nghỉ làm để chăm sóc con ốm hay không? Thời gian nghỉ tối đa là bao lâu?**

**Trả lời:**

Trước hết ông/bà có quyền được hưởng chế độ khi con ốm đau nếu ông/bà thuộc đối tượng và đã tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định của pháp luật. Theo quy định tạiĐiều 27 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014, thời gian hưởng chế độ khi con ốm đau như sau:

- Thời gian hưởng chế độ khi con ốm đau trong một năm cho mỗi con được tính theo số ngày chăm sóc con tối đa là 20 ngày làm việc nếu con dưới 03 tuổi; tối đa là 15 ngày làm việc nếu con từ đủ 03 tuổi đến dưới 07 tuổi.

- Trường hợp cả cha và mẹ cùng tham gia bảo hiểm xã hội thì thời gian hưởng chế độ khi con ốm đau của mỗi người cha hoặc người mẹ theo quy định nêu trên.

Thời gian nghỉ việc hưởng chế độ khi con ốm đau tính theo ngày làm việc không kể ngày nghỉ lễ, nghỉ Tết, ngày nghỉ hằng tuần.

**41. Mức hưởng chế độ ốm đau của người lao động được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Mức hưởng chế độ ốm đau của người lao động được thực hiện theo quy định tại Điều 28 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014, cụ thể như sau:

- Người lao động hưởng chế độ ốm đau theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 26, Điều 27 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014, mức hưởng tính theo tháng bằng 75% mức tiền lương đóng bảo hiểm xã hội của tháng liền kề trước khi nghỉ việc. Trường hợp người lao động mới bắt đầu làm việc hoặc người lao động trước đó đã có thời gian đóng bảo hiểm xã hội, sau đó bị gián đoạn thời gian làm việc mà phải nghỉ việc hưởng chế độ ốm đau ngay trong tháng đầu tiên trở lại làm việc thì mức hưởng bằng 75% mức tiền lương đóng bảo hiểm xã hội của tháng đó.

- Người lao động hưởng tiếp chế độ ốm đau quy định tại điểm b khoản 2 Điều 26 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014, mức hưởng bằng 65% mức tiền lương đóng bảo hiểm xã hội của tháng liền kề trước khi nghỉ việc nếu đã đóng bảo hiểm xã hội từ đủ 30 năm trở lên; 55% mức tiền lương đóng bảo hiểm xã hội của tháng liền kề trước khi nghỉ việc nếu đã đóng bảo hiểm xã hội từ đủ 15 năm đến dưới 30 năm; 50% mức tiền lương đóng bảo hiểm xã hội của tháng liền kề trước khi nghỉ việc nếu đã đóng bảo hiểm xã hội dưới 15 năm.

- Người lao động hưởng chế độ ốm đau theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 thì mức hưởng bằng 100% mức tiền lương đóng bảo hiểm xã hội của tháng liền kề trước khi nghỉ việc.

- Mức hưởng trợ cấp ốm đau một ngày được tính bằng mức trợ cấp ốm đau theo tháng chia cho 24 ngày.

**42. K đang làm việc tại công ty chế biến thủy hải sản thì bị mắc bệnh cần phải điều trị dài ngày theo chỉ định của bác sĩ. Mặc dù K đã hưởng chế độ ốm đau theo quy định nhưng sức khoẻ còn yếu. Trong trường hợp này, K có được nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khoẻ hay không?**

**Trả lời:**

Dưỡng sức, phục hồi sức khỏe được áp dụng đối với người lao động đã nghỉ việc hưởng chế độ ốm đau đủ thời gian trong một năm theo quy định, trong khoảng thời gian 30 ngày đầu trở lại làm việc mà sức khoẻ chưa phục hồi thì được nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khoẻ.

Theo đó, Điều 29 Luật Bảo hiểm xã hội quy định thì thời gian nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khoẻ của lao động là từ 05 ngày đến 10 ngày trong một năm. Thời gian nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khoẻ bao gồm cả ngày nghỉ lễ, nghỉ Tết, ngày nghỉ hằng tuần. Trường hợp có thời gian nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe từ cuối năm trước chuyển tiếp sang đầu năm sau thì thời gian nghỉ đó được tính cho năm trước.

Số ngày cụ thể được nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe do người sử dụng lao động và Ban Chấp hành công đoàn cơ sở quyết định, trường hợp đơn vị sử dụng lao động chưa có công đoàn cơ sở thì do người sử dụng lao động quyết định. Trong đó tối đa 10 ngày đối với người lao động sức khoẻ chưa phục hồi sau thời gian ốm đau do mắc bệnh cần chữa trị dài ngày; tối đa 07 ngày đối với người lao động sức khoẻ chưa phục hồi sau thời gian ốm đau do phải phẫu thuật; 05 ngày đối với các trường hợp khác.

Mức hưởng dưỡng sức, phục hồi sức khỏe sau khi ốm đau một ngày bằng 30% mức lương cơ sở.

Căn cứ vào quy định nêu trên, K thuộc trường hợp được nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe.

**43. Khoảng gần một tháng nữa là đến ngày dự sinh em bé. Hiện nay tôi đang làm việc cho công ty X theo chế độ hợp đồng lao động xác định thời hạn. Vì vậy, tôi muốn tìm hiểu cụ thể về chế độ thai sản để thực hiện đúng quyền, trách nhiệm của mình?**

**Trả lời:**

Trước hết về điều kiện hưởng chế độ thai sản, Điều 31 Luật bảo hiểm xã hội năm 2014 quy định người lao động được hưởng chế độ thai sản nếu thuộc một trong các trường hợp là lao động nữ mang thai; lao động nữ sinh con; lao động nữ mang thai hộ và người mẹ nhờ mang thai hộ; người lao động nhận nuôi con nuôi dưới 06 tháng tuổi; lao động nữ đặt vòng tránh thai, người lao động thực hiện biện pháp triệt sản; lao động nam đang đóng bảo hiểm xã hội có vợ sinh con.

Thứ hai, đối với trường hợp lao động nữ sinh con, lao động nữ mang thai hộ và người mẹ nhờ mang thai hộ và người lao động nhận nuôi con nuôi dưới 06 tháng tuổi 2 thì phải đóng bảo hiểm xã hội từ đủ 06 tháng trở lên trong thời gian 12 tháng trước khi sinh con hoặc nhận nuôi con nuôi.

Thứ ba, đối với lao động nữ sinh con đã đóng bảo hiểm xã hội từ đủ 12 tháng trở lên mà khi mang thai phải nghỉ việc để dưỡng thai theo chỉ định của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền thì phải đóng bảo hiểm xã hội từ đủ 03 tháng trở lên trong thời gian 12 tháng trước khi sinh con.

Người lao động đủ điều kiện thứ hai và thứ ba nêu trên mà chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc hoặc thôi việc trước thời điểm sinh con hoặc nhận con nuôi dưới 06 tháng tuổi thì vẫn được hưởng chế độ khi sinh con, chế độ nhận nuôi con nuôi dưới 06 tháng tuổi theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014.

**44. Khi mang thai, người lao động được nghỉ để đi khám thai. Đề nghị cho biết thời gian hưởng chế độ khi khám thai là bao nhiêu?**

**Trả lời:**

Thời gian hưởng chế độ khi khám thai thực hiện theo quy định tại Điều 32 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014, cụ thể:

- Trong thời gian mang thai, lao động nữ được nghỉ việc để đi khám thai 05 lần, mỗi lần 01 ngày; trường hợp ở xa cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hoặc người mang thai có bệnh lý hoặc thai không bình thường thì được nghỉ 02 ngày cho mỗi lần khám thai.

- Thời gian nghỉ việc hưởng chế độ thai sản tính theo ngày làm việc không kể ngày nghỉ lễ, nghỉ Tết, ngày nghỉ hằng tuần.

**45. Người lao động thuộc trường hợp sẩy thai, nạo, hút thai, thai chết lưu hoặc phá thai bệnh lý sẽ được nghỉ việc và hưởng chế độ như thế nào?**

**Trả lời:**

Điều 33 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 quy định thời gian hưởng chế độ khi sẩy thai, nạo, hút thai, thai chết lưu hoặc phá thai bệnh lý như sau:

-Khi sẩy thai, nạo, hút thai, thai chết lưu hoặc phá thai bệnh lý, lao động nữ được nghỉ việc hưởng chế độ thai sản theo chỉ định của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền.

- Thời gian nghỉ việc tối đa là 10 ngày nếu thai dưới 05 tuần tuổi; 20 ngày nếu thai từ 05 tuần tuổi đến dưới 13 tuần tuổi; 40 ngày nếu thai từ 13 tuần tuổi đến dưới 25 tuần tuổi; 50 ngày nếu thai từ 25 tuần tuổi trở lên.

- Thời gian nghỉ việc hưởng chế độ khi sẩy thai, nạo, hút thai, thai chết lưu hoặc phá thai bệnh lý tính cả ngày nghỉ lễ, nghỉ Tết, ngày nghỉ hằng tuần.

**46. Tôi có nghe trên loa truyền thanh ở cơ sở tuyên truyền rằng khi vợ sinh con thì người chồng cũng được nghỉ việc hưởng chế độ thai sản. Tôi muốn biết pháp luật quy định như thế nào về vấn đề này?**

**Trả lời:**

Lao động nam đang đóng bảo hiểm xã hội khi vợ sinh con được nghỉ việc hưởng chế độ thai sản. Thời gian nghỉ việc thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 34 Luật bảo hiểm xã hội năm 2014 và theo định mức như sau:

- 05 ngày làm việc.

- 07 ngày làm việc khi vợ sinh con phải phẫu thuật, sinh con dưới 32 tuần tuổi.

- Trường hợp vợ sinh đôi thì được nghỉ 10 ngày làm việc, từ sinh ba trở lên thì cứ thêm mỗi con được nghỉ thêm 03 ngày làm việc.

- Trường hợp vợ sinh đôi trở lên mà phải phẫu thuật thì được nghỉ 14 ngày làm việc.

Thời gian nghỉ việc hưởng chế độ thai sản nêu trên được tính trong khoảng thời gian 30 ngày đầu kể từ ngày vợ sinh con.

**47. Tôi nghe nói lao động nữ sinh con có thể được nghỉ thêm thời gian thai sản. Vậy thời gian hưởng chế độ khi sinh con được pháp luật quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 34 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014, lao động nữ sinh con được nghỉ việc hưởng chế độ thai sản trước và sau khi sinh con là 06 tháng.

Trường hợp lao động nữ sinh đôi trở lên thì tính từ con thứ hai trở đi, cứ mỗi con, người mẹ được nghỉ thêm 01 tháng. Thời gian nghỉ hưởng chế độ thai sản trước khi sinh tối đa không quá 02 tháng.

Thời gian hưởng chế độ thai sản đối với các trường hợp trên tính cả ngày nghỉ lễ, nghỉ Tết, ngày nghỉ hằng tuần.

**48. Vợ chồng chị M lấy nhau đã lâu mà chưa có con. Vừa rồi đi khám sinh sản, bác sĩ cho biết họ không thể sinh con được, nên anh chị muốn xin con nuôi. Nhờ người quen giới thiệu, anh chị đã nhận một bé khoảng 02 tháng tuổi làm conn nuôi. Đề nghị cho biết trong trường hợp này chị M có được hưởng chế độ thai sản hay không?**

**Trả lời:**

Pháp luật quy định người lao động được nghỉ việc hưởng chế độ thai sản khi nhận nuôi con nuôi dưới 06 tháng tuổi. Theo quy định tại Điều 36 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014, người lao động được nghỉ hưởng chế độ thai sản cho đến khi con nuôi đủ 06 tháng.

Bên cạnh đó, người lao động còn được trợ cấp một lần cho mỗi con bằng 02 lần mức lương cơ sở tại tháng lao động nữ nhận nuôi con nuôi.

Việc thực hiện chính sách hưởng chế độ thai sản ngay cả khi lao động không sinh con mà nhận nuôi con nuôi dưới 06 tháng thể hiện chính sách nhân văn, quan tâm của Nhà nước đối với người lao động,tạo điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em, bảo đảm công bằng, kịp thời động viên lao động có hoàn cảnh đặc biệt, thiệt thòi.

**49. Do hoàn cảnh gia đình khó khăn, sau khi sinh con được 03 tháng, chị D xin công ty cho đi làm. Trong trường hợp này, chị D có được đi làm trước khi hết thời hạn nghỉ sinh con hay không?**

**Trả lời:**

Lao động nữ có thể đi làm trước khi hết thời hạn nghỉ sinh con nếu thuộc những trường hợp và đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Quy định này vừa nhằm bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng, hợp pháp của lao động nữ, bảo đảm cho lao động nữ được nghỉ ngơi, phục hồi sức khỏe sau khi sinh con, nhưng cũng tạo điều kiện cho lao động nữ đi làm trước thời hạn nghỉ sinh con, trong một số trường hợp do pháp luật quy định, khi người lao động có đủ điều kiện thì có thể được đi làm.

Theo đó, Điều 40 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 lao động nữ đi làm trước khi hết thời hạn nghỉ sinh con phải đáp ứng các điều kiện:

- Sau khi đã nghỉ hưởng chế độ ít nhất được 04 tháng.

- Phải phải báo trước và được người sử dụng lao động đồng ý.

Căn cứ quy định nêu trên, thời gian hưởng chế độ thai sản của chị D mới được 03 tháng, do đó chị D chưa đáp ứng đủ điều kiện để đi làm trước khi hết thời hạn nghỉ sinh con.

**50. Trường hợp người lao động đã nghỉ hết thời gian hưởng chế độ thai sản mà muốn xin nghỉ thêm thì có được giải quyết hay không?**

**Trả lời:**

Điều 41 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 quy định lao động nữ ngay sau thời gian hưởng chế độ thai sản theo quy định, trong khoảng thời gian 30 ngày đầu làm việc mà sức khoẻ chưa phục hồi thì được nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khoẻ từ 05 ngày đến 10 ngày.

Thời gian nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khoẻ bao gồm cả ngày nghỉ lễ, nghỉ Tết, ngày nghỉ hằng tuần. Trường hợp có thời gian nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe từ cuối năm trước chuyển tiếp sang đầu năm sau thì thời gian nghỉ đó được tính cho năm trước.

Số ngày nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe do người sử dụng lao động và Ban Chấp hành công đoàn cơ sở quyết định, trường hợp đơn vị sử dụng lao động chưa thành lập công đoàn cơ sở thì do người sử dụng lao động quyết định. Thời gian nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe được quy định tối đa 10 ngày đối với lao động nữ sinh một lần từ hai con trở lên; tối đa 07 ngày đối với lao động nữ sinh con phải phẫu thuật; tối đa 05 ngày đối với các trường hợp khác.

Mức hưởng chế độ dưỡng sức, phục hồi sức khoẻ sau thai sản một ngày bằng 30% mức lương cơ sở.

**51. Tai nạn lao động có được áp dụng cho người lao động làm việc theo mùa vụ hay không?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 42 Luật bảo hiểm xã hội năm 2014, có 08 nhóm người lao động là công dân Việt Nam thuộc đối tượng áp dụng chế độ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp. Trong đó có người làm việc hợp đồng lao động theo mùa vụ.

Người lao động được hưởng chế độ tai nạn lao động khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

***-***Bị tai nạn thuộc một trong các trường hợp: (i) Tại nơi làm việc và trong giờ làm việc; (ii) Ngoài nơi làm việc hoặc ngoài giờ làm việc khi thực hiện công việc theo yêu cầu của người sử dụng lao động; (iii) Trên tuyến đường đi và về từ nơi ở đến nơi làm việc trong khoảng thời gian và tuyến đường hợp lý.

-Suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên do bị tai nạn thuộc các trường hợp nêu trên.

**52. Để được hưởng chế độ bệnh nghề nghiệp, người lao động cần phải đáp ứng những điều kiện nào?**

**Trả lời:**

Bệnh nghề nghiệp là bệnh phát sinh do điều kiện lao động có hại của nghề nghiệp tác động đối với người lao động. Điều 44 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 quy định người lao động được hưởng chế độ bệnh nghề nghiệp khi có đủ các điều kiện sau đây:

***-*** Bị bệnh thuộc danh mục bệnh nghề nghiệp do Bộ Y tế và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành khi làm việc trong môi trường hoặc nghề có yếu tố độc hại;

- Suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên do bị bệnh nêu trên.

Các bệnh nghề nghiệp được hưởng bảo hiểm xã hội được quy định cụ thể tại Thông tư số 15/2016/TT-BTY ngày 15/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

**53. Để xác định đối tượng và điều kiện hưởng các chế độ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp thì phải làm gì?**

**Trả lời:**

Để xác định đối tượng và điều kiện hưởng các chế độ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, người lao động cần phải giám định mức suy giảm khả năng lao động. Việc giám định mức suy giảm khả năng lao động thực hiện theo quy định tại Điều 45 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014, cụ thể như sau:

- Người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp được giám định hoặc giám định lại mức suy giảm khả năng lao động khi thuộc một trong các trường hợp: (i) Sau khi thương tật, bệnh tật đã được điều trị ổn định; (ii) Sau khi thương tật, bệnh tật tái phát đã được điều trị ổn định.

- Người lao động được giám định tổng hợp mức suy giảm khả năng lao động khi thuộc một trong các trường hợp: (i) Vừa bị tai nạn lao động vừa bị bệnh nghề nghiệp; (ii) Bị tai nạn lao động nhiều lần; (iii) Bị nhiều bệnh nghề nghiệp.

**54. Anh H làm việc tại công ty xây dựng. Khi đang làm việc, anh bị tai nạn lao động, kết quả giám định mức độ suy giảm khả năng lao động là 7%. Đề nghị cho biết trường hợp của anh H. được hưởng chế độ trợ cấp như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014, người lao động bị suy giảm khả năng lao động từ 5% đến 30% sẽ được hưởng trợ cấp một lần. Mức trợ cấp được xác định như sau:

- Suy giảm 5% khả năng lao động thì được hưởng 05 lần mức lương cơ sở, sau đó cứ suy giảm thêm 1% thì được hưởng thêm 0,5 lần mức lương cơ sở.

- Ngoài ra, người lao động còn được hưởng thêm khoản trợ cấp tính theo số năm đã đóng bảo hiểm xã hội, từ một năm trở xuống thì được tính bằng 0,5 tháng, sau đó cứ thêm mỗi năm đóng bảo hiểm xã hội được tính thêm 0,3 tháng tiền lương đóng bảo hiểm xã hội của tháng liền kề trước khi nghỉ việc để điều trị.

**55. Người lao động bị tai nạn lao động hoặc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp hằng tháng phải đáp ứng những điều kiện gì?**

**Trả lời:**

Trợ cấp hằng tháng được áp dụng đối với người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp có mức độ suy giảm khả năng lao động từ 31% trở lên.

Mức hưởng trợ cấp hằng tháng đối với người lao động suy giảm 31% khả năng lao động là 30% mức lương cơ sở, sau đó cứ suy giảm thêm 1% thì được hưởng thêm 2% mức lương cơ sở.

Ngoài mức trợ cấp nêu trên, hằng tháng người lao động còn được hưởng thêm một khoản trợ cấp tính theo số năm đã đóng bảo hiểm xã hội, từ một năm trở xuống được tính bằng 0,5%, sau đó cứ thêm mỗi năm đóng bảo hiểm xã hội được tính thêm 0,3% mức tiền lương đóng bảo hiểm xã hội của tháng liền kề trước khi nghỉ việc để điều trị.

Người lao động bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên mà bị liệt cột sống hoặc mù hai mắt hoặc cụt, liệt hai chi hoặc bị bệnh tâm thần, mỗi tháng còn được hưởng trợ cấp phục vụ bằng mức lương cơ sở.

**56. Chú tôi bị tai nạn lao động. Do vết thương quá nặng nên đã không qua khỏi trong quá trình điều trị. Xin hỏi thân nhân của chú tôi có được trợ cấp tai nạn lao động ha không? Mức trợ cấp là bao nhiêu?**

**Trả lời:**

Điều 51 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 quy định về trợ cấp một lần khi chết do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp. Theo đó, người lao động đang làm việc bị chết do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hoặc bị chết trong thời gian điều trị lần đầu do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp thì thân nhân được hưởng trợ cấp một lần bằng 36 lần mức lương cơ sở.

Như vậy, trường hợp của chú bạn bị chết trong thời gian điều trị lần đầu do tai nạn lao động nên thân nhân sẽ được hưởng trợ cấp một lần bằng 36 lần mức lương cơ sở.

**57. Mẹ tôi năm nay 50 tuổi hiện đang là lao động tự do. Mẹ tôi có được tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện hay không? Nếu được tham gia bảo hiểm tự nguyện thì có phải chỉ cần 10 năm liên tục, đến khi mẹ tôi năm 60 tuổi thì sẽ được hưởng chế độ hưu hay không?**

**Trả lời:**

Bảo hiểm xã hội tự nguyện là loại hình bảo hiểm xã hội do Nhà nước tổ chức mà người tham gia được lựa chọn mức đóng, phương thức đóng phù hợp với thu nhập của mình và Nhà nước có chính sách hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm xã hội để người tham gia hưởng chế độ hưu trí và tử tuất.

Trường hợp mẹ bạn đang là lao động tự do và không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, nếu có nhu cầu thì được tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện.

Theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 134/2015/NĐ-CP ngày 29/12/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội, người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện được chọn đóng một lần cho những năm còn thiếu đối với người tham gia bảo hiểm xã hội đã đủ điều kiện về tuổi để hưởng lương hưu theo quy định nhưng thời gian đóng bảo hiểm xã hội còn thiếu không quá 10 năm (120 tháng) thì được đóng một lần cho đủ 20 năm để hưởng lương hưu. Do đó, năm nay mẹ của bạn 50 tuổi nên tham gia ngay bảo hiểm xã hội tự nguyện liên tục cho đến khi đủ 10 năm đóng bảo hiểm xã hội sẽ được đóng tiếp một lần cho 10 năm còn thiếu để hưởng lương hưu.

**58. Pháp luật quy định như thế nào về thời gian được nghỉ việc để đi khám thai hoặc nghỉ việc do bị sẩy thai, nạo, hút thai, thai chết lưu hoặc phá thai bệnh lý của lao động nữ mang thai hộ đang đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc?**

**Trả lời:**

Điều 3Nghị định số 115/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc quy định:

- Lao động nữ mang thai hộ đang đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc vào quỹ ốm đau và thai sản, trong thời gian mang thai được nghỉ việc để đi khám thai 05 lần, mỗi lần 01 ngày; trường hợp ở xa cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hoặc người mang thai có bệnh lý hoặc thai không bình thường thì được nghỉ 02 ngày cho mỗi lần khám thai. Thời gian nghỉ việc tính theo ngày làm việc không kể ngày nghỉ lễ, nghỉ Tết, ngày nghỉ hằng tuần.

- Lao động nữ mang thai hộ đang đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc vào quỹ ốm đau và thai sản, khi sẩy thai, nạo, hút thai, thai chết lưu hoặc phá thai bệnh lý thì được nghỉ việc hưởng chế độ thai sản theo chỉ định của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền. Thời gian nghỉ việc tối đa được quy định như sau: (i) 10 ngày nếu thai dưới 05 tuần tuổi; (ii) 20 ngày nếu thai từ 05 tuần tuổi đến dưới 13 tuần tuổi; (iii) 40 ngày nếu thai từ 13 tuần tuổi đến dưới 25 tuần tuổi; (iv) 50 ngày nếu thai từ 25 tuần tuổi trở lên.c Thời gian nghỉ việc tính cả ngày nghỉ lễ, nghỉ Tết, ngày nghỉ hằng tuần.

**59. Trợ cấp mai táng được chi trả cho người lo mai táng của người chết thuộc những trường hợp nào ?**

**Trả lời:**

Điều 66 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 quy định người lo mai táng của người chết sau được nhận một lần trợ cấp mai táng:

- Người lao động là công dân Việt Nam thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc đang đóng bảo hiểm xã hội hoặc người lao động đang bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội mà đã có thời gian đóng từ đủ 12 tháng trở lên.

- Người lao động chết do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hoặc chết trong thời gian điều trị do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

- Người đang hưởng lương hưu; hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hằng tháng đã nghỉ việc.

Mức trợ cấp mai táng bằng 10 lần mức lương cơ sở tại tháng mà những người quy định nên trên chết.

Trường hợp các đối tượng nêu trên bị Tòa án tuyên bố là đã chết thì thân nhân được hưởng trợ cấp mai táng.

**60. Các trường hợp nào được hưởng trợ cấp tuất hằng tháng?**

**Trả lời:**

Điều 67 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 quy định người lao động là công dân Việt Nam thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc đang đóng bảo hiểm xã hội hoặc người lao động đang bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội mà đã có thời gian đóng từ đủ 12 tháng trở lên, người đang hưởng lương hưu; hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hằng tháng đã nghỉ việc thuộc một trong các trường hợp sau đây khi chết thì thân nhân được hưởng tiền tuất hằng tháng:

- Đã đóng bảo hiểm xã hội đủ 15 năm trở lên nhưng chưa hưởng bảo hiểm xã hội một lần.

- Đang hưởng lương hưu.

- Chết do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

- Đang hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hằng tháng với mức suy giảm khả năng lao động từ 61 % trở lên.

Thân nhân của những người quy định nêu trên được hưởng trợ cấp tuất hằng tháng, bao gồm:

- Con chưa đủ 18 tuổi; con từ đủ 18 tuổi trở lên nếu bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; con được sinh khi người bố chết mà người mẹ đang mang thai.

- Vợ từ đủ 55 tuổi trở lên hoặc chồng từ đủ 60 tuổi trở lên; vợ dưới 55 tuổi, chồng dưới 60 tuổi nếu bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên.

- Cha đẻ, mẹ đẻ, cha đẻ của vợ hoặc cha đẻ của chồng, mẹ đẻ của vợ hoặc mẹ đẻ của chồng, thành viên khác trong gia đình mà người tham gia bảo hiểm xã hội đang có nghĩa vụ nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình nếu từ đủ 60 tuổi trở lên đối với nam, từ đủ 55 tuổi trở lên đối với nữ.

- Cha đẻ, mẹ đẻ, cha đẻ của vợ hoặc cha đẻ của chồng, mẹ đẻ của vợ hoặc mẹ đẻ của chồng, thành viên khác trong gia đình mà người tham gia bảo hiểm xã hội đang có nghĩa vụ nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình nếu dưới 60 tuổi đối với nam, dưới 55 tuổi đối với nữ và bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên.

**61. Hồ sơ hưởng chế độ tử tuất bao gồm những giấy tờ gì?**

**Trả lời:**

Điều 111 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 quy định hồ sơ hưởng chế độ tử tuất như sau:

- Hồ sơ hưởng chế độ tử tuất đối với người đang đóng bảo hiểm xã hội và người bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội bao gồm: (i) Sổ bảo hiểm xã hội; (ii) Bản sao giấy chứng tử hoặc giấy báo tử hoặc bản sao quyết định tuyên bố là đã chết của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; (iii) Tờ khai của thân nhân và biên bản họp của các thân nhân đối với trường hợp đủ điều kiện hưởng hằng tháng nhưng chọn hưởng trợ cấp tuất một lần; (iv) Biên bản điều tra tai nạn lao động, trường hợp bị tai nạn giao thông được xác định là tai nạn lao động thì phải có thêm biên bản tai nạn giao thông hoặc biên bản khám nghiệm hiện trường và sơ đồ hiện trường vụ tai nạn giao thông; bản sao bệnh án điều trị bệnh nghề nghiệp đối với trường hợp chết do bệnh nghề nghiệp; (v) Biên bản giám định mức suy giảm khả năng lao động đối với thân nhân bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên.

- Hồ sơ hưởng chế độ tử tuất của người đang hưởng hoặc người đang tạm dừng hưởng lương hưu, trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hằng tháng bao gồm: (i) Bản sao giấy chứng tử hoặc giấy báo tử hoặc quyết định tuyên bố là đã chết của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; (ii) Tờ khai của thân nhân và biên bản họp của các thân nhân đối với trường hợp đủ điều kiện hưởng hằng tháng nhưng chọn hưởng trợ cấp tuất một lần; (iii) Biên bản giám định mức suy giảm khả năng lao động đối với thân nhân bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên.

**43 HỎI ĐÁP VỀ BẢO HIỂM Y TẾ, LÂM NGHIỆP (1.II)**

**62. Tôi mới được tuyển dụng vào Doanh nghiệp X và được ký hợp đồng lao động có thời hạn 06 tháng. Hỏi tôi có phải đối tượng đóng bảo hiểm y tế không và mức đóng là bao nhiêu?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 [Nghị định 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bao-hiem/nghi-dinh-28-2015-nd-cp-huong-dan-luat-viec-lam-va-bao-hiem-that-nghiep-268405.aspx) (Nghị định số 148/NĐ-CP), đối tượng tham gia bảo hiểm y tế bao gồm:

- Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn.

- Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động có thời hạn từ đủ 3 tháng trở lên.

- Người quản lý doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp ngoài công lập và người quản lý điều hành hợp tác xã hưởng tiền lương.

- Cán bộ, công chức, viên chức.

Theo đó, Điểm a Khoản 1 Điều 7 Nghị định 146/2018/NĐ-CP quy định mức đóng bảo hiểm y tế của người lao động thuộc các đối tượng nêu trên là 4,5% tiền lương tháng của người lao động.

Căn cứ quy định này, trường hợp của bạn thuộc đối tượng đóng bảo hiểm y tế và mức đóng bảo hiểm là 4,5% tiền lương tháng.

**63. Chị K vào công ty cùng thời điểm với tôi và cũng làm việc theo hợp đồng từ 06 tháng trở lên. Tháng vừa rồi, chị K bị ốm và xin công ty nghỉ theo chế độ ốm đau 20 ngày. Đề nghị cho biết chị K có phải đóng bảo hiểm y tế trong thời gian nghỉ việc hưởng chế độ ốm đau hay không và quyền lợi hưởng bảo hiểm y tế như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 146/2018/NĐ-CP, người lao động tham gia bảo hiểm y tế thuộc nhóm do người lao động và người sử dụng lao động đóng bảo hiểm y tế hằng tháng mà trong tháng có thời gian nghỉ việc hưởng chế độ ốm đau từ 14 ngày trở lên thì không phải đóng bảo hiểm y tế nhưng vẫn được hưởng quyền lợi bảo hiểm y tế.

Căn cứ quy định nêu trên, đối với trường hợp của chị K, trong tháng chị K bị ốm và nghỉ việc hưởng chế độ ốm đau 20 ngày thì chị K không phải đóng bảo hiểm y tế và vẫn được hưởng quyền lợi bảo hiểm y tế.

**64. Mọi người trong gia đình tôi đều tham gia bảo hiểm y tế, trong đó ông việc đóng bảo hiểm y tế của ông bà tôi được cơ quan bảo hiểm xã hội thực hiện. Đề nghị cho biết những đối tượng nào do cơ quan bảo hiểm xã hội đóng bảo hiểm y tế?**

**Trả lời:**

Điều 2 [Nghị định 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/The-thao-Y-te/Nghi-dinh-146-2018-ND-CP-huong-dan-Luat-bao-hiem-y-te-357505.aspx) có 6 nhóm đối tượng do cơ quan bảo hiểm xã hội đóng bảo hiểm y tế như sau:

- Người hưởng lương hưu, trợ cấp mất sức lao động hằng tháng.

- Người đang hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng do bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; công nhân cao su đang hưởng trợ cấp hằng tháng theo quy định của Chính phủ.

- Người lao động nghỉ việc hưởng trợ cấp ốm đau do mắc bệnh thuộc Danh mục bệnh cần chữa trị dài ngày do Bộ Y tế ban hành.

- Cán bộ xã, phường, thị trấn đã nghỉ việc đang hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng.

- Người lao động trong thời gian nghỉ việc hưởng chế độ thai sản khi sinh con hoặc nhận nuôi con nuôi.

- Người đang hưởng trợ cấp thất nghiệp.

**65. Anh M vừa nghỉ việc và được hưởng trợ cấp mất sức lao động hằng tháng. Xin cho biết mức đóng bảo hiểm y tế hàng tháng do anh M hay cơ quan bảo hiểm xã hội đóng? Mức đóng là bao nhiêu?**

**Trả lời:**

Người hưởng trợ cấp mất sức lao động hằng tháng thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm y tế do cơ quan bảo hiểm xã hội đóng theo quy định tại Điều 2 Nghị định 146/2018/NĐ-CP. Theo đó, anh M thuộc trường hợp được hưởng bảo hiểm y tế do cơ quan bảo hiểm xã hội đóng.

Về mức đóng bảo hiểm y tế hằng tháng, theo quy định tại Điều 7 Nghị định 146/2018/NĐ-CP, với trường hợp của anh M, cơ quan bảo hiểm xã hội phải đóng bằng 4,5% tiền trợ cấp mất sức lao động. Ví dụ hằng tháng anh M được hưởng tiền trợ cấp mất sức lao động là 3.000.000 đồng, thì mức đóng bảo hiểm y tế của anh M sẽ là 135.000 đồng.

**66. Chị X đang nghỉ việc ở nhà hưởng chế độ thai sản. Xin cho biết mức đóng bảo hiểm y tế hàng tháng của chị X là bao nhiêu?**

**Trả lời:**

Điểm c Khoản 1 Điều 7 Nghị định 146/2018/NĐ-CP quy định mức đóng bảo hiểm y tế của những người lao động trong thời gian nghỉ việc hưởng chế độ thai sản khi sinh con hoặc nhận nuôi con nuôi bằng 4,5% tiền lương tháng của người lao động trước khi nghỉ thai sản.

Theo đó, đối với trường hợp của chị X, căn cứ vào số tiền lương tháng mà chị X được hưởng trước khi nghỉ thai sản để tính mức đóng bảo hiểm y tế cụ thể của chị X. Ví dụ trước khi nghỉ thai sản chị X hưởng lương 6.000.000 đồng/tháng, mức đóng bảo hiểm y tế của chị X là 4,5% x 6.000.000 đồng = 270.000 đồng. Bên cạnh đó, chị X được cơ quan bảo hiểm xã hội đóng mức bảo hiểm y tế này.

**67. Đề nghị cho biết người thuộc hộ gia đình nghèo, người dân tộc thiểu số thuộc trường hợp nào sẽ được Nhà nước đóng bảo hiểm y tế?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Khoản 9 Điều 3 Nghị định số 146/2018/NĐ-CP, người thuộc hộ gia đình nghèo, người dân tộc thiểu số sẽ được ngân sách nhà nước đóng bảo hiểm y tế nếu thuộc những trường hợp sau đây:

- Người thuộc hộ gia đình nghèo theo tiêu chí về thu nhập, người thuộc hộ nghèo đa chiều có thiếu hụt về bảo hiểm y tế quy định tại Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020 và các quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế chuẩn nghèo áp dụng cho từng giai đoạn.

- Người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

- Người đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

- Người đang sinh sống tại xã đảo, huyện đảo theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

**68. Những người thuộc hộ cận nghèo sẽ được nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế như thế nào?**

**Trả lời:**

Ngân sách nhà nước sẽ hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế cho những người thuộc hộ cận nghèo theo tiêu chí chuẩn cận nghèo theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Phương thức đóng bảo hiểm y tế thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 146/2018/NĐ-CP, cụ thể như sau:

- H ương thức đóng bảo hiểm y tế thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 146/2018/Nmẫ ưquy định gy địnhuan tài chính để chuyển kinh phí vào quỹ bảo hiểm y tế.

- Th địnhuan tài chính để chuyển kinh phí vào quỹ bảo hiểm y tế.ại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 146/2018/NĐ-CP, cụ thể như sau:ết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướnh tại Quyết định phê duyệt danh sách của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

**69. Bác A là thân nhân của người có công với cách mạng, là người có công nuôi dưỡng liệt sỹ. Xin cho biết bác A có thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm y tế theo hiện nhà nước hỗ trợ hay không? Phương thức đóng bảo hiểm y tế của bác A thực hiện như thế nào?**

**Trả lời:**

Khoản 11 Điều 3 Nghị định số 146/2018/NĐ-CP quy định thân nhân của người có công với cách mạng là cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng, con của liệt sỹ; người có công nuôi dưỡng liệt sỹ sẽ là nhóm đối tượng tham gia bảo hiểm y tế theo diện ngân sách nhà nước đóng.

Theo đó, phương thức đóng bảo hiểm y tế đối với thân nhân của người có công với cách mạng được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 9 như sau:

- Hằng quý, cơ quan lao động - thương binh và xã hội chuyển kinh phí từ nguồn thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, nguồn thực hiện chính sách bảo trợ xã hội vào quỹ bảo hiểm y tế.

- Chậm nhất đến ngày 15 tháng 12 hằng năm, cơ quan lao động - thương binh và xã hội phải thực hiện xong việc thanh toán, chuyển kinh phí vào quỹ bảo hiểm y tế của năm đó.

**70.** **Các em học sinh, sinh viên** **sẽ** **thực hiện đóng bảo hiểm y tế như thế nào?**

**Trả lời:**

Học sinh, sinh viên là nhóm đối tượng tham gia bảo hiểm y tế được ngân sách nhà nước hỗ trợ mức đóng, mức hỗ trợ tối thiểu là 30% mức đóng bảo hiểm y tế.

Theo quy định tại khoản 5 Điều 9 Nghị định số 146/2018/NĐ-CP, việc đóng bảo hiểm y tế của học sinh, sinh viên thực hiện như sau:

- Định kỳ 03 tháng, 06 tháng hoặc 12 tháng, học sinh, sinh viên hoặc cha, mẹ, người giám hộ của học sinh, sinh viên có trách nhiệm đóng bảo hiểm y tế phần thuộc trách nhiệm đóng theo quy định cho cơ quan bảo hiểm xã hội.

- Đối với khoản đóng bảo hiểm y tế do ngân sách nhà nước hỗ trợ:

+ Học sinh, sinh viên đang theo học tại cơ sở giáo dục hoặc cơ sở giáo dục nghề nghiệp trực thuộc bộ, cơ quan trung ương thì do ngân sách trung ương hỗ trợ. Định kỳ 03 tháng, 06 tháng hoặc 12 tháng, Bảo hiểm xã hội cấp tỉnh tổng hợp số thẻ bảo hiểm y tế đã phát hành, số tiền thu của học sinh, sinh viên và số tiền ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng, gửi Bảo hiểm xã hội Việt Nam tổng hợp, gửi Bộ Tài chính để chuyển kinh phí vào quỹ bảo hiểm y tế.

+ Học sinh, sinh viên đang theo học tại cơ sở giáo dục hoặc cơ sở giáo dục nghề nghiệp khác thì ngân sách địa phương, bao gồm cả phần ngân sách trung ương hỗ trợ (nếu có), nơi cơ sở giáo dục đó đặt trụ sở hỗ trợ, không phân biệt hộ khẩu thường trú của học sinh, sinh viên. Định kỳ 03 tháng, 06 tháng hoặc 12 tháng, cơ quan bảo hiểm xã hội tổng hợp số thẻ bảo hiểm y tế đã phát hành, số tiền thu của học sinh, sinh viên và số tiền ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng, gửi cơ quan tài chính để chuyển kinh phí vào quỹ bảo hiểm y tế theo quy định.

**71. Gia đình tôi làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp được ngân sách nhà nước hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế. Xin cho biết phương thức đóng bảo hiểm y tế đối với gia đình tôi thực hiện như thế nào?**

**Trả lời:**

Khoản 6 Điều 9 quy định về phương thức đóng bảo hiểm y tế đối với người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ như sau:

- Định kỳ 03 tháng, 06 tháng hoặc 12 tháng, người đại diện của hộ gia đình trực tiếp nộp tiền đóng bảo hiểm y tế phần thuộc trách nhiệm đóng của mình cho cơ quan bảo hiểm xã hội.

- Định kỳ 03 tháng, 06 tháng hoặc 12 tháng, cơ quan bảo hiểm xã hội tổng hợp số thẻ bảo hiểm y tế đã phát hành, số tiền thu của người tham gia và số tiền ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng, gửi cơ quan tài chính để chuyển kinh phí vào quỹ bảo hiểm y tế.

**72. Trường hợp trẻ em là người Việt Nam sinh ra ở nước ngoài thì tính số tiền đóng bảo hiểm y tế như thế nào?**

**Trả lời:**

Trẻ em dưới 06 tuổi là đối tượng tham gia bảo hiểm y tế thuộc diện được ngân sách nhà nước đóng.

Số tiền đóng bảo hiểm y tế đối với trẻ em dưới 6 tuổi được tính từ ngày sinh đến ngày trẻ đủ 72 tháng tuổi. Trẻ em là người Việt Nam sinh ra ở nước ngoài, số tiền đóng bảo hiểm y tế được tính từ ngày trẻ về cư trú tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.

**73**. **Khi nhà nước điều chỉnh mức đóng bảo hiểm y tế, điều chỉnh mức lương cơ sở, số tiền đóng bảo hiểm y tế đối với nhóm đối tượng tham gia bảo hiểm y tế theo hộ gia đình** **được xác định như thế nào?**

**Trả lời:**

Khoản 3 Điều 10 [Nghị định 146/2018/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/The-thao-Y-te/Nghi-dinh-146-2018-ND-CP-huong-dan-Luat-bao-hiem-y-te-357505.aspx) quy định việc xác định số tiền đóng, hỗ trợ khi nhà nước điều chỉnh mức đóng bảo hiểm y tế, điều chỉnh mức lương cơ sở đối với nhóm đối tượng tham gia bảo hiểm y tế theo hộ gia đình như sau:

- Số tiền đóng của người tham gia hằng tháng được xác định theo mức đóng bảo hiểm y tế nhân (x) với mức lương cơ sở tại thời điểm đóng bảo hiểm y tế.

- Khi Nhà nước điều chỉnh mức đóng bảo hiểm y tế, điều chỉnh mức lương cơ sở, người tham gia không phải đóng bổ sung hoặc không được hoàn trả phần chênh lệch do điều chỉnh mức đóng bảo hiểm y tế, mức lương cơ sở đối với thời gian còn lại mà người tham gia đã đóng bảo hiểm y tế.

**74. Đề nghị cho biết thẻ bảo hiểm y tế do cơ quan bảo hiểm xã hội phát hành có những thông tin gì?**

**Trả lời:**

Điều 12 [Nghị định 146/2018/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bao-hiem/nghi-dinh-28-2015-nd-cp-huong-dan-luat-viec-lam-va-bao-hiem-that-nghiep-268405.aspx) quy định thẻ bảo hiểm y tế do cơ quan bảo hiểm xã hội phát hành, phản ánh 06 thông tin như sau:

1. Thông tin cá nhân của người tham gia bảo hiểm y tế, bao gồm: Họ và tên; giới tính; ngày tháng năm sinh; địa chỉ nơi cư trú hoặc nơi làm việc.

2. Mức hưởng bảo hiểm y tế.

3. Thời điểm thẻ bảo hiểm y tế có giá trị sử dụng.

4. Nơi đăng ký khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế ban đầu.

5. Thời gian tham gia bảo hiểm y tế 05 năm liên tục trở lên đối với đối tượng phải cùng chi trả chi phí khám bệnh, chữa bệnh. Thời gian tham gia bảo hiểm y tế liên tục là thời gian sử dụng ghi trên thẻ bảo hiểm y tế lần sau nối tiếp lần trước; trường hợp gián đoạn tối đa không quá 03 tháng.

6. Ảnh của người tham bảo hiểm y tế (trừ trẻ em dưới 6 tuổi) đối với trường hợp người tham gia bảo hiểm y tế không có giấy tờ xác nhận nhân thân có ảnh do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp hoặc Giấy xác nhận của Công an cấp xã hoặc giấy tờ khác có xác nhận của cơ sở giáo dục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nơi quản lý học sinh, sinh viên, hoặc giấy tờ chứng minh nhân thân hợp pháp khác.

**75. Con của tôi năm nay 5 tuổi. Xin cho biết thời hạn thẻ bảo hiểm y tế của cháu có giá trị sử dụng là bao lâu?**

**Trả lời:**

Thời hạn thẻ bảo hiểm y tế có giá trị sử dụng đối với trẻ em dưới 6 tuổi được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 13, cụ thể như sau:

- Trường hợp trẻ em sinh trước ngày 30 tháng 9: Thẻ bảo hiểm y tế có giá trị sử dụng đến hết ngày 30 tháng 9 của năm trẻ đủ 72 tháng tuổi;

- Trường hợp trẻ sinh sau ngày 30 tháng 9: Thẻ bảo hiểm y tế có giá trị sử dụng đến hết ngày cuối của tháng trẻ đủ 72 tháng tuổi.

**76. Năm nay, con trai tôi bắt đầu vào học lớp 01. Nhà trường đang triển khai thực hiện việc đóng bảo hiểm y tế cho học sinh. Đề nghị cho biết thẻ bảo hiểm y tế được cấp cho con trai tôi theo định kỳ như thế nào? Thời hạn, giá trị sử dụng của thẻ là bao lâu?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại khoản 7 Điều 13 [Nghị định 146/2018/NĐ-CP,](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/The-thao-Y-te/Nghi-dinh-146-2018-ND-CP-huong-dan-Luat-bao-hiem-y-te-357505.aspx) thẻ bảo hiểm y tế được cấp cho học sinh, sinh viên theo định kỳ hằng năm.

Về thời hạn sử dụng, đối với học sinh lớp 1, giá trị sử dụng thẻ bảo hiểm y tế bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 năm đầu tiên của cấp tiểu học.

Căn cứ quy định nêu trên, con trai của ông/bà bắt đầu học lớp 1, theo đó, cháu sẽ được cấp thẻ bảo hiểm y tế hằng năm và thời hạn sử dụng được tính từ ngày 01 tháng 10 của năm đầu tiên.

**77. Xin cho biết thời hạn, giá trị sử dụng thẻ bảo hiểm y tế đối với học sinh, sinh viên được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Trước hết, thẻ bảo hiểm y tế được cấp cho học sinh, sinh viên theo định kỳ hằng năm.

Thời hạn, giá trị sử dụng của thẻ bảo hiểm y tế đối với học sinh, sinh viên được thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 146/2018/NĐ-CP, cụ thể:

- Học sinh lớp 12: Giá trị sử dụng đến hết ngày 30 tháng 9 của năm đó.

- Học sinh, sinh viên năm thứ nhất của khóa học: Giá trị sử dụng từ ngày nhập học, trừ trường hợp thẻ của học sinh lớp 12 đang còn giá trị sử dụng.

- Học sinh, sinh viên năm cuối của khóa học: Giá trị sử dụng đến ngày cuối của tháng kết thúc khóa học.

**78. Ông tôi 80 tuổi đang hưởng trợ cấp tuất hằng tháng theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội. Nay do tuổi già sức yếu nên ông đang phải nằm viện chữa bệnh. Đề nghị cho biết quỹ bảo hiểm y tế có thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh cho ông tôi không?**

**Trả lời:**

Điểm a khoản 1 Điều 14 [Nghị định 146/2018/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/The-thao-Y-te/Nghi-dinh-146-2018-ND-CP-huong-dan-Luat-bao-hiem-y-te-357505.aspx) quy định người từ đủ 80 tuổi trở lên đang hưởng trợ cấp tuất hằng tháng theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội sẽ được hưởng mức hưởng bảo hiểm y tế là 100% chi phí khám bệnh, chữa bệnh.

Căn cứ quy định nêu trên, ông bạn thuộc trường hợp được quỹ bảo hiểm y tế thanh toán 100% chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong phạm vi được hưởng.

**79. Những đối tượng nào được hưởng mức 100% chi phí khám bệnh, chữa bệnh và không áp dụng giới hạn tỷ lệ thanh toán thuốc, hóa chất, vật tư y tế và dịch vụ kỹ thuật?**

**Trả lời:**

Những đối tượng được hưởng mức hưởng bảo hiểm y tế 100% chi phí khám bệnh, chữa bệnh và không áp dụng giới hạn tỷ lệ thanh toán thuốc, hóa chất, vật tư y tế và dịch vụ kỹ thuật thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 14 [Nghị định 146/2018/NĐ-CP. Theo đó có](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/lao-dong-tien-luong/nghi-dinh-61-2015-nd-cp-chinh-sach-ho-tro-tao-viec-lam-quy-quoc-gia-ve-viec-lam-281864.aspx) 07 trường hợp như sau:

- Người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945.

- Người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.

- Bà mẹ Việt Nam anh hùng.

- Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B, bệnh binh suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên.

- Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B, bệnh binh khi điều trị vết thương, bệnh tật tái phát.

- Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động từ 81 % trở lên.

- Trẻ em dưới 6 tuổi.

**80. Tôi đã có thời gian đóng bảo hiểm y tế liên tục là 06 năm. Năm nay tôi phải đến bệnh viện theo tuyến đã đăng ký để khám, chữa bệnh rất nhiều lần. Tổng số chi phí khám, chữa bệnh lớn, tính ra gấp 10 lần mức lương tối thiểu hiện nay. Xin cho biết tôi có được quỹ bảo hiểm thanh toán hết các chi phí này hay không?**

**Trả lời:**

Điều 14 Nghị định số 146/2018/NĐ-CP quy định quỹ bảo hiểm y tế sẽ thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh với mức 100% khi người bệnh có thời gian tham gia bảo hiểm y tế 05 năm liên tục trở lên và có số tiền cùng chi trả chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong năm lớn hơn 06 tháng lương cơ sở, trừ trường hợp tự đi khám bệnh, chữa bệnh không đúng tuyến.

Căn cứ quy định nêu trên, trường hợp của bạn sẽ được quỹ bảo hiểm y tế thanh toán toàn bộ chi phí khám bệnh, chữa bệnh.

**81. Năm 2019, bà X được cấp thẻ bảo hiểm y tế và đăng ký khám bệnh, chữa bệnh tại bệnh viện tỉnh. Tuy nhiên, bà X lại muốn đi khám bệnh, chữa bệnh tại bệnh viện trung ương. Đề nghị cho biết bà X sẽ được quỹ bảo hiểm y tế thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh theo mức nào?**

**Trả lời:**

Đối với trường hợp người có thẻ bảo hiểm y tế tự đi khám bệnh, chữa bệnh không đúng tuyến, Khoản 3 Điều 22 Luật bảo hiểm y tế năm 2014 và Khoản 3 Điều 14 [Nghị định 146/2018/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/The-thao-Y-te/Nghi-dinh-146-2018-ND-CP-huong-dan-Luat-bao-hiem-y-te-357505.aspx) quy định quỹ bảo hiểm y tế thanh toán mức hưởng như sau:

- Tại bệnh viện tuyến trung ương là 40% chi phí điều trị nội trú.

- Tại bệnh viện tuyến tỉnh là 60% chi phí điều trị nội trú (tính đến ngày 31 tháng 12 năm 202); từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 được hưởng 100% chi phí điều trị nội trú.

- Tại bệnh viện tuyến huyện là 100% chi phí khám bệnh, chữa bệnh.

Căn cứ quy định nêu trên, trường hợp của bà X sẽ được hưởng mức 40% chi phí điều trị nội trú nếu bà X khám bệnh, chữa bệnh không đúng tuyến, nhưng sau đó bà X đã được cơ sở nơi tiếp nhận chuyển tuyến đến bệnh viện trung ương, trừ trường hợp cấp cứu, đang điều trị nội trú được phát hiện bệnh khác ngoài phạm vi chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; tình trạng bệnh diễn biến vượt quá khả năng chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

Tuy nhiên, nếu bà X là ngưu bà X là hợp c, h u bà X là hợp cấp cứu, đang điều trị nội trú được phát hiện bệnh khang có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; xã đảo, huyện đảo thì không áp dụng mhì khôngnêu trên mà tùy từng trường hợp sẽ được hưởng mức cao hơn (có thể là 100%, 90% hoặc 85%).

**82. Khi đi khám bệnh, chữa bệnh, tôi mang theo thẻ bảo hiểm y tế nhưng thẻ chưa có ảnh. Đề nghị cho biết tôi có phải xuất trình giấy tờ tùy thân gì thay cho thẻ bảo hiểm hay không?**

**Trả lời:**

Khoản 1 Điều 14 [Nghị định 146/2018/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/The-thao-Y-te/Nghi-dinh-146-2018-ND-CP-huong-dan-Luat-bao-hiem-y-te-357505.aspx) quy định người tham gia bảo hiểm y tế khi đến khám bệnh, chữa bệnh phải xuất trình thẻ bảo hiểm y tế có ảnh. Trường hợp thẻ bảo hiểm y tế chưa có ảnh thì phải xuất trình một trong các giấy tờ tùy thân có ảnh do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp hoặc Giấy xác nhận của Công an cấp xã hoặc giấy tờ khác có xác nhận của cơ sở giáo dục nơi quản lý học sinh, sinh viên; các giấy tờ chứng minh nhân thân hợp pháp khác.

Theo đó, nếu bạn đi khám bệnh, chữa bệnh mà thẻ bảo hiểm y tế của bạn chưa có ảnh, bạn phải xuất trình một trong số những giấy tờ nêu trên thì mới được áp dụng chế độ bảo hiểm y tế theo quy định.

**83. Khi đưa trẻ em dưới 6 tuổi đi khám bệnh, chữa bệnh mà trẻ chưa có thẻ bảo hiểm y tế thì được dùng giấy tờ gì thay thế để làm thủ tục thanh toán chi phí khám chữa bệnh?**

**Trả lời:**

Về nguyên tắc, trẻ em dưới 6 tuổi đến khám bệnh, chữa bệnh chỉ phải xuất trình thẻ bảo hiểm y tế. Tuy nhiên để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của trẻ em trong những trường hợp chưa được cấp thẻ bảo hiểm y tế, khoản 2 Điều 14 [Nghị định 146/2018/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/The-thao-Y-te/Nghi-dinh-146-2018-ND-CP-huong-dan-Luat-bao-hiem-y-te-357505.aspx) quy định cha, mẹ, người đưa trẻ đi khám bệnh, chữa bệnh có thể phải xuất trình một trong những giấy tờ sau thay thế cho thẻ bảo hiểm y tế:

- Bản sao giấy chứng sinh.

- Hoặc bản sao giấy khai sinh.

- Trường hợp phải điều trị ngay sau khi sinh mà chưa có giấy chứng sinh thì thủ trưởng cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ của trẻ ký xác nhận vào hồ sơ bệnh án để làm căn cứ thanh toán và chịu trách nhiệm về việc xác nhận này.

**84. Đối với trường hợp chờ cấp lại thẻ, đổi thẻ bảo hiểm y tế, thủ tục khám bệnh, chữa bệnh cho người tham gia bảo hiểm y tế trong thời gian này được thực hiện như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại khoản 3 Điều 14 [Nghị định 146/2018/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/The-thao-Y-te/Nghi-dinh-146-2018-ND-CP-huong-dan-Luat-bao-hiem-y-te-357505.aspx) quy định người tham gia bảo hiểm y tế trong thời gian chờ cấp lại thẻ, đổi thẻ bảo hiểm y tế khi đến khám bệnh, chữa bệnh phải xuất trình giấy hẹn cấp lại thẻ, đổi thẻ bảo hiểm y tế do cơ quan bảo hiểm xã hội hoặc tổ chức, cá nhân được cơ quan bảo hiểm xã hội ủy quyền tiếp nhận hồ sơ cấp lại thẻ, đổi thẻ cấp theo mẫu quy định và một loại giấy tờ chứng minh về nhân thân của người đó.

**85. Tháng trước trong lúc đi chợ, chị G bị ngã xe phải đến trạm y tế tuyến xã giáp ranh của tỉnh bên để khám vết thương và được bác sĩ kê thuốc điều trị. Đề nghị cho biết chị G được hưởng bảo hiểm y tế như thế nào?**

**Trả lời:**

Điều 14 Nghị định số 146/2018/NĐ-CP quy định ngưy địnhNghị định số 146/2018/NĐ-CP nh, chữa bệnho biết chị G được cơ quan ến xã giáp ranh của tỉnh giáp ranh được quỹ bảo hiểm y tế thanh toán 100% chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong phạm vi được hưởng khi đến khám bệnh, chữa bệnh tại trạm y tế tuyến xã giáp ranh của tỉnh giáp ranh.

Về mức hưởng bảo hiểm y tế, căn cứ khoản 1 Điều 14 của Nghị định, chị G có thể được hưởng một trong các mức hưởng bảo hiểm y tế là 100%, 95% hoặc 81% chi phí khám bệnh, chữa bệnh. Sau khi biết chị G thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm y tế cụ thể nào (cán bộ, công chức, người hưởng lương hưu, trợ cấp, hộ nghèo…), mới xác định được mức hưởng bảo hiểm y tế cụ thể.

**86.** **Đối với trường hợp chuyển tuyến khám bệnh, chữa bệnh, thủ tục khám bệnh, chữa bệnh được thực hiện như thế nào?**

Thủ tục khám bệnh, chữa bệnh đối với trường hợp chuyển tuyến khám bệnh, chữa bệnh được thực hiện theo khoản 5 Điều 14 [Nghị định 146/2018/NĐ-CP, cụ thể như sau:](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bao-hiem/Thong-tu-28-2015-TT-BLDTBXH-huong-dan-Luat-viec-lam-Nghi-dinh-28-2015-ND-CP-bao-hiem-that-nghiep-280236.aspx)

- Trường hợp chuyển tuyến khám bệnh, chữa bệnh, người tham gia bảo hiểm y tế phải xuất trình hồ sơ chuyển tuyến của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và giấy chuyển tuyến theo mẫu quy định. Trường hợp giấy chuyển tuyến có giá trị sử dụng đến hết ngày 31 tháng 12 nhưng đợt điều trị chưa kết thúc thì được sử dụng giấy chuyển tuyến đó đến hết đợt điều trị.

- Trường hợp khám lại theo yêu cầu điều trị, người tham gia bảo hiểm y tế phải có giấy hẹn khám lại của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

**87.** **Bố tôi có biểu hiện đau ruột thừa, nên gia đình đã đưa bố vào bệnh viện cấp cứu (bệnh viện trái tuyến). Sau khi mổ xong và đã ổn định, bệnh viện làm thủ tục chuyển bố tôi đến bệnh viện khác (nơi bố tôi đăng ký khám, chữa bệnh). Xin cho biết bệnh viện có thực hiện theo đúng quy trình, thủ tục theo quy định của pháp luật hay không?**

**Trả lời:**

Để bảo vệ tính mạng, sức khỏe của người khám bệnh trong trường hợp cấp cứu, khoản 6 Điều 14 [Nghị định 146/2018/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/The-thao-Y-te/Nghi-dinh-146-2018-ND-CP-huong-dan-Luat-bao-hiem-y-te-357505.aspx) quy định người tham gia bảo hiểm y tế được đến khám bệnh, chữa bệnh tại bất kỳ cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nào và phải xuất trình thẻ bảo hiểm y tế có ảnh hoặc các giấy tờ khác theo quy định của pháp luật trước khi ra viện.

Tuy nhiên, khi hết giai đoạn cấp cứu, người bệnh được cơ sở khám bệnh, chữa bệnh làm thủ tục chuyển đến khoa, phòng điều trị khác tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đó để tiếp tục theo dõi, điều trị hoặc chuyển tuyến đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác thì được xác định là đúng tuyến khám bệnh, chữa bệnh.

Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh không có hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế có trách nhiệm cung cấp cho người bệnh khi ra viện các giấy tờ, chứng từ hợp lệ liên quan đến chi phí khám bệnh, chữa bệnh để người bệnh thanh toán trực tiếp với cơ quan bảo hiểm xã hội.

Căn cứ quy định nêu trên, đối với trường hợp của bố bạn, bệnh viện đã thực hiện đúng quy trình, thủ tục theo quy định của pháp luật.

**88. Hiện nay tôi đang được công ty cử đi học tập trung. Đề nghị cho biết trong thời gian đi học, tôi có thể đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cùng tuyến nơi tôi đang học để khám bệnh, chữa bệnh hay không?**

**Trả lời:**

Khoản 7 Điều 14 [Nghị định 146/2018/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/The-thao-Y-te/Nghi-dinh-146-2018-ND-CP-huong-dan-Luat-bao-hiem-y-te-357505.aspx) quy định người tham gia bảo hiểm y tế trong thời gian đi học tập trung theo các hình thức đào tạo, chương trình đào tạo được khám bệnh, chữa bệnh ban đầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cùng tuyến hoặc tương đương với cơ sở đăng ký khám bệnh, chữa bệnh ban đầu ghi trên thẻ bảo hiểm y tế và phải xuất trình thẻ bảo hiểm y tế có ảnh hoặc các giấy tờ khác theo quy định của pháp luật.

Bên cạnh đó, người tham gia bảo hiểm y tế còn phải có một trong các giấy tờ (bản chính hoặc bản chụp) sau đây: Giấy công tác, quyết định cử đi học, thẻ học sinh, sinh viên, giấy tờ chứng minh đăng ký tạm trú, giấy chuyển trường.

**89. Hồ sơ đề nghị thanh toán trực tiếp chi phí khám, chữa bệnh của người tham gia bảo hiểm y tế bao gồm những giấy tờ gì?**

**Trả lời:**

Điều 28 [Nghị định 146/2018/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/The-thao-Y-te/Nghi-dinh-146-2018-ND-CP-huong-dan-Luat-bao-hiem-y-te-357505.aspx) quy định hồ sơ đề nghị thanh toán trực tiếp chi phí khám bệnh, chữa bệnh của người tham gia bảo hiểm y tế với cơ quan bảo hiểm xã hội bao gồm các giấy tờ sau đây:

1. Các giấy tờ là bản chụp (kèm theo bản gốc để đối chiếu):

- Thẻ bảo hiểm y tế có ảnh (hoặc giấy tờ thay thế khác đối với trường hợp do pháp luật quy định), giấy chứng minh nhân thân theo quy định.

- Giấy ra viện, phiếu khám bệnh hoặc sổ khám bệnh của lần khám bệnh, chữa bệnh đề nghị thanh toán.

2. Hóa đơn và các chứng từ có liên quan.

**90. Thủ tục đề nghị thanh toán trực tiếp chi phí khám, chữa bệnh của người tham gia bảo hiểm với cơ quan bảo hiểm xã hội được thực hiện như thế nào?**

**Trả lời:**

Thủ tục nộp hồ sơ, giải quyết thanh toán trực tiếp chi phí khám bệnh, chữa bệnh của người tham gia bảo hiểm y tế với cơ quan bảo hiểm xã hội thực hiện theo quy định tại Điều 29 [Nghị định 146/2018/NĐ-CP, cụ thể](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/The-thao-Y-te/Nghi-dinh-146-2018-ND-CP-huong-dan-Luat-bao-hiem-y-te-357505.aspx) như sau:

- Người bệnh hoặc thân nhân hoặc người đại diện hợp pháp theo quy định của pháp luật của người bệnh trực tiếp nộp hồ sơ đầy đủ theo quy định của pháp luật cho cơ quan bảo hiểm xã hội cấp huyện nơi cư trú.

- Bảo hiểm xã hội cấp huyện có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ đề nghị thanh toán của người bệnh và lập giấy biên nhận hồ sơ. Những hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn bổ sung đầy đủ.

Trong thời hạn 40 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán phải hoàn thành việc giám định bảo hiểm y tế và thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh cho người bệnh hoặc thân nhân của người bệnh hoặc người đại diện hợp pháp. Trường hợp không thanh toán phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**91. Mẹ tôi là cán bộ xã đã nghỉ việc đang hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng đến khám bệnh, chữa bệnh tại tuyến huyện không có hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế. Đề nghị cho biết mức thanh toán trực tiếp chi phí khám, chữa bệnh của cơ quan bảo hiểm xã hội cho mẹ tôi là bao nhiêu?**

**Trả lời:**

Khoản 1 Điều 30 [Nghị định 146/2018/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/The-thao-Y-te/Nghi-dinh-146-2018-ND-CP-huong-dan-Luat-bao-hiem-y-te-357505.aspx) quy định trường hợp người bệnh đến khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tuyến huyện và tương đương không có hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế (trừ trường hợp cấp cứu), thanh toán như sau:

- Trường hợp khám bệnh, chữa bệnh ngoại trú, thanh toán theo chi phí thực tế trong phạm vi được hưởng và mức hưởng bảo hiểm y tế theo quy định nhưng tối đa không quá 0,15 lần mức lương cơ sở tại thời điểm khám bệnh, chữa bệnh.

- Trường hợp khám bệnh, chữa bệnh nội trú, thanh toán theo chi phí thực tế trong phạm vi được hưởng và mức hưởng bảo hiểm y tế theo quy định nhưng tối đa không quá 0,5 lần mức lương cơ sở tại thời điểm ra viện.

**92. Mức thanh toán thực tế của cơ quan bảo hiểm xã hội chi trả cho người đến khám bệnh, chữa bệnh nội trú tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tuyến tỉnh không có hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Mức thanh toán chi phí thực tế và mức hưởng bảo hiểm y tế của người bệnh đến khám chữa bệnh nội trú tại cơ sở khám, chữa bệnh tuyến tỉnh không có hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 30 [Nghị định 146/2018/NĐ-CP.](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/The-thao-Y-te/Nghi-dinh-146-2018-ND-CP-huong-dan-Luat-bao-hiem-y-te-357505.aspx)

Theo đó, người bệnh đến khám bệnh, chữa bệnh nội trú tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tuyến tỉnh không có hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế, trừ trường hợp cấp cứu, được thanh toán theo chi phí thực tế trong phạm vi được hưởng và mức hưởng bảo hiểm y tế theo quy định nhưng tối đa không quá 1,0 lần mức lương cơ sở tại thời điểm ra viện.

**93. Mức thanh toán thực tế của cơ quan bảo hiểm xã hội chi trả cho người đến khám bệnh, chữa bệnh nội trú tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tuyến trung ương không có hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Khoản 3 Điều 30 [Nghị định 146/2018/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/The-thao-Y-te/Nghi-dinh-146-2018-ND-CP-huong-dan-Luat-bao-hiem-y-te-357505.aspx) quy định trường hợp người bệnh đến khám bệnh, chữa bệnh nội trú tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tuyến trung ương và tương đương không có hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế (trừ trường hợp cấp cứu), thanh toán theo chi phí thực tế trong phạm vi được hưởng và mức hưởng bảo hiểm y tế theo quy định nhưng tối đa không quá 2,5 lần mức lương cơ sở tại thời điểm ra viện.

**94. Xin cho biết pháp luật nghiêm cấm những hành vi nào trong hoạt động lâm nghiệp?**

**Trả lời:**

Tại Điều 9 Luật Lâm nghiệp 2017 quy định có 09 nhóm hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động lâm nghiệp, cụ thể như sau:

1. Chặt, phá, khai thác, lấn, chiếm rừng trái quy định của pháp luật.

2. Đưa chất thải, hóa chất độc, chất nổ, chất cháy, chất dễ cháy, công cụ, phương tiện vào rừng trái quy định của pháp luật; chăn, dắt, thả gia súc, vật nuôi vào phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của rừng đặc dụng, rừng mới trồng.

3. Săn, bắt, nuôi, nhốt, giết, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán động vật rừng, thu thập mẫu vật các loài thực vật rừng, động vật rừng trái quy định của pháp luật.

4. Hủy hoại tài nguyên rừng, hệ sinh thái rừng, công trình bảo vệ và phát triển rừng.

5. Vi phạm quy định về phòng cháy và chữa cháy rừng; phòng, trừ sinh vật gây hại rừng; quản lý các loài ngoại lai xâm hại; dịch vụ môi trường rừng.

6. Tàng trữ, mua bán, vận chuyển, chế biến, quảng cáo, trưng bày, xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập, quá cảnh lâm sản trái quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

7. Khai thác tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên khoáng sản, môi trường rừng trái quy định của pháp luật; xây dựng, đào, bới, đắp đập, ngăn dòng chảy tự nhiên và các hoạt động khác trái quy định của pháp luật làm thay đổi cấu trúc cảnh quan tự nhiên của hệ sinh thái rừng.

8. Giao rừng, cho thuê rừng, thu hồi rừng, chuyển loại rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng trái quy định của pháp luật; cho phép khai thác, vận chuyển lâm sản trái quy định của pháp luật; chuyển đổi diện tích rừng, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho, thế chấp, góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng rừng, quyền sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng trái quy định của pháp luật; phân biệt đối xử về tôn giáo, tín ngưỡng và giới trong giao rừng, cho thuê rừng.

9. Sử dụng nguyên liệu trong chế biến lâm sản trái quy định của pháp luật.

**95. Nhà tôi có mảnh rừng sản xuất là rừng tự nhiên từ lâu đời, nay nhà tôi muốn khai thác lâm sản trong rừng. Để thực hiện khai thác lâm sản, gia đình tôi phải đáp ứng những điều kiện gì?**

**Trả lời:**

Điều kiện khai thác lâm sản trong rừng sản xuất là rừng tự nhiên được thực hiện theo quy định tại Điều 58 Luật Lâm Nghiệp 2017, cụ thể như sau:

- Chủ rừng là tổ chức phải có phương án quản lý rừng bền vững được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

- Chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư khai thác gỗ có đề nghị và được Ủy ban nhân dân cấp huyện chấp thuận.

Việc khai thác lâm sản trong rừng sản xuất là rừng tự nhiên thực hiện theo quy định của Luật Lâm Nghiệp 2017 và Quy chế quản lý rừng.

**96. Đề nghị cho biết chủ rừng sản xuất có được thực hiện một số hoạt động về sản xuất nông nghiệp hoặc kết hợp kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí hay không?**

**Trả lời:**

Điều 60 Luật Lâm nghiệp năm 2017 quy định việc sản xuất lâm, nông, ngư nghiệp kết hợp, nghiên cứu khoa học, giảng dạy, thực tập, kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng sản xuất như sau:

- Được trồng xen cây nông nghiệp, cây lâm sản ngoài gỗ; chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản dưới tán rừng, không làm suy giảm chất lượng rừng.

- Được sử dụng diện tích đất chưa có rừng để sản xuất nông nghiệp, ngư nghiệp kết hợp, không làm thoái hóa, ô nhiễm đất; không chuyển mục đích sử dụng đất rừng.

- Được kết hợp kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí, nghiên cứu khoa học, giảng dạy, thực tập.

- Được tự tổ chức, hợp tác, liên doanh, liên kết hoặc cho tổ chức, cá nhân thuê rừng, thuê môi trường rừng phù hợp với quyền của chủ rừng để kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.

- Được xây dựng công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.

**97. Những đối tượng nào được Nhà nước giao rừng đặc dụng không thu tiền sử dụng rừng?**

**Trả lời:**

Rừng đặc dụng được sử dụng chủ yếu để bảo tồn hệ sinh thái rừng tự nhiên, nguồn gen sinh vật rừng, nghiên cứu khoa học, bảo tồn di tích lịch sử - văn hóa, tín ngưỡng, danh lam thắng cảnh kết hợp du lịch sinh thái; nghỉ dưỡng, giải trí trừ phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của rừng đặc dụng; cung ứng dịch vụ môi trường rừng.

Rừng đặc dụng bao gồm: (i) Vườn quốc gia, (ii) Khu dự trữ thiên nhiên, (iii) Khu bảo tồn loài - sinh cảnh, (iv) Khu bảo vệ cảnh quan bao gồm rừng bảo tồn di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; rừng tín ngưỡng; rừng bảo vệ môi trường đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao; (v) Khu rừng nghiên cứu, thực nghiệm khoa học; vườn thực vật quốc gia; rừng giống quốc gia.

Xuất phát từ vị trí, vai trò quan trọng của rừng đặc dụng, khoản 1 Điều 16 Luật Lâm Nghiệp 2017 quy định Nhà nước giao rừng đặc dụng không thu tiền sử dụng rừng cho các đối tượng sau đây:

- Ban quản lý rừng đặc dụng đối với vườn quốc gia; khu dự trữ thiên nhiên; khu bảo tồn loài - sinh cảnh; khu bảo vệ cảnh quan bao gồm rừng bảo tồn di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, rừng bảo vệ môi trường đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao; rừng giống quốc gia; vườn thực vật quốc gia.

- Tổ chức khoa học và công nghệ, đào tạo, giáo dục nghề nghiệp về lâm nghiệp đối với rừng nghiên cứu, thực nghiệm khoa học, vườn thực vật quốc gia.

- Ban quản lý rừng phòng hộ, tổ chức kinh tế, đơn vị vũ trang đối với khu bảo vệ cảnh quan bao gồm rừng bảo tồn di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; rừng bảo vệ môi trường đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao xen kẽ trong diện tích rừng được giao.

- Cộng đồng dân cư đối với khu rừng tín ngưỡng mà họ đang quản lý và sử dụng theo truyền thống;

- Tổ chức kinh tế, tổ chức khoa học và công nghệ, đào tạo, giáo dục nghề nghiệp về lâm nghiệp trong nước đối với rừng giống quốc gia xen kẽ trong diện tích rừng được giao.

**98. Cộng đồng dân cư có thể là chủ rừng hay không? Chủ rừng có những quyền gì?**

**Trả lời:**

Điều 8 Luật Lâm nghiệp năm 2017 quy định có 07 nhóm chủ rừng, trong đó có cộng đồng dân cư.

Về các quyền của chủ rừng, cùng với các quyền chung được quy định tại Điều 73, tại Điều 86 Luật Lâm nghiệp năm 2017 còn quy định các quyền của công đồng dân cư được Nhà nước giao rừng tín ngưỡng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất, cụ thể như sau:

- Được Nhà nước bảo đảm kinh phí bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng, rừng phòng hộ giao cho cộng đồng dân cư.

- Được hướng dẫn sản xuất lâm, nông, ngư nghiệp kết hợp, canh tác dưới tán rừng, chăn thả gia súc theo Quy chế quản lý rừng; được hỗ trợ phát triển kinh tế rừng, hỗ trợ phục hồi rừng bằng cây lâm nghiệp bản địa.

- Khai thác lâm sản trong rừng đặc dụng là rừng tín ngưỡng theo quy định tại Điều 52, rừng phòng hộ theo quy định tại Điều 55, rừng sản xuất là rừng tự nhiên theo quy định tại Điều 58, rừng sản xuất là rừng trồng theo quy định tại Điều 59 của Luật này; được chia sẻ lợi ích từ rừng theo chính sách của Nhà nước; được sở hữu cây trồng, vật nuôi và tài sản khác trên đất trồng rừng do chủ rừng đầu tư.

**99. Đề nghị cho biết chủ rừng là cộng đồng dân cư khi được giao rừng sản xuất có những nghĩa vụ gì?**

**Trả lời:**

Khoản 2 Điều 86 Luật Lâm nghiệp năm 2017 quy định cộng đồng dân cư được giao rừng tín ngưỡng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất có nghĩa vụ như sau:

- Các nghĩa v chung của chủ rừng quy định tại Điều 74, bao gồm: (i) Qu) ng của chủ phát triển, sử dụng rừng bền vững theo Quy chế quản lý rừng, quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan; (ii) Thực hiện quy định về theo dõi diễn biến rừng; (iii) Trả lại rừng khi Nhà nước thu hồi rừng theo quy định của pháp luật; (iv) Bảo tồn đa dạng sinh học rừng, thtồn đa dạng sinh học rừnu ; (v) Phòng cháy và chữa cháy rừng; phòng, trừ sinh vật gây hại rừng; (vi) Chấp hành sự quản lý, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; (vii) Thực hiện nghĩa vụ tài chính và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

- Hoàn thiện, thực hiện hương ước, quy ước bảo vệ và phát triển rừng phù hợp với quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Bảo đảm duy trì diện tích rừng được giao.

- Không được phân chia rừng cho các thành viên trong cộng đồng dân cư.

- Không được chuyển nhượng, cho thuê, tặng cho quyền sử dụng rừng; thế chấp, góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng rừng.

**100. Xin cho biết những tổ chức, cá nhân nào được Nhà nước giao rừng sản xuất không thu tiền sử dụng rừng?**

**Trả lời:**

Khoản 3 Điều 16 Luật Lâm Nghiệp 2017 quy định Nhà nước giao rừng sản xuất không thu tiền sử dụng rừng cho các đối tượng sau đây:

- Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư cư trú hợp pháp trên địa bàn cấp xã nơi có diện tích rừng; đơn vị vũ trang.

- Ban quản lý rừng đặc dụng, ban quản lý rừng phòng hộ đối với diện tích rừng sản xuất xen kẽ trong diện tích rừng đặc dụng, rừng phòng hộ được giao cho ban quản lý rừng đó.

**101.** **Khi rừng được giao mà chủ rừng sử dụng không đúng mục đích thì có bị Nhà nước thu hồi hay không?**

**Trả lời:**

Rừng đã giao cho chủ rừng có thể bị thu hồi theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Luật Lâm Nghiệp 2017. Trong đó có trường hợp hủ rừng sử dụng rừng không đúng mục đích, cố ý không thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước hoặc vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật về lâm nghiệp.

Ngoài ra, pháp luật quy định thu hồi rừng trong các trường hợp như sau:

- Chủ rừng không tiến hành hoạt động bảo vệ và phát triển rừng sau 12 tháng liên tục kể từ ngày được giao, được thuê rừng, trừ trường hợp bất khả kháng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận.

- Chủ rừng tự nguyện trả lại rừng.

- Rừng được Nhà nước giao, cho thuê khi hết hạn mà không được gia hạn.

- Rừng được giao, được thuê không đúng thẩm quyền hoặc không đúng đối tượng.

- Chủ rừng là cá nhân khi chết không có người thừa kế theo quy định của pháp luật.

- Các trường hợp thu hồi đất có rừng khác theo quy định của Luật Đất đai.

**102.** **Việc khai thác lâm sản trong rừng phòng hộ được thực hiện như thế nào để bảo vệ rừng, đồng thời phục vụ nhu cầu của cộng đồng?**

**Trả lời:**

Điều 55 Luật Lâm Nghiệp 2017 quy định việc khai thác lâm sản trong rừng phòng hộ phải thực hiện theo quy định sau đây:

- Đối với rừng phòng hộ là rừng tự nhiên, được khai thác cây gỗ đã chết, cây gãy đổ, cây bị sâu bệnh, cây đứng ở nơi mật độ lớn hơn mật độ quy định.

- Đối với rừng phòng hộ là rừng tự nhiên, việc khai thác lâm sản ngoài gỗ: Được khai thác măng, tre, nứa, nấm trong rừng phòng hộ khi đã đạt yêu cầu phòng hộ; được khai thác lâm sản ngoài gỗ khác mà không làm ảnh hưởng đến khả năng phòng hộ của rừng.

- Đối với rừng phòng hộ là rừng trồng: Được khai thác cây phụ trợ, chặt tỉa thưa khi rừng trồng có mật độ lớn hơn mật độ quy định; được khai thác cây trồng chính khi đạt tiêu chuẩn khai thác theo phương thức khai thác chọn hoặc chặt trắng theo băng, đám rừng; sau khi khai thác, chủ rừng phải thực hiện việc tái sinh hoặc trồng lại rừng trong vụ trồng rừng kế tiếp và tiếp tục quản lý, bảo vệ.

**103.** **Hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất để trồng rừng sản xuất, rừng phòng hộ có những quyền gì?**

**Trả lời:**

Quyền của hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất để trồng rừng sản xuất thực hiện theo Điều 84 Luật Lâm nghiệp năm 2017, cụ thể như sau:

- Có các quyền chung của chủ rừng.

- Được sở hữu cây trồng, vật nuôi và tài sản khác trên đất trồng rừng sản xuất do chủ rừng đầu tư.

- Được sở hữu cây trồng xen, vật nuôi và tài sản khác trên đất trồng rừng phòng hộ do chủ rừng đầu tư.

- Khai thác lâm sản trong rừng phòng hộ theo quy định tại Điều 55, rừng sản xuất là rừng trồng theo quy định tại Điều 59.

- Được chia sẻ lợi ích từ rừng trong trường hợp trồng rừng bằng vốn ngân sách nhà nước.

- Được chuyển nhượng, tặng cho, cho thuê rừng sản xuất là rừng trồng; thế chấp, góp vốn bằng giá trị rừng sản xuất là rừng trồng.

- Cá nhân được để lại quyền sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng, quyền sử dụng rừng cho người thừa kế theo quy định của pháp luật.

**104.** **Hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước cho thuê đất để trồng rừng sản xuất có những quyền gì?**

**Trả lời:**

Quyền của hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước cho thuê đất để trồng rừng sản xuất thực hiện theo Điều 85 Luật Lâm nghiệp năm 2017, cụ thể như sau:

- Các quyền chung của chủ rừng.

- Được sở hữu cây trồng, vật nuôi và tài sản khác trên đất trồng rừng; khai thác lâm sản trong rừng sản xuất là rừng trồng theo quy định tại Điều 59.

- Được chuyển nhượng, tặng cho, cho thuê rừng sản xuất là rừng trồng; thế chấp, góp vốn bằng giá trị rừng sản xuất là rừng trồng trong thời gian thuê đất; cá nhân được để lại quyền sở hữu rừng cho người thừa kế theo quy định của pháp luật.

**105. Gia đình tôi có đất ở xen kẽ trong rừng đặc dụng không thuộc quy hoạch rừng đặc dụng thì nay có được tiếp tục sử dụng đất đó nữa không?**

**Trả lời:**

Để ổn định đời sống dân cư sống trong rừng đặc dụng và vùng đệm của rừng đặc dụng, khoản 4 Điều 54 Luật Lâm Nghiệp 2017 quy định đất ở, đất sản xuất của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư xen kẽ trong rừng đặc dụng không thuộc quy hoạch rừng đặc dụng sẽ được tiếp tục sử dụng theo quy hoạch sử dụng đất được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và phù hợp với phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng.

Căn cứ quy định nêu trên, gia đình bạn tiếp tục được sử dụng đất ở xen kẽ trong rừng đặc dụng.

**22 câu hỏi tìm hiểu một số quy định pháp luật về chăn nuôi (4.II)**

**105. Huyện X được nhiều người biết đến vì có giống gà tre rất đẹp. Để phát triển giống gà này, Nhà nước có biện pháp gì nhằm bảo tồn nguồn gen của giống vật nuôi này?**

**Trả lời:**

Gà tre được coi là giống vật nuôi quý, hiếm. Đây là giống vật nuôi có giá trị đặc biệt về khoa học, y tế, kinh tế mà số lượng còn ít hoặc bị đe dọa tuyệt chủng.

Do vậy, để bảo vệ giống gà này, cũng như phục vụ phát triển kinh tế, Điều 4 Luật Chăn nuôi năm 2018 quy định nhà nước sẽ có chính sách đầu tư để bảo tồn nguồn gen giống vật nuôi, quý, hiếm và giống vật nuôi bản địa.

**106. Sau đợt bão lũ, quê tôi chịu thiệt hại nặng nề về tài sản, các đàn vật nuôi của nhiều hộ gia đình bị chết hoặc phải tiêu hủy để phòng, chống dịch, hạn chế lây lan. Đề nghị cho biết Nhà nước có chính sách gì để hỗ trợ cho người dân hay không? Mức hỗ trợ như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 9/1/2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh (Nghị định số 02/2017/NĐ-CP), thì hộ nông dân, người nuôi trồng thủy sản, diêm dân, chủ trang trại, gia trại, tổ hợp tác, hợp tác xã sản xuất trong lĩnh vực trồng trọt, lâm nghiệp, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và sản xuất muối bị thiệt hại trực tiếp do thiên tai, dịch bệnh sẽ được Nhà nước hỗ trợ để khôi phục sản xuất.

Mức hỗ trợ cụ thể thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 5 Nghị định số 02/2017/NĐ-CP, cụ thể như sau:

- Gia cầm (gà, vịt, ngan, ngỗng) đến 28 ngày tuổi, hỗ trợ 10.000 - 20.000 đồng/con; trên 28 ngày tuổi, hỗ trợ 21.000 - 35.000 đồng/con.

- Lợn đến 28 ngày tuổi, hỗ trợ 300.000 - 400.000 đồng/con; trên 28 ngày tuổi, hỗ trợ 450.000 - 1.000.000 đồng/con; lợn nái và lợn đực đang khai thác, hỗ trợ 2.000.000 đồng/con.

- Bê cái hướng sữa đến 6 tháng tuổi, hỗ trợ 1.000.000 - 3.000.000 đồng/con; bò sữa trên 6 tháng tuổi, hỗ trợ 3.100.000 - 10.000.000 đồng/con.

- Trâu, bò thịt, ngựa đến 6 tháng tuổi, hỗ trợ 500.000 - 2.000.000 đồng/con; trên 6 tháng tuổi, hỗ trợ 2.100.000 - 6.000.000 đồng/con.

- Hươu, nai, cừu, dê: Hỗ trợ 1.000.000 - 2.500.000 đồng/con.

**107. Một số hộ gia đình ở vùng đồi núi cao phía Bắc đã đầu tư nuôi cá tầm, cá hồi. Đợt lũ quét vừa rồi làm cho trại nuôi cá của các gia đình bị thiệt hại nặng nề, toàn bộ cá bị cuốn theo lũ, bể nuôi bị vỡ và hư hỏng, có trường hợp thiệt hại đến hơn 70%. Xin cho biết các hộ gia đình thuộc trường hợp này có được nhà nước hỗ trợ hay không?**

**Trả lời:**

Các hộ dân nuôi trồng thủy sản bị thiệt hại do thiên tai sẽ được nhà nước hỗ trợ theo các mức quy định tại điểm i khoản 3 Điều 5 Nghị định số 02/2017/NĐ-CP, cụ thể như sau:

- Diện tích nuôi cá nước lạnh (tầm, hồi) thâm canh bị thiệt hại trên 70%, được hỗ trợ từ 35.500.000 - 50.000.000 đồng/ha.

- Diện tích nuôi cá nước lạnh thâm canh bị thiệt hại từ 30% - 70%, được hỗ trợ từ 15.000.000 - 35.000.000 đồng/ha.

Căn cứ quy định nêu trên, mức hỗ trợ cho từng hộ gia đình được tính theo tỷ lệ diện tích nuôi cá thâm canh bị thiệt hại, trường hợp thiệt hại hơn 70% thì được hỗ trợ từ 35,5 triệu đồng đến 50 triệu đồng/ha.

**108. Đề nghị cho biết mức hỗ trợ đối với trường hợp gia súc, gia cầm bị chất do dịch bệnh là bao nhiêu?**

**Trả lời:**

Điểm b khoản 4 Điều 5 Nghị định số 02/2017/NĐ-CP quy định mức hỗ trợ đối với thiệt hại về gia súc, gia cầm do dịch bệnh gây ra như sau:

Hỗ trợ trực tiếp cho các hộ sản xuất có gia súc, gia cầm phải tiêu hủy bắt buộc do mắc dịch bệnh hoặc trong vùng có dịch bắt buộc phải tiêu hủy với mức 38.000 đồng/kg hơi đối với lợn; 45.000 đồng/kg hơi đối với trâu, bò, dê, cừu, hươu, nai; 35.000 đồng/con gia cầm (gà, vịt, ngan, ngỗng).

**109. Ở một số khu chung cư, nhất là khu tập thể cũ vẫn còn tình trạng nuôi chó, nuôi gà, nuôi lợn, gây ảnh hưởng tới sinh hoạt chung của khu tập thể. Tiếng chó sủa, tiếng gà gáy, tiếng lợn kêu gây mất trật tự, nhất là về đêm, khi có mưa dầm, gió bấc, mùi hôi lan khắp nơi. Đề nghị cho biết việc làm này có bị nghiêm cấm hay không?**

**Trả lời:**

Điều 12 Luật Chăn nuôi 2018 quy định 14 nhóm hành vi bị nghiêm cấm trong chăn nuôi. Trong đó có hành vi chăn nuôi trong khu vực không được phép chăn nuôi của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư; trừ nuôi động vật làm cảnh, nuôi động vật trong phòng thí nghiệm mà không gây ô nhiễm môi trường.

Căn cứ quy định nêu trên, việc nuôi chó, nuôi mèo, nuôi gà của một số hộ gia đình ở chung cư, khu tập thể là không đúng quy định, thuộc trường hợp bị pháp luật nghiêm cấm.

**110. Hiện nay nước ta có rất nhiều giống lợn, giống gà lạ được một số hộ gia đình mua về để làm cảnh. Xin cho biết các giống lợn, giống gà này có thuộc giống vật nuôi cần bảo tồn hay không?**

**Trả lời:**

Giống vật nuôi cần bảo tồn bao gồm các giống vật nuôi có số lượng còn ít hoặc bị đe dọa tuyệt chủng. Do vậy, để bảo vệ, duy trì các giống vật nuôi này, Luật Chăn nuôi năm 2017 quy định Chính phủ ban hành danh mục giống vật nuôi cần bảo tồn.

Theo đó, Nghị định số 13/2010/NĐ-CP ban hành danh mục giống vật nuôi cần bảo tồn, trong đó có thể kể một số giống gà như gà Tây Kỳ Sơn, gà trụi lông cổ, gà lông chân, gà Hre, gà lùn Cao Sơn; giống lợn như lợn ỉ, lợn Chư Prong, lợn Mường Tè, lợn cỏ Bình Thuận…

**111. Để sản xuất, mua bán con giống vật nuôi, các cơ sở, hộ gia đình phải đáp ứng những yêu cầu, điều kiện nào?**

**Trả lời:**

Điều 22 Luật Chăn nuôi 2018 quy định tổ chức, cá nhân sản xuất con giống vật nuôi phải đáp ứng các điều kiện như sau:

- Các điều kiện quy định tại Điều 55, bao gồm: (i) Vị trí xây dựng trang trại phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, vùng, chiến lược phát triển chăn nuôi; đáp ứng yêu cầu về mật độ chăn nuôi quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều 53 của Luật này; (ii) Có đủ nguồn nước bảo đảm chất lượng cho hoạt động chăn nuôi và xử lý chất thải chăn nuôi; (iii) Có biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; (iv) Có chuồng trại, trang thiết bị chăn nuôi phù hợp với từng loại vật nuôi; (v) Có hồ sơ ghi chép quá trình hoạt động chăn nuôi, sử dụng thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, vắc-xin và thông tin khác để bảo đảm truy xuất nguồn gốc; lưu giữ hồ sơ trong thời gian tối thiểu là 01 năm sau khi kết thúc chu kỳ chăn nuôi; (vi) Có khoảng cách an toàn từ khu vực chăn nuôi trang trại đến đối tượng chịu ảnh hưởng của hoạt động chăn nuôi và từ nguồn gây ô nhiễm đến khu vực chăn nuôi trang trại.

- Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng phù hợp và công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với giống vật nuôi.

- Cơ sở nuôi giữ giống gốc, cơ sở tạo dòng, giống vật nuôi phải có nhân viên kỹ thuật có trình độ từ đại học trở lên về một trong các chuyên ngành chăn nuôi, thú y, sinh học.

- Cơ sở nuôi đàn giống cấp bố mẹ đối với lợn, gia cầm, đàn nhân giống, sản xuất con giống vật nuôi phải có nhân viên kỹ thuật được đào tạo về một trong các chuyên ngành chăn nuôi, thú y, sinh học.

- Có hồ sơ giống ghi rõ tên giống, cấp giống, xuất xứ, số lượng, các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật.

**112. Xin hãy cho biết quyền và nghĩa vụ của cơ sở sản xuất, mua bán sản phẩm giống vật nuôi được pháp luật quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

quyền và nghĩa vụ của cơ sở sản xuất, mua bán sản phẩm giống vật nuôi được thực hiện theo quy định tại Điều 25 Luật Chăn nuôi năm 2018, cụ thể như sau:

*\* Về quyền:*

- Được sản xuất, mua bán sản phẩm giống vật nuôi khi đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 22 và Điều 23 của Luật Chăn nuôi.

- Được hưởng chính sách của Nhà nước đối với cơ sở sản xuất, mua bán sản phẩm giống vật nuôi.

- Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện liên quan đến sản xuất, mua bán sản phẩm giống vật nuôi theo quy định của pháp luật.

- Được giữ bí mật thông tin về hoạt động sản xuất, mua bán sản phẩm giống vật nuôi, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

*\* Về nghĩa vụ:*

- Kê khai hoạt động chăn nuôi theo quy định tại Điều 54 của Luật Chăn nuôi.

- Bảo đảm các điều kiện cơ sở sản xuất, mua bán sản phẩm giống vật nuôi trong quá trình sản xuất, mua bán.

- Lưu hồ sơ giống trong thời gian tối thiểu là 03 năm kể từ ngày sản xuất, mua bán.

- Cung cấp cho người mua sản phẩm giống vật nuôi hồ sơ bao gồm thông tin về tên, địa chỉ cơ sở sản xuất, tên giống vật nuôi, số lượng sản phẩm giống vật nuôi xuất bán, hệ phả đối với gia súc, bản công bố tiêu chuẩn áp dụng, quy trình chăn nuôi;

- Bảo đảm và chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm giống vật nuôi phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng.

- Thu hồi sản phẩm giống vật nuôi không bảo đảm về chủng loại, nguồn gốc, chất lượng và bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

- Chấp hành việc thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

**113. Đề nghị cho biết thức ăn chăn nuôi trước khi lưu thông trên thị trường phải đáp ứng những yêu cầu nào?**

**Trả lời:**

Điều 32 Luật Chăn nuôi quy định các yêu cầu đối với thức ăn chăn nuôi thương mại trước khi lưu thông trên thị trường như sau:

- Công bố tiêu chuẩn áp dụng và công bố hợp quy theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

- Có chất lượng phù hợp tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

- Sản xuất tại cơ sở có Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp.

- Công bố thông tin sản phẩm thức ăn chăn nuôi trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Nhãn hoặc tài liệu kèm theo thức ăn chăn nuôi thực hiện theo quy định tại Điều 46 của Luật Chăn nuôi.

**114. Xin cho biết dây chuyền, trang thiết bị phù hợp để sản xuất thức ăn chăn nuôi phải đáp ứng những yêu cầu nào?**

**Trả lời:**

Khoản 1 Điều 9 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP quy định dây chuyền, trang thiết bị phù hợp để sản xuất thức ăn chăn nuôi là dây chuyền sản xuất, trang thiết bị tiếp xúc với thức ăn chăn nuôi phải được làm bằng vật liệu dễ vệ sinh, không gây nhiễm chéo, không thôi nhiễm chất độc hại từ thiết bị sang thức ăn chăn nuôi; khu vực chứa thức ăn chăn nuôi bảo đảm thông thoáng, có đủ ánh sáng để quan sát bằng mắt thường, có giải pháp chống ẩm để không làm ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm; cơ sở sản xuất sinh khối vi sinh vật phải có thiết bị tạo môi trường, lưu giữ và nuôi cấy vi sinh vật.

**115. Anh B đang xây dựng cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi, do nguồn vốn ít nên cơ sở của anh còn một số hạng mục chưa đạt tiêu chuẩn, trong đó có tiêu chuẩn *“Có biện pháp kiểm soát sinh vật gây hại, tạp chất, chất thải gây nhiễm bẩn để không ảnh hưởng đến an toàn, chất lượng thức ăn chăn nuôi”*. Xin cho biết nội dung cụ thể của tiêu chuẩn này được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP và Mục I Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 13/2020/NĐ-CP đã cụ thể hóa nội dung của biện pháp kiểm soát sinh vật gây hại, tạp chất, chất thải gây nhiễm bẩn như sau:

- Có giải pháp để kiểm soát tạp chấp (cát sạn, kim loại, bụi…) gây nhiễm bẩn vào sản phẩm.

- Trường hợp thức ăn có nguy cơ lẫn tạp chất phải có thiết bị loại bỏ tạp chất trong quá trình sản xuất (ví dụ quạt, sàng, nam châm…).

- Có giải pháp kiểm soát, phòng chống sinh vật gây hại (côn trùng, chuột, chim…) và vật nuôi xâm nhập vào khu vực sản xuất, khu lưu trữ nguyên liệu và thành phầm; phòng, chống mối mọt.

- Cửa ra vào, cửa sổ phải được thiết kế để khi đóng, mở bảo đảm ngăn được sinh vật gây hại và vật nuôi vào trong nhà xưởng (ví dụ: mành, lưới, bẫy chuột, đèn diệt côn trùng hoặc các biện pháp khác). Có kế hoạch kiểm soát mối mọt.

- Các yeu cầu kiểm soát phải được thể hiện bằng văn bản và được người có thẩm quyền của cơ sở sản xuất phê duyệt. Quá trình kiểm soát phải được ghi chép.

- Có giải pháp thu gom và xử lý chất thải để tránh nhiễm bẩn cho sản phẩm và bảo đảm vệ sinh môi trường.

- Có vật dụng để chứa các loại chất thải khác nhau (ví dụ: rác thải sinh hoạt, chất thải tái chế được và chất thải nguy hại) và có dấu hiệu nhận biết. Chất thải nguy hại cần được chưa trong vật dụng kín, đặt ở nơi riêng biệt với chất thải khác. Nơi tập kết chất thải phải tách hiệt với khu vực sản xuất.

- Có giải pháp bảo hộ lao động, vệ sinh cho người sản xuất và khách tham quan khu vực sản xuất.

- Có chỉ dẫn về an toàn, có trang bị bảo hộ lao động phù hợp với người sản xuất và khách tham quan (ví dụ: kính, mũ, khẩu trang, quần áo, giầy, găng tay…). Có khu vệ sinh, thay quần áo, đủ nước sạch, chất tẩy rửa cho người sản xuất và khách tham quan.

**116. Gia đình tôi có dự định kinh doanh thức ăn chăn nuôi. Hiện nay tôi đã tìm được địa điểm cửa hàng bày bán sản phẩm. Ngoài ra, tôi còn phải đáp ứng những điều kiện gì?**

**Trả lời:**

Điều 40 Luật Chăn nuôi năm 2018 quy định điều kiện kinh doanh thức ăn chăn nuôi như sau:

1. Có trang thiết bị, dụng cụ để bảo quản thức ăn chăn nuôi theo hướng dẫn của tổ chức, cá nhân sản xuất, cung cấp.

2. Nơi bày bán, kho chứa thức ăn chăn nuôi phải tách biệt hoặc không bị ô nhiễm bởi thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, hóa chất độc hại khác.

3. Có biện pháp phòng, chống sinh vật gây hại.

**117. Để mở rộng sản xuất, nuôi gia cầm, gia súc, hộ gia đình anh M vừa đầu tư mua 200 con gà mới nở khoảng 10 ngày tuổi. Để phòng dịch bệnh, anh M đã mua thức ăn chăn nuôi có chứa kháng sinh phục vụ chăn nuôi. Nhưng anh M lại dùng loại thức ăn này cho cả đàn lợn chuẩn bị xuất chuồng. Đề nghị cho biết việc dùng thức ăn chăn nuôi của anh M có đúng quy định của pháp luật?**

**Trả lời:**

Việc sử dụng thức ăn chăn nuôi chứa kháng sinh phải thực hiện theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP. Theo đó, quy định cụ thể một số loại vật nuôi ở giai đoạn con non được sử dụng thức ăn chăn nuôi chứa kháng sinh để phòng bệnh. Cụ thể như sau:

- Lợn con có khối lượng đến 25 kg hoặc từ sơ sinh đến 60 ngày tuổi.

- Gà, vịt, ngan, chim cút từ 01 đến 21 ngày tuổi.

- Thỏ từ sơ sinh đến 30 ngày tuổi.

- Bê, nghé từ sơ sinh đến 06 tháng tuổi.

Căn cứ quy định nêu trên, việc anh M cho cả đàn lợn chuẩn bị xuất chuồng dùng thức ăn chăn nuôi có chứa kháng sinh là không đúng, anh chỉ được phép dùng loại thức ăn này cho đàn gà con mới mua.

**118. Muốn tổ chức hoạt động chăn nuôi tại hộ gia đình thì hộ gia đình phải đáp ứng những yêu cầu nào?**

**Trả lời:**

Tổ chức hoạt động chăn nuôi tại hộ gia đình là một hình thức được gọi là chăn nuôi nông hộ (khoản 3 Điều 2 Luật Chăn nuôi năm 2018). Điều 56 Luật này quy định các điều kiện chăn nuôi nông hộ như sau:

1. Chuồng nuôi phải tách biệt với nơi ở của người.

2. Định kỳ vệ sinh, khử trùng, tiêu độc chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi.

3. Có các biện pháp phù hợp để vệ sinh phòng dịch; thu gom, xử lý phân, nước thải chăn nuôi, xác vật nuôi và chất thải chăn nuôi khác theo quy định của pháp luật về thú y, bảo vệ môi trường.

**119. Đề nghị cho biết tổ chức, cá nhân chăn nuôi có các quyền, nghĩa vụ gì?**

**Trả lời:**

Các quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân chăn nuôi thực hiện theo quy định tại Điều 57 Luật Chăn nuôi năm 2018.

*\* Về các quyền:*

- Tổ chức, cá nhân đã thực hiện kê khai hoạt động chăn nuôi theo quy định tại Điều 54 của Luật Chăn nuôi được hỗ trợ thiệt hại, khôi phục sản xuất khi bị thiên tai, dịch bệnh theo quy định của pháp luật.

- Được hưởng chính sách của Nhà nước có liên quan đến hoạt động chăn nuôi.

- Được tập huấn, đào tạo về chăn nuôi.

- Quảng bá sản phẩm theo quy định của pháp luật.

- Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện liên quan đến chăn nuôi theo quy định của pháp luật.

*\* Về các nghĩa vụ:*

- Thực hiện kê khai hoạt động chăn nuôi theo quy định tại Điều 54 của Luật Chăn nuôi.

- Thực hiện các biện pháp an toàn sinh học, vệ sinh môi trường trong chăn nuôi.

- Xử lý chất thải chăn nuôi theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Bảo đảm đối xử nhân đạo với vật nuôi theo quy định của pháp luật.

**120. Đề nghị cho biết việc xử lý chất thải trong chăn nuôi trang trại được pháp luật quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 59 Luật Chăn nuôi năm 2018, chất thải chăn nuôi bao gồm chất thải rắn có nguồn gốc hữu cơ, nước thải chăn nuôi, khí thải và chất thải khác. Theo đó, việc xử lý chất thải trong chăn nuôi bao gồm cả việc xử lý nước thải, được thực hiện như sau:

1. Về xử lý chất thải rắn có nguồn gốc hữu cơ:

- Tổ chức, cá nhân sở hữu cơ sở chăn nuôi trang trại có trách nhiệm xử lý chất thải rắn có nguồn gốc hữu cơ đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trước khi sử dụng cho cây trồng hoặc làm thức ăn cho thủy sản.

- Chất thải rắn có nguồn gốc hữu cơ chưa xử lý khi vận chuyển ra khỏi cơ sở chăn nuôi trang trại đến nơi xử lý phải sử dụng phương tiện, thiết bị chuyên dụng.

- Vật nuôi chết vì dịch bệnh và chất thải nguy hại khác phải được xử lý theo quy định của pháp luật về thú y, bảo vệ môi trường.

2. Về xử lý nước thải chăn nuôi:

- Tổ chức, cá nhân sở hữu cơ sở chăn nuôi trang trại có trách nhiệm thu gom, xử lý nước thải chăn nuôi đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Nước thải chăn nuôi đã xử lý đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi được sử dụng cho cây trồng.

- Nước thải chăn nuôi chưa xử lý khi vận chuyển ra khỏi cơ sở chăn nuôi trang trại đến nơi xử lý phải sử dụng phương tiện, thiết bị chuyên dụng.

3. Tổ chức, cá nhân sở hữu cơ sở chăn nuôi trang trại có trách nhiệm xử lý khí thải từ hoạt động chăn nuôi đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải chăn nuôi.

**121. Hoạt động nuôi chim yến được thực hiện theo quy định nào?**

**Trả lời:**

Việc nuôi chim yến và các điều kiện để nuôi chim yến được thực hiện theo quy định tại Điều 64 Luật Chăn nuôi năm 2018 và Điều 25 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020. Theo đó việc nuôi yến phải bảo đảm phù hợp tập tính hoạt động của chim yến, phù hợp điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương và không gây ảnh hưởng đến đời sống của cư dân tại khu vực nuôi chim yến. Cụ thể như sau:

- Nhà yến, trang thiết bị sử dụng cho hoạt động nuôi chim yến phải bảo đảm phù hợp tập tính hoạt động của chim yến. Trường hợp nhà yến đã hoạt động từ trước nhưng không đáp ứng quy định nêu trên thì phải giữ nguyên trạng, không được cơi nới.

- Có đủ nguồn nước bảo đảm chất lượng cho hoạt động nuôi chim yến, có biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Có hồ sơ ghi chép và lưu trữ thông tin về hoạt động nuôi chim yến, sơ chế, bảo quản tổ yến bảo đảm truy xuất được nguồn gốc sản phẩm chim yến.

- Thiết bị phát âm thanh để dẫn dụ chim yến có cường độ âm thanh đo tại miệng loa không vượt quá 70 dBA (đề xi ben A); thời gian phát loa phóng để dẫn dụ chim yến từ 5 giờ đến 11 giờ 30 và từ 13 giờ 30 đến 19 giờ mỗi ngày, trừ trường hợp quy định tại điểm đ khoản này.

- Trường hợp nhà yến đã hoạt động từ trước nhưng không đáp ứng quy định về nhà yến, nhà yến nằm trong khu dân cư, nhà yến cách khu dân cư dưới 300 m thì không được sử dụng loa phóng phát âm thanh.

- Không săn bắt; không dẫn dụ chim yến để sử dụng vào mục đích khác ngoài mục đích nuôi chim yến để khai thác tổ yến, nghiên cứu khoa học.

**122. Ở quê tôi, vẫn còn nhiều gia đình nuôi chó, nuôi mèo, nhưng không thực hiện biện pháp bảo đảm an toàn và phòng, chống dịch bênh như thả rông chó, mèo ra ngoài đường. Đề nghị cho biết, để kiểm soát dịch bệnh từ nguồn lây chó, mèo, pháp luật quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Chó, mèo đối với các hộ gia đình, nhất là ở vùng nông thôn là những động vật gần gũi, được nuôi chủ yếu để giữ nhà, trông nhà. Tuy nhiên, đây cũng là nguồn động vật có nguy cơ lây lan dịch bệnh, đặc biệt là chó, người bị chó cắn có thể bị mắc bệnh dại, có nguy hiểm tới tính mạng. Vì vậy, Điều 66 Luật Chăn nuôi năm 2018 quy định việc nuôi chó, mèo phải thực hiện các yêu cầu sau đây:

- Thực hiện tiêm phòng bệnh dại cho chó, mèo theo quy định của pháp luật về thú y.

- Khi nghi ngờ chó, mèo có triệu chứng bệnh dại phải báo ngay cho Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cán bộ chăn nuôi, thú y cơ sở và thực hiện xử lý theo quy định của pháp luật về thú y.

- Có biện pháp bảo đảm an toàn cho người và vật nuôi khác, giữ gìn vệ sinh môi trường, bảo đảm điều kiện vệ sinh thú y.

- Trường hợp chó, mèo tấn công, gây thiệt hại thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

**123. Đề nghị cho biết việc bảo quản sản phẩm chăn nuôi được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 75 Luật Chăn nuôi năm 2018, việc bảo quản sản phẩm chăn nuôi được thực hiện như sau:

- Việc bảo quản sản phẩm chăn nuôi tại cơ sở sơ chế, chế biến, nơi bày bán và trong vận chuyển phải thực hiện theo quy định của pháp luật về thú y, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường.

- Không sử dụng phụ gia, chất hỗ trợ bảo quản sản phẩm chăn nuôi đã quá thời hạn sử dụng, ngoài danh mục được phép sử dụng hoặc trong danh mục được phép sử dụng nhưng vượt quá giới hạn cho phép; hóa chất không rõ nguồn gốc, hóa chất bị cấm sử dụng để bảo quản sản phẩm chăn nuôi theo quy định của pháp luật.

- Ghi rõ thời gian, thời hạn và quy định kỹ thuật trong bảo quản sản phẩm chăn nuôi để người sử dụng sản phẩm chăn nuôi biết.

**124. Đối xử nhân đạo với vật nuôi được pháp luật quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Luật Chăn nuôi năm 2018 đã dành 03 Điều (từ Điều 69 đến Điều 71) để quy định về việc đối xử nhân đạo với vật nuôi. Theo đó có đối xử nhân đạo với vật nuôi trong chăn nuôi, trong vận chuyển, giết mổ. Cụ thể như sau:

1. Đối xử nhân đạo với vật nuôi trong chăn nuôi, tổ chức, cá nhân có hoạt động chăn nuôi phải thực hiện các yêu cầu:

- Có chuồng trại, không gian chăn nuôi phù hợp với vật nuôi.

- Cung cấp đủ thức ăn, nước uống bảo đảm vệ sinh.

- Phòng bệnh và trị bệnh theo quy định của pháp luật về thú y.

- Không đánh đập, hành hạ vật nuôi.

2. Đối xử nhân đạo với vật nuôi trong vận chuyển, tổ chức, cá nhân vận chuyển vật nuôi phải thực hiện các yêu cầu:

- Sử dụng phương tiện, trang thiết bị vận chuyển vật nuôi phù hợp, bảo đảm không gian thông thoáng, hạn chế chấn thương, sợ hãi cho vật nuôi.

- Cung cấp đủ thức ăn, nước uống cho vật nuôi.

- Không đánh đập, hành hạ vật nuôi.

3. Đối xử nhân đạo với vật nuôi trong giết mổ, cơ sở giết mổ vật nuôi phải thực hiện các yêu cầu:

- Có nơi lưu giữ vật nuôi bảo đảm vệ sinh; cung cấp nước uống phù hợp với vật nuôi trong thời gian chờ giết mổ.

- Hạn chế gây sợ hãi, đau đớn cho vật nuôi; không đánh đập, hành hạ vật nuôi.

- Có biện pháp gây ngất vật nuôi trước khi giết mổ; không để vật nuôi chứng kiến đồng loại bị giết mổ.

**125. Để bảo đảm an toàn thực phẩm, khi mua bán, sơ chế, chế biến sản phẩm chăn nuôi phải tuân thủ các yêu cầu nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 74 về mua bán, sơ chế, chế biến sản phẩm chăn nuôi thì

1. Cơ sở mua bán, sơ chế, chế biến sản phẩm chăn nuôi phải tuân thủ quy định của pháp luật về thú y, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường.

2. Sản phẩm chăn nuôi được mua bán, sơ chế, chế biến phải có xuất xứ rõ ràng bảo đảm truy xuất nguồn gốc của sản phẩm.

3. Mua bán sản phẩm chăn nuôi tại vùng công bố dịch bệnh phải thực hiện theo quy định của pháp luật về thú y.

4. Không sử dụng phụ gia, chất hỗ trợ sơ chế, chế biến sản phẩm chăn nuôi đã quá thời hạn sử dụng, ngoài danh mục được phép sử dụng hoặc trong danh mục được phép sử dụng nhưng vượt quá giới hạn cho phép; hóa chất không rõ nguồn gốc, hóa chất bị cấm sử dụng trong sơ chế, chế biến thực phẩm là sản phẩm chăn nuôi theo quy định của pháp luật.

**126. Pháp luật quy định việc bảo quản sản phẩm chăn nuôi như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 75 Luật Chăn nuôi, việc bảo quản sản phẩm chăn nuôi được thực hiện như sau:

1. Việc bảo quản sản phẩm chăn nuôi tại cơ sở sơ chế, chế biến, nơi bày bán và trong vận chuyển phải thực hiện theo quy định của pháp luật về thú y, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường.

2. Không sử dụng phụ gia, chất hỗ trợ bảo quản sản phẩm chăn nuôi đã quá thời hạn sử dụng, ngoài danh mục được phép sử dụng hoặc trong danh mục được phép sử dụng nhưng vượt quá giới hạn cho phép; hóa chất không rõ nguồn gốc, hóa chất bị cấm sử dụng để bảo quản sản phẩm chăn nuôi theo quy định của pháp luật.

3. Ghi rõ thời gian, thời hạn và quy định kỹ thuật trong bảo quản sản phẩm chăn nuôi để người sử dụng sản phẩm chăn nuôi biết.

**20 câu hỏi đáp về vay vốn xóa đói giảm nghèo (8.II)**

**127. Việc cho vay tín dụng để phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn được áp dụng đối với lĩnh vực nào?**

Điều 4 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn quy định việc cho vay tín dụng được áp dụng đối với các lĩnh vực cụ thể như sau:

- Cho vay các chi phí phát sinh phục vụ quá trình sản xuất kinh doanh sản phẩm nông nghiệp từ khâu sản xuất đến thu mua, chế biến và tiêu thụ.

- Cho vay phục vụ sản xuất công nghiệp, thương mại và cung ứng các dịch vụ trên địa bàn nông thôn.

- Cho vay để sản xuất giống trong trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, trồng rừng và cung ứng các sản phẩm, dịch vụ phục vụ quá trình sản xuất nông nghiệp.

- Cho vay phát triển ngành nghề tại địa bàn nông thôn.

- Cho vay phục vụ Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

- Cho vay các nhu cầu phục vụ đời sống của cư dân trên địa bàn nông thôn.

- Cho vay theo các chương trình kinh tế liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn của Chính phủ.

**128. Đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, các tổ chức tín dụng cho vay từ nguồn vốn nào?**

Điều 7 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP quy định các tổ chức tín dụng cho vay từ các nguồn vốn sau:

- Nguồn vốn tự có và huy động của các tổ chức tín dụng theo quy định.

- Vốn vay, vốn nhận tài trợ, ủy thác của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

- Nguồn vốn ủy thác của Chính phủ để cho vay lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

- Nguồn vốn hỗ trợ từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thông qua việc sử dụng các công cụ điều hành chính sách tiền tệ.

**129. Để phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, mức cho vay và phương thức cho vay của các tổ chức tín dụng được pháp luật quy định như thế nào?**

Mức cho vay và phương thức cho vay được quy định tại Điều 8 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP như sau:

- Tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận mức cho vay phù hợp với quy định của pháp luật.

- Căn cứ vào phương án, dự án sản xuất kinh doanh, phục vụ đời sống, mục đích sử dụng vốn vay của khách hàng, tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận áp dụng phương thức và quy trình thủ tục cho vay phù hợp, nhằm tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho khách hàng như cho vay lưu vụ, cho vay theo hạn mức tín dụng, cho vay từng lần và các phương thức cho vay khác phù hợp với quy định pháp luật.

- Tổ chức tín dụng có thể ủy thác cho các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện toàn bộ hoặc một số khâu của nghiệp vụ tín dụng khi cho vay đối với khách hàng. Việc ủy thác và nhận ủy thác được thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật.

**130. Chị G là người dân tộc thiểu số, do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn nên gia đình chị có nhu cầu vay vốn để trồng cây công nghiệp. Chị G muốn tìm nguồn vốn vay mà không cần tài sản bảo đảm. Xin hỏi trong trường hợp nào tổ chức tín dụng cho vay không có tài sản đảm bảo? Nếu được vay, chị G được vay với mức như thế nào?**

Điều 9 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP và Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07/9/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP quy định tổ chức tín dụng được xem xét cho khách hàng vay trên cơ sở có bảo đảm hoặc không có bảo đảm bằng tài sản theo quy định của pháp luật.

Theo đó, đối với cá nhân, hộ gia đình, tổ hợp tác, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hợp tác xã và chủ trang trại được tổ chức tín dụng cho vay không có tài sản bảo đảm theo các mức:

- Tối đa 100 triệu đồng đối với cá nhân, hộ gia đình cư trú ngoài khu vực nông thôn có hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp (trừ trường hợp vay trồng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm);

- Tối đa 200 triệu đồng đối với cá nhân, hộ gia đình cư trú tại địa bàn nông thôn;

- Tối đa 200 triệu đồng đối với cá nhân, hộ gia đình đầu tư cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm;

- Tối đa 300 triệu đồng đối với tổ hợp tác và hộ kinh doanh;

- Tối đa 500 triệu đồng đối với hộ nuôi trồng thủy sản, hộ khai thác hải sản xa bờ có ký hợp đồng tiêu thụ sản phẩm với tổ chức chế biến và xuất khẩu trực tiếp;

- Tối đa 01 tỷ đồng đối với hợp tác xã, chủ trang trại hoạt động trên địa bàn nông thôn hoặc hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp;

- Tối đa 02 tỷ đồng đối với hợp tác xã nuôi trồng thủy sản hoặc khai thác hải sản xa bờ, cung cấp dịch vụ phục vụ khai thác hải sản xa bờ; các chủ trang trại nuôi trồng thủy sản; liên hiệp hợp tác xã hoạt động trên địa bàn nông thôn hoặc hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp không bao gồm các đối tượng thuộc Điểm h Khoản 2 Điều này;

- Tối đa 03 tỷ đồng đối với liên hiệp hợp tác xã nuôi trồng thủy sản hoặc khai thác hải sản xa bờ, cung cấp dịch vụ phục vụ khai thác hải sản xa bờ.

Đối chiếu với quy định trên, trường hợp của chị G có nhu cầu vay vốn để trồng cây công nghiệp thì được vay vốn không bảo đảm bằng tài sản với mức tối đa 200 triệu đồng.

**131. Vừa qua, trên địa bàn tỉnh A bị thiệt hại nặng nề do mưa bão tàn phá, trong đó nhiều hộ gia đình vay vốn nuôi trồng thủy sản hoặc trồng cây ăn quả đã bị mất trắng tài sản. Với những hộ gia đình không có khả năng trả nợ cho tổ chức tín dụng thì người dân được chính quyền địa phương hỗ trợ như thế nào?**

Đối với trường hợp của các hộ gia đình trên địa bàn tỉnh A bị thiệt hại do mưa bão tàn phá, Khoản 2 Điều 12 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP và khoản 6 Điều 1 Nghị định số 116/2018/NĐ-CP quy định trường hợp khách hàng bị thiệt hại về vốn vay, tài sản hình thành từ vốn vay do hậu quả thiên tai, dịch bệnh xảy ra trên phạm vi rộng hoặc do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng được tổ chức tín dụng đánh giá chưa có khả năng hoặc không có khả năng trả nợ vay cho tổ chức tín dụng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổng hợp, đánh giá cụ thể thiệt hại, báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính để được xem xét khoanh nợ không tính lãi đối với dư nợ bị thiệt hại; thời gian khoanh nợ tối đa là 02 (hai) năm. Riêng đối với trường hợp các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đầu mối thực hiện liên kết theo chuỗi giá trị hoặc doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gặp rủi ro do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng thì thời gian khoanh nợ tối đa là 03 (ba) năm. Các khoản nợ khoanh được giữ nguyên nhóm nợ như đã phân loại trước khi thực hiện khoanh nợ. Số tiền lãi tổ chức tín dụng không thu được do đã thực hiện khoanh nợ cho khách hàng được ngân sách nhà nước cấp tương ứng từ ngân sách địa phương. Trường hợp ngân sách địa phương khó khăn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định hỗ trợ từ dự phòng ngân sách Trung ương.

**132. Xin hỏi hồ sơ, trình tự, thủ tục đề nghị khoanh nợ trong trường hợp khách hàng bị thiệt hại về vốn vay do hậu quả thiên tai, dịch bệnh được pháp luật quy định như thế nào?**

Hồ sơ, trình tự, thủ tục đề nghị khoanh nợ được quy định tại Khoản 6 Điều 1 Nghị định số 116/2018/NĐ-CP như sau:

a) Về hồ sơ đề nghị khoanh nợ bao gồm:

- Văn bản thông báo tình trạng thiên tai, dịch bệnh trên phạm vi rộng của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh;

- Giấy đề nghị khoanh nợ do khách hàng lập;

- Tài liệu chứng minh khách hàng có dư nợ vay tại tổ chức tín dụng, bao gồm: Bản sao hợp đồng tín dụng, các giấy tờ nhận nợ;

- Biên bản xác định khách hàng bị thiệt hại về vốn vay, tài sản hình thành từ vốn vay, trong đó ghi rõ mức độ bị thiệt hại do hậu quả thiên tai, dịch bệnh xảy ra trên phạm vi rộng hoặc do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng có xác nhận của tổ chức tín dụng, khách hàng và cơ quan có thẩm quyền (xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã; xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với hộ kinh doanh, hợp tác xã, chủ trang trại; xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã đối với cá nhân, hộ gia đình, tổ hợp tác);

- Báo cáo thẩm định của chi nhánh tổ chức tín dụng, quỹ tín dụng nhân dân về mức độ thiệt hại, khả năng trả nợ của khách hàng; phương án sản xuất kinh doanh, phương án kế hoạch trả nợ của khách hàng sau thời gian khoanh nợ; đề xuất của chi nhánh tổ chức tín dụng, quỹ tín dụng nhân dân về thời gian khoanh nợ cho khách hàng.

b) Trình tự, thủ tục đề nghị khoanh nợ

- Trong thời gian 30 ngày kể từ ngày có văn bản thông báo tình trạng thiên tai, dịch bệnh trên phạm vi rộng của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc từ ngày xảy ra thiệt hại do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng, chi nhánh tổ chức tín dụng, quỹ tín dụng nhân dân phối hợp với khách hàng lập hồ sơ đề nghị khoanh nợ và tổng hợp Danh sách khách hàng đề nghị khoanh nợ gửi Sở Tài chính, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

- Trong thời gian 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị khoanh nợ và Danh sách khách hàng đề nghị khoanh nợ của chi nhánh tổ chức tín dụng, quỹ tín dụng nhân dân, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chủ trì, phối hợp Sở Tài chính kiểm tra, xác nhận tính hợp pháp của hồ sơ, số liệu và tổng hợp Danh sách khách hàng đề nghị khoanh nợ báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác nhận và lập báo kèm theo văn bản đề nghị khoanh nợ gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính;

- Trong thời gian 15 ngày kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác nhận Danh sách khách hàng đề nghị khoanh nợ, chi nhánh tổ chức tín dụng tổng hợp toàn bộ hồ sơ, tài liệu báo cáo trụ sở chính tổ chức tín dụng để kiểm tra, đảm bảo tính chính xác của các hồ sơ, số liệu đề nghị khoanh nợ; trên cơ sở kết quả kiểm tra, trụ sở chính tổ chức tín dụng lập Danh sách khách hàng đề nghị khoanh nợ và tổng hợp toàn bộ hồ sơ đề nghị khoanh nợ để báo cáo và đề xuất Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính xem xét, xử lý khoanh nợ cụ thể;

- Trong thời gian 30 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị khoanh nợ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính xem xét quyết định hoặc trình Thủ tướng Chính phủ quyết định việc khoanh nợ, cụ thể như sau:

+ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính xem xét quyết định việc khoanh nợtrong trường hợp tổng số tiền đề nghị khoanh nợ của các tổ chức tín dụng trong cùng một đợt thiên tai, dịch bệnh hoặc cùng đợt xảy ra rủi ro do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng từ 01 (một) tỷ đồng trở xuống;

+ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định nếu tổng số tiền đề nghị khoanh nợ của các tổ chức tín dụng trên 01 (một) tỷ đồng.

+ Trường hợp Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Bộ Tài chính không thống nhất được việc khoanh nợ trong trường hợp tổng số tiền đề nghị khoanh nợ của các tổ chức tín dụng từ 01 (một) tỷ đồng trở xuống, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định

**133. Tôi được biết Chính phủ ban hành Nghị định về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác. Xin hỏi, đối tượng nào được hưởng ưu đãi này?**

Ngày 04/10/2002, Chính phủ ban hành Nghị định số 78/2002/NĐ-CP về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác. Đây là việc sử dụng các nguồn lực tài chính do Nhà nước huy động để cho người nghèo và các đối tượng chính sách khác vay ưu đãi phục vụ sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm, cải thiện đời sống; góp phần thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xóa đói, giảm nghèo, ổn định xã hội.

Theo đó, tại Điều 2 Nghị định quy định các đối tượng sau đây được vay vốn tín dụng ưu đãi:

- Hộ nghèo.

- Học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn đang học đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và học nghề.

- Các đối tượng cần vay vốn để giải quyết việc làm theo Nghị quyết số 120/HĐBT ngày 11/4/1992 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ)

- Các đối tượng chính sách đi lao động có thời hạn ở nước ngoài

- Các tổ chức kinh tế và hộ sản xuất, kinh doanh thuộc hải đảo; thuộc khu vực II, III miền núi và thuộc Chương trình Phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn miền núi, vùng sâu, vùng xa

- Các đối tượng khác khi có Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

**134. Hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác được vay vốn thì cần đáp ứng những điều kiện gì theo quy định của pháp luật?**

Điều 13 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP quy định điều kiện như sau:

- Đối với Người vay là hộ nghèo phải có địa chỉ cư trú hợp pháp và phải có trong danh sách hộ nghèo được ủy ban nhân dân cấp xã quyết định theo chuẩn nghèo do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công bố, được Tổ tiết kiệm và vay vốn bình xét, lập thành danh sách có xác nhận của ủy ban nhân dân cấp xã;

- Đối với Người vay là các đối tượng chính sách khác thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước và các quy định của Nghị định số 78/2002/NĐ-CP

**135. Pháp luật quy định nguồn vốn cho hộ nghèo vay được sử dụng vào các việc nào?**

Khoản 1 Điều 14 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP quy định hộ nghèo được sử dụng nguồn vốn vay vào các việc sau:

- Mua sắm vật tư, thiết bị; giống cây trồng, vật nuôi; thanh toán các dịch vụ phục vụ sản xuất, kinh doanh;

- Góp vốn thực hiện các dự án hợp tác sản xuất, kinh doanh được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Giải quyết một phần nhu cầu thiết yếu về nhà ở, điện thắp sáng, nước sạch và học tập.

**136. Pháp luật quy định như thế nào về mức cho vay, thời hạn cho vay, gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn, lãi suất cho vay đối với hộ nghèo?**

Điều 16, Điều 17, Điều 18 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP quy định như sau:

- Mức cho vay đối với một lần vay phù hợp với từng loại đối tượng được vay vốn tíndụng ưu đãi do Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội quyết định và công bố trên cơ sở nhu cầu vay vốn và khả năng nguồn vốn có thể huy động được trong từng thời kỳ.

- Thời hạn cho vay được quy định căn cứ vào mục đích sử dụng vốn vay của Người vay và thời hạn thu hồi vốn của chương trình, dự án có tính đến khả năng trả nợ của Người vay.

Trường hợp Người vay chưa trả được nợ đúng kỳ hạn đã cam kết do nguyên nhân khách quan, được Ngân hàng Chính sách xã hội xem xét cho gia hạn nợ.

Trường hợp Người vay sử dụng vốn vay sai mục đích, Người vay có khả năng trả khoản nợ đến hạn nhưng không trả thì chuyển nợ quá hạn. Tổ chức cho vay kết hợp với chính quyền sở tại, các tổ chức chính trị - xã hội có biện pháp thu hồi nợ.

Thời hạn cho vay, gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn do Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội quy định.

Lãi suất cho vay ưu đãi do Thủ tướng Chính phủ quyết định cho từng thời kỳ theo đề nghị của Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội, thống nhất một mức trong phạm vi cả nước (trừ các tổ chức kinh tế thuộc đối tượng cần vay vốn để giải quyết việc làm theo Nghị quyết số 120/HĐBT (nay là Chính phủ) và các tổ chức kinh tế trong Chương trình 135) do Hội đồng Quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội quyết định có phân biệt lãi suất giữa khu vực II và khu vực III.

Lãi suất nợ quá hạn được tính bằng 130% lãi suất khi cho vay.

**137. Những đối tượng nào được hưởng chính sách hỗ trợ của nhà nước khi đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng?**

Điều 10 Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm, quy định các đối tượng: Người lao động là người dân tộc thiểu số; người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo hoặc hộ bị thu hồi đất nông nghiệp; thân nhân của người có công với cách mạng có nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng được hỗ trợ như sau:

1. Hỗ trợ đào tạo nghề, ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức cần thiết gồm:

- Học phí đào tạo nghề, ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức cần thiết;

- Tiền ăn trong thời gian thực tế học;

- Chi phí đi lại (01 lượt đi và về) từ nơi cư trú đến địa điểm đào tạo từ 15 km trở lên hoặc từ 10 km trở lên đối với người lao động cư trú hợp pháp tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Riêng người lao động thuộc các huyện nghèo được hỗ trợ thêm tiền ở và đồ dùng cá nhân thiết yếu.

2. Hỗ trợ chi phí làm thủ tục hộ chiếu, thị thực, khám sức khoẻ, lý lịch tư pháp trước khi đi làm việc ở nước ngoài theo quy định của pháp luật.

3. Hỗ trợ giải quyết rủi ro trong thời gian làm việc ở nước ngoài theo quy định của pháp luật.

4. Hỗ trợ chi phí đào tạo, nâng cao trình độ tay nghề trong trường hợp nước tiếp nhận yêu cầu.

**138. Để tạo việc làm cho thanh niên sau khi hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, thanh niên tình nguyện, xin hỏi để được hỗ trợ đào tạo nghề, các đối tượng này cần đáp ứng những điều kiện gì?**

Điều 15 Nghị định số 61/2015/NĐ-CP quy định thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, thanh niên tình nguyện hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội được hỗ trợ đào tạo nghề khi đáp ứng các điều kiện sau:

- Có nhu cầu đào tạo nghề trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an; hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội;

- Chưa được hỗ trợ đào tạo nghề từ chính sách hỗ trợ đào tạo nghề khác có sử dụng nguồn kinh phí của ngân sách nhà nước kể từ ngày hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an; hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội.

**139. X là thanh niên sống tại xã A, vừa hoàn thành nghĩa vụ quân sự theo quy định pháp luật, X có nguyện vọng đăng ký học nghề tại cơ sở dạy nghề của tỉnh. Xin hỏi, X được hỗ trợ đào tạo nghề như thế nào?**

Điều 16 Nghị định số 61/2015/NĐ-CP quy định X sau khi hoàn thành nghĩa vụ quân sự nếu tham gia đào tạo nghề trình độ trung cấp, cao đẳng được hỗ trợ như sau:

- Miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo quy định của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục nghề nghiệp và các văn bản hướng dẫn;

- Vay vốn để tham gia đào tạo nghề trình độ trung cấp, cao đẳng theo quy định của chính sách tín dụng đối với học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn.

Các đối tượng tham gia đào tạo nghề trình độ sơ cấp được cấp thẻ đào tạo nghề có giá trị tối đa bằng 12 tháng tiền lương cơ sở tại thời điểm đào tạo nghề và có giá trị sử dụng trong 01 năm kể từ ngày cấp.

**140. Pháp luật quy định như thế nào về hỗ trợ thanh niên lập nghiệp?**

Điều 18 Nghị định số 61/2015/NĐ-CP quy định đối tượng và nội dung hỗ trợ như sau:

a) Về đối tượng hỗ trợ:

- Học sinh các trường trung học phổ thông;

- Thanh niên đang học tại cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

- Thanh niên đã tốt nghiệp cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

b) Về nội dung hỗ trợ:

- Định hướng nghề nghiệp;

- Cung cấp thông tin về việc làm, nghề nghiệp;

- Đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng tìm việc và làm việc;

- Tham gia chương trình thực tập làm việc tại doanh nghiệp, tổ chức;

- Cho vay ưu đãi từ Quỹ quốc gia về việc làm theo quy định của pháp luật.

**141. Quỹ quốc gia về việc làm được sử dụng cho các hoạt động nào? Cơ quan nào quản lý Quỹ quốc gia về việc làm?**

Điều 20 Nghị định số 61/2015/NĐ-CP quy định Quỹ quốc gia về việc làm được sử dụng cho các hoạt động sau đây:

- Cho vay ưu đãi đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh và người lao động để tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm;

- Cho vay ưu đãi đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

Về cơ quan quản lý Quỹ quốc gia về việc làm: Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 74/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP quy địnhnhư sau:

- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với Quỹ quốc gia về việc làm.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan Trung ương của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Nông dân Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Hội Cựu Chiến binh Việt Nam, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Hội Người mù Việt Nam (sau đây gọi chung là tổ chức thực hiện chương trình) được giao nhiệm vụ quản lý và sử dụng nguồn vốn từ Quỹ theo quy định.

- Quỹ được giao cho Ngân hàng Chính sách xã hội quản lý và cho vay theo quy định tại Nghị định này. Ngân hàng Chính sách xã hội báo cáo kết quả thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

**142. B là người lao động của xã X, nay dự định ký hợp đồng xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc với công ty C. Được biết Quỹ quốc gia về việc làm cho vay ưu đãi đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài, xin hỏi B có thuộc đối tượng được hỗ trợ cho vay ưu đãi không? Nếu có thì mức vay, thời hạn vay và lãi suất được quy định ở mức nào?**

Nếu B ký kết hợp đồng xuất khẩu lao động với công ty C thì B thuộc đối tượng được Quỹ quốc gia về việc làm hỗ trợ vay vốn ưu đãi (khoản 1 Điều 20 Nghị định số 61/2015/NĐ-CP) với mức vay Nhà nước hỗ trợ là tối đa 100% chi phí đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng ký kết giữa người lao động và doanh nghiệp dịch vụ, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (Điều 36 Nghị định số 61/2015/NĐ-CP).

- Về thời hạn vay vốn: Điều 38 Nghị định số 61/2015/NĐ-CP quy định Thời hạn vay vốn hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng không vượt quá thời hạn làm việc ở nước ngoài của người lao động ghi trong hợp đồng ký kết giữa người lao động và doanh nghiệp dịch vụ, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

- Về lãi suất vay vốn: Điều 39 Nghị định số 61/2015/NĐ-CP quy định Lãi suất vay vốn ưu đãi đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng bằng lãi suất vay vốn đối với hộ nghèo theo từng thời kỳ do Chính phủ quy định.

**143. Hồ sơ vay vốn đối với người lao động thuộc hộ cận nghèo, thân nhân của người có công với cách mạng đi làm việc ở nước ngoài được quy định như thế nào?**

Điều 39 Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP quy định: Người lao động có nhu cầu vay vốn ưu đãi để đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng lập hồ sơ vay vốn gửi Ngân hàng Chính sách xã hội địa phương nơi cư trú.

Theo đó, tại khoản 2 Điều 39 quy định hồ sơ vay vốn bao gồm các giấy tờ sau:

- Đối với người lao động thuộc hộ cận nghèo: Giấy đề nghị vay vốn có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về việc cư trú hợp pháp, thuộc hộ cận nghèo (theo Mẫu số 3a và Mẫu số 3b ban hành kèm theo Nghị định số 74/2019/NĐ-CP);

- Đối với người lao động là thân nhân người có công với cách mạng:

+ Giấy đề nghị vay vốn có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về việc cư trú hợp pháp;

+ Bản sao giấy xác nhận thân nhân người có công với cách mạng (theo Mẫu số 4 ban hành kèm theo Nghị định số 74/2019/NĐ-CP).

**144. Gia đình ông K thuộc diện hộ nghèo của xã. Con trai ông đang học đại học tại thành phố. Do hoàn cảnh gia đình rất khó khăn, ông K hỏi, Nhà nước có chính sách gì để hỗ trợ cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn để trang trải chi phí trong thời gian theo học? Nếu có chính sách hỗ trợ thì áp dụng với những đối tượng nào?**

Về chính sách: Ngày 27/9/2007, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg về tín dụng đối với học sinh, sinh viên. Theo đó, Quyết định này được áp dụng để hỗ trợ cho học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn góp phần trang trải chi phí cho việc học tập, sinh hoạt của học sinh, sinh viên trong thời gian theo học tại trường gồm tiền học phí, chi phí mua sắm sách vở, phương tiện học tập, chi phí ăn, ở, đi lại.

Về đối tượng áp dụng vay vốn tín dụng: Điều 2 Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg quy định các đối tượng sau được vay vốn: Học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn theo học tại các trường đại học (hoặc tương đương đại học), cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và tại các cơ sở đào tạo nghề được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam, gồm:

- Học sinh, sinh viên mồ côi cả cha lẫn mẹ hoặc chỉ mồ côi cha hoặc mẹ nhưng người còn lại không có khả năng lao động.

- Học sinh, sinh viên là thành viên của hộ gia đình thuộc một trong các đối tượng: Hộ nghèo theo tiêu chuẩn quy định của pháp luật; Hộ gia đình có mức thu nhập bình quân đầu người tối đa bằng 150% mức thu nhập bình quân đầu người của hộ gia đình nghèo theo quy định của pháp luật.

- Học sinh, sinh viên mà gia đình gặp khó khăn về tài chính do tai nạn, bệnh tật, thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh trong thời gian theo học có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú.

Như vậy, với trường hợp con ông B là đối tượng được hỗ trợ vay vốn theo quy định pháp luật. Đồng thời, con ông phải có xác nhận của nhà trường về việc đang theo học tại trường và không bị xử phạt hành chính trở lên về các hành vi: cờ bạc, nghiện hút, trộm cắp, buôn lậu.

**145. Mức vốn và thời hạn cho vay tín dụng đối với sinh viên, học sinh được quy định như thế nào?**

- Về mức vốn: Điều 5 Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg, mức vốn cho vay tối đa là 800.000 đồng/tháng/học sinh,sinh viên. Ngân hàng Chính sách xã hội quy định mức cho vay cụ thể đối với học sinh, sinh viên căn cứ vào mức thu học phí của từng trường và sinh hoạt phí theo vùng nhưng không vượt quá 800.000 đồng.

- Về thời hạn cho vay: Điều 6 Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg quy định thời hạn cho vay là khoảng thời gian được tính từ ngày đối tượng được vay vốn bắt đầu nhận vốn vay cho đến ngày trả hết nợ (gốc và lãi) được ghi trong hợp đồng tín dụng. Thời hạn cho vay bao gồm thời hạn phát tiền vay và thời hạn trả nợ.

Thời hạn phát tiền vay là khoảng thời gian tính từ ngày đối tượng được vay vốn nhận món vay đầu tiên cho đến ngày học sinh, sinh viên kết thúc khóa học, kể cả thời gian học sinh, sinh viên được các trường cho phép nghỉ học có thời hạn và được bảo lưu kết quả học tập (nếu có). Thời hạn phát tiền vay được chia thành các kỳ hạn phát tiền vay do Ngân hàng Chính sách xã hội quy định hoặc thỏa thuận với đối tượng được vay vốn.

Thời hạn trả nợ là khoảng thời gian tính từ ngày đối tượng được vay vốn trả món nợ đầu tiên đến ngày trả hết nợ (gốc và lãi). Đối với các chương trình đào tạo có thời gian đào tạo không quá một năm, thời hạn trả nợ tối đa bằng 2 lần thời hạn phát tiền vay, đối với các chương trình đào tạo khác, thời hạn trả nợ tối đa bằng thời hạn phát tiền vay. Thời hạn trả nợ được chia thành các kỳ hạn trả nợ do Ngân hàng Chính sách xã hội quy định.

**146. Sinh viên, học sinh khi vay vốn, phải thực hiện việc trả nợ gốc và lãi tiền vay như thế nào?**

Điều 9 Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc trả nợ gốc và lãi tiền vay như sau: Trong thời hạn phát tiền vay (đang còn theo học), đối tượng được vay vốn chưa phải trả nợ gốc và lãi; lãi tiền vay được tính kể từ ngày đối tượng được vay vốn nhận món vay đầu tiên đến ngày trả nợ gốc; đối tượng được vay vốn phải trả nợ gốc và lãi tiền vay lần đầu tiên ngay sau khi học sinh, sinh viên có việc làm, có thu nhập nhưng không quá 12 tháng kể từ ngày học sinh, sinh viên kết thúc khoá học.

6. Tìm hiểu một số quy định pháp luật về trồng trọt

**20 câu hỏi đáp trong hoạt động trồng trọt (6.II)**

**147. Luật Trồng trọt năm 2018 quy định các hành vi nào bị nghiêm cấm trong hoạt động trồng trọt?**

[Điều 9 Luật Trồng trọt](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/The-thao-Y-te/Nghi-dinh-146-2018-ND-CP-huong-dan-Luat-bao-hiem-y-te-357505.aspx?hash=dieu_9) quy định nghiêm cấm các hành vi sau:

1. Sản xuất, buôn bán, nhập khẩu giống cây trồng chưa được quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành, trừ trường hợp được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

2. Sản xuất, buôn bán, nhập khẩu phân bón chưa được quyết định công nhận lưu hành tại Việt Nam, trừ trường hợp nhập khẩu phân bón quy định tại khoản 2 Điều 44 của Luật này và sản xuất phân bón để xuất khẩu theo hợp đồng với tổ chức, cá nhân nước ngoài.

3. Sản xuất, buôn bán giống cây trồng không đáp ứng điều kiện sản xuất, buôn bán; sản xuất, buôn bán phân bón chưa được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, buôn bán phân bón.

4. Sản xuất, buôn bán, nhập khẩu giống cây trồng, phân bón, vật tư nông nghiệp khác và sản phẩm cây trồng giả, hết hạn sử dụng, không rõ nguồn gốc.

5. Cung cấp thông tin về giống cây trồng, phân bón sai lệch với thông tin đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc sai lệch với thông tin tự công bố.

6. Thực hiện trái phép dịch vụ khảo nghiệm, thử nghiệm, kiểm định ruộng giống, giám định, chứng nhận chất lượng giống cây trồng, sản phẩm cây trồng, phân bón.

7. Cung cấp sai hoặc giả mạo kết quả khảo nghiệm, thử nghiệm, kiểm định ruộng giống, kiểm tra, giám định, chứng nhận chất lượng, hợp chuẩn, hợp quy về vật tư nông nghiệp và sản phẩm cây trồng.

8. Xuất khẩu trái phép giống cây trồng thuộc Danh mục nguồn gen giống cây trồng cấm xuất khẩu.

9. Canh tác gây hại cho cây trồng, vật nuôi và sức khỏe con người; gây ô nhiễm môi trường; suy thoái và cạn kiệt tài nguyên đất, nước và đa dạng sinh học.

10. Khai thác, sử dụng trái phép tầng đất mặt của đất chuyên trồng lúa nước vào mục đích phi nông nghiệp.

**148. Tôi muốn mở một cửa hàng buôn bán phân bón. Xin hỏi, để mở cửa hàng buôn bán phân bón tôi phải đáp ứng những điều kiện gì?**

Điều 42 Luật Trồng trọt quy định tổ chức, cá nhân buôn bán phân bón phải có Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón; trường hợp buôn bán phân bón do mình sản xuất thì không phải có Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón.

Để được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón, tổ chức, nhân phải đáp ứng những điều kiện sau đây:

- Có địa điểm giao dịch hợp pháp, rõ ràng;

- Có đầy đủ hồ sơ, giấy tờ truy xuất nguồn gốc phân bón theo quy định;

- Người trực tiếp buôn bán phân bón phải được tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn về phân bón theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, trừ trường hợp đã có trình độ từ trung cấp trở lên thuộc một trong các chuyên ngành về trồng trọt, bảo vệ thực vật, nông hóa thổ nhưỡng, khoa học đất, nông học, hóa học, sinh học.

**149. Tổ chức, cá nhân buôn bán phân bón có quyền và nghĩa vụ gì?**

Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân buôn bán phân bón được quy định tại Điều 58 Luật Trồng trọt, cụ thể như sau:

- Tổ chức, cá nhân buôn bán phân bón có quyền sau đây:

+ Buôn bán phân bón được công nhận lưu hành tại Việt Nam;

+ Được cung cấp thông tin và hướng dẫn sử dụng, bồi dưỡng chuyên môn phân bón.

- Tổ chức, cá nhân buôn bán phân bón có nghĩa vụ sau đây:

+ Duy trì đầy đủ các điều kiện buôn bán phân bón quy định tại Điều 42 của Luật này trong quá trình buôn bán phân bón;

+ Bảo quản phân bón ở nơi khô ráo, không để lẫn với các loại hàng hóa khác làm ảnh hưởng đến chất lượng phân bón;

+ Kiểm tra nguồn gốc phân bón, nhãn phân bón, dấu hợp chuẩn, dấu hợp quy và các tài liệu liên quan đến chất lượng phân bón;

+ Chấp hành việc thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

+ Cung cấp chứng từ hợp pháp để truy xuất nguồn gốc phân bón;

+ Bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật;

+ Hướng dẫn sử dụng phân bón theo đúng nội dung ghi trên nhãn phân bón;

+ Chấp hành quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy, hóa chất, lao động, môi trường và quy định khác của pháp luật có liên quan.

**150. Bà A có một cửa hàng buôn bán phân bón. Tuy nhiên, khi cơ quan chức năng kiểm tra thì phát hiện cửa hàng của bà A không có Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón. Xin hỏi, việc buôn bán phân bón khi không có Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón sẽ bị xử lý như thế nào?**

Điều 42 Luật Trồng trọt quy định tổ chức, cá nhân buôn bán phân bón phải có Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón, trừ trường hợp buôn bán phân bón do mình sản xuất.

Do đó, hành vi của bà A đã vi phạm pháp luật, theo quy định tại [khoản 4 Điều 7 Nghị định số 55/2018/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bao-hiem/nghi-dinh-28-2015-nd-cp-huong-dan-luat-viec-lam-va-bao-hiem-that-nghiep-268405.aspx#dieu_7-4) quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phân bón, đối với trường hợp buôn bán phân bón không có Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón sẽ bị phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng. Ngoài ra, tổ chức, cá nhân vi phạm còn bị đình chỉ hoạt động buôn bán phân bón từ 03 tháng đến 09 tháng.

**151. Xin hỏi, khi sử dụng phân bón trong canh tác, tổ chức, cá nhân có quyền và nghĩa vụ gì?**

Điều 54 Luật Trồng trọt quy định quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sử dụng phân bón như sau:

***- Về quyền của tổ chức, cá nhân sử dụng phân bón:***

+ Được cung cấp thông tin và hướng dẫn sử dụng phân bón;

+ Yêu cầu cơ sở mua bán phân bón hướng dẫn sử dụng phân bón theo đúng nội dung của nhãn phân bón;

+ Được bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

***- Về nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sử dụng phân bón:***

+ Sử dụng phân bón theo đúng hướng dẫn ghi trên nhãn;

+ Sử dụng phân bón bảo đảm hiệu quả, an toàn cho người, vật nuôi, môi trường, an toàn thực phẩm theo nguyên tắc đúng loại đất, đúng loại cây, đúng liều lượng, đúng thời điểm, đúng cách.

**152. Xin hỏi tổ chức, cá nhân canh tác có nghĩa vụ gì ?**

Theo Điều 74 Luật Trồng trọt quy định tổ chức, cá nhân canh tác có các nghĩa vụ sau:

- Chịu trách nhiệm về chất lượng, an toàn thực phẩm của sản phẩm cây trồng do mình sản xuất; bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

- Sử dụng đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, bền vững tài nguyên đất, tài nguyên nước, sinh vật có ích, cơ sở hạ tầng. Sử dụng vật tư nông nghiệp trong canh tác được phép lưu hành theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn hoặc tổ chức, cá nhân sản xuất vật tư nông nghiệp.

- Áp dụng quy trình sản xuất phù hợp để ổn định và cải thiện độ phì của đất; hạn chế ô nhiễm và suy thoái đất, lan truyền sinh vật gây hại.

- Chủ động ngăn ngừa và xử lý ô nhiễm môi trường, phòng chống sinh vật gây hại theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, bảo vệ và kiểm dịch thực vật. Kịp thời thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã khi xảy ra ô nhiễm môi trường, bùng phát dịch hại.

- Chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp với kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng của địa phương.

- Thực hiện đầy đủ các cam kết trong hợp đồng.

**153. Trong một lần đi thăm ruộng, anh A phát hiện tình trạng người dân trong xã** **có thói quen bỏ lại bao bì, chai lọ đựng thuốc bảo vệ thực vật và phân bón hóa học ngay ngoài đồng ruộng, không thu gom xử lý. Anh A thấy việc làm như vậy có thể gây ô nhiễm môi trường. Xin hỏi, để bảo vệ môi trường trong canh tác pháp luật quy định như thế nào về vấn đề này?**

Để bảo vệ môi trường trong canh tác, Điều 72 Luật Trồng trọt quy định tổ chức, cá nhân canh tác phải bảo đảm yêu cầu sau đây:

+ Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường và quy định khác của pháp luật có liên quan;

+ Tuân thủ hướng dẫn của cơ quan chuyên môn khi sử dụng vật tư nông nghiệp trong canh tác có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường;

+ Thu gom, xử lý, sử dụng phụ phẩm cây trồng theo quy định

- Khi phát hiện dấu hiệu bất thường về ô nhiễm môi trường có nguy cơ ảnh hưởng đến hoạt động canh tác, tổ chức, cá nhân phải kịp thời thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã.

Đối với bao bì hóa chất bảo vệ thực vật, phân bón hóa học, ngoài việc sử dụng thuốc đúng chủng loại, liều lượng và thời điểm, sau khi sử dụng người dân cần thu gom bao bì, chai lọ về các vị trí được quy định của địa phương, tuyệt đối không được vất bừa bãi trên đồng ruộng. Trong trường hợp này, anh A có trách nhiệm thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã để có phương án tuyên truyền, nâng cao ý thức của người dân về bảo vệ môi trường trong canh tác và có biện pháp kịp thời để thu gom, xử lý những bao bì, chai lọ nêu trên.

**154. Vào dịp tết nguyên đán, thời tiết mưa lạnh kéo dài nên giá rau xanh tăng cao, vì vậy hàng ngày bà B phun thuốc kích thích cho vườn rau cải với liều lượng cao vượt mức hướng dẫn trên nhãn mác để nhanh được thu hoạch. Trước tình trạng này, pháp luật có quy định như thế nào để ngăn chăn hành vi trên và bảo vệ sức khỏe cộng đồng? Hành vi của bà B có vi phạm pháp luật không, nếu có thì bị xử lý như thế nào?**

Điều 61 Luật trồng trọt quy định yêu cầu về sử dụng trang thiết bị và vật tư nông nghiệp trong canh tác như sau: Tổ chức, cá nhân sử dụng vật tư nông nghiệp trong canh tác phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, sức khỏe cộng đồng, an toàn thực phẩm và hạn chế lan truyền sinh vật gây hại. Tổ chức, cá nhân sử dụng thuốc bảo vệ thực vật phải tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

Bên cạnh đó, tại Điều 26 Nghị định số 31/2016/NĐ-CP ngày 06/5/2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ thực vật và kiểm dịch quy định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi sử dụng thuốc bảo vệ thực vật bừa bãi, gây ảnh hưởng đến môi trường hoặc sức khỏe người tiêu dùng với mức phạt cụ thể như sau:

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật không đúng với nội dung hướng dẫn sử dụng ghi trên nhãn thuốc;

b) Không thu gom, để đúng nơi quy định bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật không có tên trong Danh Mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam;

b) Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật dưới dạng ống tiêm thủy tinh.

3. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm sử dụng thuốc bảo vệ thực vật không đúng nội dung hướng dẫn ghi trên nhãn gây hậu quả nguy hiểm.

4. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trong Danh Mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc tiêu hủy thuốc đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2, 4 Điều này;

b) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 3 Điều này.

Như vậy hành vi của bà B đã vi phạm quy định về đáp ứng yêu cầu bảo vệ sức khỏe cộng đồng, an toàn thực phẩm. Bên cạnh đó hành vi của bà B còn bị xử phạt vi phạm hành chính (

Căn cứ quy định nêu trên, bà B có hành vi sử dụng thuốc bảo vệ thực vật không đúng với nội dung hướng dẫn sử dụng ghi trên nhãn thuốc, vì vậy bà B bị xử phạt hành chính với mức từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng. Nếu gây hậu quả nghiêm trọng (như người ăn rau bị ngộ độc) có thể bị phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.

**155. Xin hỏi, pháp luật quy định thế nào về việc thu gom, xử lý, sử dụng phụ phẩm cây trồng?**

Điều 76 Luật Trồng trọt quy định về thu gom, sử dụng phụ phẩm cây trồng như sau:

- Phụ phẩm cây trồng phải được thu gom, xử lý, sử dụng phù hợp, không gây ô nhiễm môi trường và lan truyền sinh vật gây hại.

- Khuyến khích sử dụng phụ phẩm cây trồng làm nguyên liệu để sản xuất sản phẩm, hàng hóa.

Để quy định chi tiết việc thu gom, xử lý, sử dụng phụ phẩm cây trồng, ngày 15/11/2019, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành Thông tư số 19/2019/TT-BNNPTNT, cụ thể như sau:

***1. Thu gom phụ phẩm cây trồng:***

- Phụ phẩm cây trồng được thu gom, phân loại theo mục đích sử dụng; không để lẫn với hóa chất, bao bì, vỏ chai đựng thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, tạp chất vô cơ khác trong quá trình thu gom, vận chuyển.

- Việc thu gom, vận chuyển phụ phẩm cây trồng không ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất nông nghiệp tại khu vực canh tác, giao thông; không gây ô nhiễm môi trường, lan truyền sinh vật gây hại.

- Khuyến khích sử dụng kỹ thuật tiên tiến trong thu hoạch, thu gom phụ phẩm cây trồng; khuyến khích sử dụng kỹ thuật, công nghệ ép, nén phụ phẩm trước khi vận chuyển.

- Tàn dư, phụ phẩm cây trồng trong vùng dịch hại thực vật thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

***2.*  *Xử lý phụ phẩm cây trồng***

- Phụ phẩm cây trồng được xử lý như sau:

+ Cày vùi hoặc phay;

+ Ép xanh theo rãnh hoặc phủ luống;

+ Vùi trong hố đa năng hoặc che tủ gốc cây trồng; che phủ đất;

+ Ủ làm phân bón hữu cơ truyền thống;

+ Phơi khô;

+ Các giải pháp, biện pháp xử lý khác.

- Khuyến khích việc sử dụng chế phẩm sinh học, ứng dụng tiến bộ công nghệ, kỹ thuật mới trong quá trình xử lý phụ phẩm cây trồng.

- Việc xử lý phụ phẩm cây trồng bảo đảm không gây ô nhiễm môi trường, lan truyền sinh vật gây hại.

***3. Sử dụng phụ phẩm cây trồng:***

- Khuyến khích sử dụng phụ phẩm cây trồng làm nguyên liệu để sản xuất nấm; sản xuất thức ăn chăn nuôi, sản xuất phân bón hoặc làm nguyên liệu cho các ngành sản xuất khác.

- Phụ phẩm cây trồng được sử dụng làm nguyên liệu để sản xuất nấm; sản xuất thức ăn chăn nuôi, sản xuất phân bón, sản xuất sản phẩm, hàng hóa phải đáp ứng yêu cầu của nhà sản xuất và quy định của pháp luật có liên quan.

**156. Tổ chức, cá nhân sản xuất, buôn bán giống cây trồng phải đáp ứng những điều kiện gì theo quy định của pháp luật?**

Theo quy định tại Điều 22 Luật Trồng trọt, tổ chức, cá nhân sản xuất, buôn bán cây trồng phải đáp ứng những điều kiện sau đây:

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất giống cây trồng phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Có giống cây trồng hoặc được ủy quyền của tổ chức, cá nhân có giống cây trồng được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc đã tự công bố lưu hành giống cây trồng;

b) Có hoặc thuê địa điểm, cơ sở hạ tầng, trang thiết bị theo tiêu chuẩn quốc gia về phương pháp sản xuất giống cây trồng; trường hợp không có tiêu chuẩn quốc gia thì áp dụng tiêu chuẩn cơ sở.

2. Tổ chức, cá nhân buôn bán giống cây trồng phải có địa điểm giao dịch hợp pháp và bảo đảm truy xuất nguồn gốc lô giống cây trồng

Để quy định chi tiết nội dung trên tại Điều 8 Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác còn quy định cụ thể như sau:

- Trước khi buôn bán giống cây trồng, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm gửi thông báo qua thư điện tử hoặc gửi trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tới Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nơi buôn bán giống cây trồng các thông tin sau: Địa chỉ giao dịch, tên chủ cơ sở hoặc người đại diện hợp pháp, điện thoại liên hệ để đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Tổ chức, cá nhân buôn bán giống cây trồng phải có hồ sơ bảo đảm truy xuất nguồn gốc lô giống cây trồng, gồm: Thông tin về hợp đồng, hóa đơn mua bán lô giống; hồ sơ chất lượng lô giống, nhãn phù hợp quy định tại Điều 10 Nghị định này. Đối với giống cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm phải có thêm thông tin về nguồn vật liệu nhân giống đã sử dụng, tiêu chuẩn công bố áp dụng, số lượng cây, thời gian giao nhận cây.

**157. Sau khi lập gia đình, anh H và vợ tách ra ở riêng và được bố mẹ cho 1000 m2 đất trồng lúa. Do trồng lúa không có lãi, nên vợ chồng anh H muốn chuyển đổi từ đất trồng lúa sang trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản. Xin hỏi, việc chuyển đổi từ đất trồng lúa sang trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản phải đáp ứng những điều kiện gì?**

Đất trồng lúa là một trong những loại đất thuộc nhóm đất nông nghiệp theo Luật Đất đai năm 2013. Xuất phát từ có vai trò quan trọng trong ổn định an ninh lương thực và phát triển kinh tế. Do đó, việc chuyển đổi đất trồng lúa phải đáp ứng được các điều kiện nhất định theo quy định của pháp luật. Điều 56 Luật Trồng trọt quy định việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa như sau:

- Phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của địa phương, nhu cầu thị trường, điều kiện nguồn nước và khí hậu;

- Hình thành vùng sản xuất tập trung theo từng cây trồng gắn với dồn điền, đổi thửa, liên kết sản xuất theo chuỗi;

- Bảo đảm khai thác hiệu quả cơ sở hạ tầng sẵn có; phù hợp với quy hoạch và định hướng hoàn thiện cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp của địa phương;

- Không làm mất đi điều kiện cần thiết để trồng lúa trở lại.

Ngoài ra, việc chuyển đổi từ đất trồng lúa sang trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản phải đáp ứng những điều kiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 quy định chỉ tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác:

- Theo kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng của cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Không làm mất đi các điều kiện để trồng lúa trở lại; không làm biến dạng mặt bằng, không gây ô nhiễm, thoái hóa đất trồng lúa; không làm hư hỏng công trình giao thông, công trình thủy lợi phục vụ trồng lúa.

- Trường hợp chuyển trồng lúa sang trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản, được sử dụng tối đa 20% diện tích đất trồng lúa để hạ thấp mặt bằng nuôi trồng thủy sản với độ sâu không quá 120 cen-ti-mét so với mặt ruộng.

Theo đó, đối với trường hợp của H nếu muốn chuyển đổi từ đất trồng lúa sang trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản thì cần đáp ứng ứng các điều kiện nêu trên.

**158. Thủ tục đăng ký chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa được quy định như thế nào?**

Khoản 3 Điều 13 Nghị định số 94/2019/NĐ-CP quy định như sau:

 - Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài sử dụng đất trồng lúa hợp pháp có nhu cầu chuyển đổi sang trồng cây hàng năm, trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản; hộ gia đình, cá nhân trong nước sử dụng đất trồng lúa hợp pháp có nhu cầu chuyển sang trồng cây lâu năm gửi 01 bản đăng ký đến Ủy ban nhân dân cấp xã theo Mẫu số 04.CĐ Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định này.

- Trường hợp bản đăng ký chuyển đổi không hợp lệ, trong thời gian 03 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp xã phải hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung bản đăng ký.

- Trường hợp bản đăng ký chuyển đổi hợp lệ và phù hợp với kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa của Ủy ban nhân dân cấp xã, trong thời gian 05 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp xã có ý kiến “Đồng ý cho chuyển đổi”, đóng dấu vào bản đăng ký, vào sổ theo dõi và gửi lại cho người sử dụng đất.

- Trường hợp không đồng ý, Ủy ban nhân dân cấp xã phải trả lời bằng văn bản theo Mẫu số 05.CĐ Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định này.

**159. Xã A có truyền thống sản xuất và trồng lúa từ nhiều đời mà kinh tế vẫn còn nhiều khó khăn, để giúp bà con có điều kiện phát triển kinh tế, xã đã thực hiện việc chuyển đổi cây trồng trên đất trồng lúa. Xin hỏi, khi chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa, người sử dụng đất trồng lúa có trách nhiệm gì?**

Theo quy định tại Khoản 5 Điều 6 Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa thì khi chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa, người sử dụng đất có trách nhiệm:

- Phải đăng ký chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa với Ủy ban nhân dân cấp xã, gửi bản đăng ký đến UBND xã theo quy định tại Khoản 3 Điều 13 Nghị định số 94/2019/NĐ-CP;

- Không được làm hư hỏng hệ thống thủy lợi, giao thông nội đồng và ảnh hưởng xấu tới việc sản xuất lúa ở các khu vực liền kề. Trường hợp làm hư hỏng hệ thống thủy lợi, giao thông nội đồng phải có biện pháp khắc phục kịp thời và phải bồi thường nếu gây ảnh hưởng xấu tới sản xuất lúa của các hộ ở khu vực liền kề;

- Trường hợp đất bị nhiễm mặn tạm thời trong vụ nuôi trồng thủy sản nước mặn, thì phải có biện pháp phục hồi để trồng vụ lúa ngay sau vụ nuôi trồng thủy sản.

**160 . Pháp luật quy định như thế nào đối với việc bảo vệ và sử dụng tầng đất mặt của đất chuyên trồng lúa nước?**

Theo quy định tại Điều 57 Luật Trồng trọt, tầng đất mặt của đất chuyên trồng lúa nước chỉ được sử dụng vào mục đích nông nghiệp; được bảo vệ và sử dụng hiệu quả. Tổ chức, cá nhân xây dựng công trình trên đất được chuyển đổi từ đất chuyên trồng lúa nước phải có phương án sử dụng tầng đất mặt.

Điều 14 Nghị định số 94/2019/NĐ-CP quy định chi tiết về việc bảo vệ và sử dụng tầng đất mặt của đất chuyên trồng lúa nước như sau:

- Tổ chức, cá nhân xây dựng các công trình trên đất được chuyển đổi từ đất chuyên trồng lúa nước có tác động đến tầng đất mặt thì phải bóc riêng tầng đất mặt đó để sử dụng vào mục đích nông nghiệp.

- Độ sâu tầng đất mặt phải bóc tách từ 20 đến 25 cm tính từ mặt đất.

- Tổ chức, cá nhân xây dựng công trình trên đất được chuyển đổi từ đất chuyên trồng lúa nước phải xây dựng phương án sử dụng tầng đất mặt theo Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định này. Phương án sử dụng tầng đất mặt là thành phần hồ sơ xin phép chuyển mục đích sử dụng đất.

- Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước sang xây dựng công trình có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc bóc tách, sử dụng tầng đất mặt.

**161. Qua theo dõi trên báo, đài gần đây tôi thường xuyên được nghe về sản xuất nông nghiệp hữu cơ, canh tác hữu cơ. Xin cho biết sản xuất nông nghiệp hữu cơ là gì? Việc canh tác hữu cơ phải đáp ứng những yêu cầu gì?**

Điều 3 Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ quy định: Sản xuất nông nghiệp hữu cơ (gọi tắt là sản xuất hữu cơ) là hệ thống quá trình sản xuất, sơ chế, chế biến, bao gói, vận chuyển, bảo quản phù hợp với tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ. Nông nghiệp hữu cơ là hệ thống sản xuất bảo vệ tài nguyên đất, hệ sinh thái và sức khỏe con người, dựa vào các chu trình sinh thái, đa dạng sinh học thích ứng với điều kiện tự nhiên, không sử dụng các yếu tố gây tác động tiêu cực đến môi trường sinh thái; là sự kết hợp kỹ thuật truyền thống và tiến bộ khoa học để làm lợi cho môi trường chung, tạo mối quan hệ công bằng và cuộc sống cân bằng cho mọi đối tượng trong hệ sinh thái.

Đối với canh tác hữu cơ cần đáp ứng các yêu cầu tại Điều 69 Luật Trồng trọt như sau:

- Tổ chức, cá nhân canh tác hữu cơ phải đáp ứng tiêu chuẩn quốc gia về nông nghiệp hữu cơ. Trường hợp xuất khẩu sản phẩm cây trồng hữu cơ thì áp dụng theo yêu cầu của nước nhập khẩu.

- Giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và vật tư khác sử dụng trong canh tác hữu cơ phải đáp ứng tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ và quy chuẩn kỹ thuật liên quan hoặc được sản xuất từ nguyên liệu và phương pháp phù hợp tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ.

- Không sử dụng hóa chất tổng hợp, chất kích thích sinh trưởng cây trồng, thực vật biến đổi gen trong quá trình sản xuất, thu hoạch, sơ chế, bảo quản, chế biến.

- Việc ghi nhãn sản phẩm cây trồng hữu cơ được thực hiện theo quy định của pháp luật về thương mại và quy định khác của pháp luật có liên quan.

**162. Gia đình ông A ở Nghệ An sinh sống chủ yếu bằng nghề trồng lúa. Trong quá trình canh tác thường xuyên gặp các rủi ro như hạn hán, lũ lụt, sâu bệnh. Qua phương tiện thông tin đại chúng, ông được biết để giảm thiểu rủi ro cho nông dân, Chính phủ đã ban hành quy định về bảo hiểm nông nghiệp và chính sách hỗ trợ bảo hiểm nông nghiệp. Xin hỏi, bảo hiểm nông nghiệp là gì? Những đối tượng nào được bảo hiểm hỗ trợ? Ông A có thuộc diện tham gia bảo hiểm nông nghiệp không?**

**Trả lời:**

Khoản 3 Điều 3 Nghị định số 58/2018/NĐ-CP ngày 18/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ về bảo hiểm nông nghiệp quy định bảo hiểm nông nghiệp là loại hình bảo hiểm cho đối tượng sản xuất trong ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, theo đó bên mua bảo hiểm đóng phí bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm bồi thường cho người được bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm.

Về đối tượng bảo hiểm được hỗ trợ, tại Điều 18 của Nghị định này quy định như sau:

- Cây trồng: Lúa, cao su, hồ tiêu, điều, cà phê, cây ăn quả, rau.

- Vật nuôi: Trâu, bò, lợn, gia cầm.

- Nuôi trồng thủy sản: Tôm sú, tôm thẻ chân trắng, cá tra.

Theo đó, ông A căn cứ quy định nêu trên để tham gia bảo hiểm nông nghiệp đối với cây trồng lúa (nếu có nhu cầu).

**163. Gia đình chị P thuộc diện hộ nghèo, sống chủ yếu bằng nghề trồng lúa tại tỉnh Thái Bình. Xin hỏi, pháp luật quy định như thế nào về mức hỗ trợ bảo hiểm nông nghiệp? Khi tham gia bảo hiểm nông nghiệp, chị P được hỗ trợ ở mức nào?**

Điều 19 Nghị định số 58/2018/NĐ-CP quy định mức hỗ trợ bảo hiểm nông nghiệp như sau:

- Cá nhân sản xuất nông nghiệp thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo: Hỗ trợ tối đa 90% phí bảo hiểm nông nghiệp.

- Cá nhân sản xuất nông nghiệp không thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo: Hỗ trợ tối đa 20% phí bảo hiểm nông nghiệp.

- Tổ chức sản xuất nông nghiệp theo mô hình sản xuất hợp tác, liên kết, tập trung, quy mô lớn có ứng dụng khoa học công nghệ và các quy trình sản xuất tiên tiến vào sản xuất, hướng tới nền nông nghiệp sạch, công nghệ cao, thân thiện với môi trường: Hỗ trợ tối đa 20% phí bảo hiểm nông nghiệp.

Căn cứ theo quy định trên, gia đình chị P thuộc diện hộ nghèo, do đó chị sẽ được hỗ trợ tối đa 90% phí bảo hiểm nông nghiệp.

**164. Do thuộc trường hợp được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp nên anh T đã mua bảo hiểm nông nghiệp cho 05 ha lúa hè thu của gia đình. Vừa qua, do chịu ảnh hưởng mưa lũ kéo dài làm cho diện tích lúa của gia đình bị thiệt hại hoàn toàn. Xin hỏi pháp luật quy định những rủi ro nào được bảo hiểm hỗ trợ? Anh T có được chi trả tiền bảo hiểm không?**

Điều 20 Nghị định số 58/2018/NĐ-CP quy định những rủi ro được bảo hiểm hỗ trợ bao gồm:

1. Rủi ro thiên tai, bao gồm:

Bão, áp thấp nhiệt đới, lốc, sét, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, nước dâng, xâm nhập mặn, nắng nóng, hạn hán, rét hại, mưa đá, sương muối, động đất, sóng thần. Thiên tai phải được công bố hoặc xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Rủi ro dịch bệnh, bao gồm:

a) Dịch bệnh động vật:

- Dịch bệnh động vật trên cạn: Các bệnh truyền nhiễm của động vật trên cạn theo danh mục bệnh động vật phải công bố dịch (bao gồm bệnh truyền nhiễm nguy hiểm gây thiệt hại lớn về kinh tế - xã hội và các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm giữa người và động vật) do cơ quan có thẩm quyền ban hành theo quy định của pháp luật thú y.

- Dịch bệnh động vật thủy sản: Các bệnh của động vật thủy sản theo danh mục bệnh phải công bố dịch do cơ quan có thẩm quyền ban hành theo quy định của pháp luật thú y.

b) Dịch hại thực vật: Sinh vật gây hại thực vật có nguy cơ lây lan nhanh trên diện rộng, gây hại nghiêm trọng đối với thực vật theo quy định của pháp luật bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

Dịch bệnh phải được công bố hoặc xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Bên cạnh đó tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 58/2018/NĐ-CP quy định:  Khi xảy ra sự kiện bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm thực hiện giải quyết bồi thường theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm nông nghiệp và quy định pháp luật.

Căn cứ quy định trên, diện tích lúa nhà anh T bị thiệt hại do rủi ro về thiên tai, cụ thể là do lũ lụt, vì vậy, anh T sẽ được cơ quan bảo hiểm chi trả tiền bồi thường theo thỏa thuận.

**165. Doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm gì khi giao kết, thực hiện hợp đồng bảo hiểm nông nghiệp?**

Điều 12 Nghị định số 58/2018/NĐ-CP quy định doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm như sau:

- Giải thích và cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến hợp đồng bảo hiểm, quy tắc, điều khoản, biểu phí bảo hiểm cho bên mua bảo hiểm. Doanh nghiệp bảo hiểm chỉ thực hiện giao kết hợp đồng bảo hiểm nông nghiệp khi bên mua bảo hiểm xác nhận đã hiểu rõ các nội dung liên quan đến hợp đồng bảo hiểm, quy tắc, điều khoản, biểu phí bảo hiểm nông nghiệp.

- Thực hiện giao kết hợp đồng bảo hiểm nông nghiệp trên nguyên tắc tự nguyện, tự chủ, tự chịu trách nhiệm; bảo đảm nguyên tắc số đông bù số ít và chủ động thực hiện phân tán, chia sẻ rủi ro thông qua các phương thức đồng bảo hiểm và tái bảo hiểm nông nghiệp.

- Chủ động thực hiện kiểm soát rủi ro, đề phòng, hạn chế tổn thất và phòng, chống gian lận bảo hiểm theo quy định.

- Khi xảy ra sự kiện bảo hiểm, kịp thời cử cán bộ tiếp cận đối tượng bảo hiểm và hướng dẫn người được bảo hiểm thực hiện các biện pháp hạn chế tổn thất (nếu có). Chi trả các chi phí cần thiết, hợp lý để hạn chế tổn thất.

- Tổ chức công tác giám định tổn thất để xác định nguyên nhân, mức độ tổn thất công khai, minh bạch theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm nông nghiệp và quy định pháp luật. Trường hợp bảo hiểm theo chỉ số, thu thập công bố, xác nhận của cơ quan chức năng về sự kiện bảo hiểm (nếu có thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm); tổ chức công tác xác định mức độ chênh lệch chỉ số thực tế so với chỉ số được bảo hiểm đã thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm.

- Trường hợp xác định tổn thất thuộc trách nhiệm bồi thường, cử cán bộ hướng dẫn người được bảo hiểm các hồ sơ, tài liệu cần cung cấp để phục vụ công tác giải quyết bồi thường.

- Trả tiền bồi thường đầy đủ cho người được bảo hiểm theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm nông nghiệp và quy định pháp luật.

- Thực hiện các trách nhiệm khác theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm nông nghiệp và quy định pháp luật.

**166. Trách nhiệm của bên mua bảo hiểm, người được bảo hiểm trong giao kết, thực hiện hợp đồng bảo hiểm nông nghiệp được pháp luật quy định như thế nào?**

Điều 13 Nghị định số 58/2018/NĐ-CP quy định như sau:

- Bảo đảm có quyền lợi có thể được bảo hiểm đối với đối tượng bảo hiểm theo quy định pháp luật.

- Cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin liên quan đến đối tượng bảo hiểm (bao gồm cả trường hợp đối tượng bảo hiểm bị thiệt hại) cho doanh nghiệp bảo hiểm.

- Thực hiện giao kết hợp đồng bảo hiểm nông nghiệp sau khi đã hiểu đầy đủ các thông tin liên quan đến hợp đồng bảo hiểm, quy tắc, điều khoản, biểu phí bảo hiểm do doanh nghiệp bảo hiểm cung cấp, giải thích.

- Chủ động thực hiện kiểm soát rủi ro, đề phòng, hạn chế tổn thất và phòng, chống gian lận bảo hiểm theo quy định tại Mục 2 Chương II Nghị định này.

- Tạo điều kiện cho doanh nghiệp bảo hiểm kiểm tra các điều kiện bảo đảm an toàn cho đối tượng bảo hiểm.

- Kịp thời thông báo cho doanh nghiệp bảo hiểm về việc xảy ra sự kiện bảo hiểm; thực hiện các biện pháp theo hướng dẫn của doanh nghiệp bảo hiểm để hạn chế tổn thất.

- Phối hợp chặt chẽ với doanh nghiệp bảo hiểm trong công tác giám định tổn thất để xác định nguyên nhân, mức độ tổn thất, giải quyết bồi thường.

- Thực hiện các trách nhiệm khác theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm nông nghiệp và quy định pháp luật.

**21 câu hỏi về điều kiện kết hôn, tảo hôn; hôn nhân cận huyết thống; quyền và nghĩa vụ của cha mẹ, con cái (9.II)**

**167. Điều kiện kết hôn được quy định như thế nào?**

Theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nam nữ muốn kết hôn với nhau phải đáp ứng các điểu kiện sau:

- Nam từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên;

- Việc kết hôn do nam và nữ tự nguyện quyết định;

- Không bị mất năng lực hành vi dân sự;

- Việc kết hôn không thuộc một trong các trường hợp cấm kết hôn:

+ Kết hôn giả tạo, ly hôn giả tạo; Tảo hôn, cưỡng ép kết hôn, lừa dối kết hôn, cản trở kết hôn;

+ Người đang có vợ, có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người khác hoặc chưa có vợ, chưa có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người đang có chồng, có vợ;

+ Kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng giữa những người cùng dòng máu về trực hệ; giữa những người có họ trong phạm vi ba đời; giữa cha, mẹ nuôi với con nuôi; giữa người đã từng là cha, mẹ nuôi với con nuôi, cha chồng với con dâu, mẹ vợ với con rể, cha dượng với con riêng của vợ, mẹ kế với con riêng của chồng;

+ Yêu sách của cải trong kết hôn;

+ Cưỡng ép ly hôn, lừa dối ly hôn, cản trở ly hôn;

+ Thực hiện sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản vì mục đích thương mại, mang thai hộ vì mục đích thương mại, lựa chọn giới tính thai nhi, sinh sản vô tính;

+ Bạo lực gia đình;

+ Lợi dụng việc thực hiện quyền về hôn nhân và gia đình để mua bán người, bóc lột sức lao động, xâm phạm tình dục hoặc có hành vi khác nhằm mục đích trục lợi.

**168. A và N cùng 15 tuổi, được hai gia đình tổ chức lễ cưới theo tập tục địa phương. Xin hỏi, trường hợp này có vi phạm quy định của pháp luật về độ tuổi kết hôn hay không? Nếu có thì hình thức xử lý vi phạm như thế nào?**

Khoản 1 Điều 8 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định độ tuổi kết hôn của nam là từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên. Việc lấy vợ, lấy chồng khi một bên hoặc cả hai bên chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định được pháp luật gọi là tảo hôn (khoản 8 Điều 3 Luật Hôn nhân và gia đình). Hành vi tảo hôn là một trong những hành vi bị nghiêm cấm theo quy định của pháp luật (khoản 2 Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình). Do vậy, với trường hợp nêu trên đã vi phạm quy định của pháp luật về độ tuổi kết hôn.

Theo Điều 58 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình; thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã, hành vi tổ chức lấy vợ, lấy chồng cho người chưa đủ tuổi kết hôn sẽ bị phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.

Đối chiếu với quy định trên, hành vi tổ chức lấy vợ, lấy chồng của gia đình A và N sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính với mức quy định nêu trên. Bên cạnh đó Bộ luật Hình sự quy định người nào tổ chức việc lấy vợ, lấy chồng cho những người chưa đến tuổi kết hôn, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm.

**169. Người nào có quyền yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật?**

Điều 10 Luật Hôn nhân và gia đình quy định như sau:

1. Người bị cưỡng ép kết hôn, bị lừa dối kết hôn, theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, có quyền tự mình yêu cầu hoặc đề nghị cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 2 Điều này yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật do việc kết hôn vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 của Luật này.

2. Cá nhân, cơ quan, tổ chức sau đây, theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, có quyền yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật do việc kết hôn vi phạm quy định tại các điểm a, c và d khoản 1 Điều 8 của Luật này:

a) Vợ, chồng của người đang có vợ, có chồng mà kết hôn với người khác; cha, mẹ, con, người giám hộ hoặc người đại diện theo pháp luật khác của người kết hôn trái pháp luật;

b) Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình;

c) Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em;

d) Hội liên hiệp phụ nữ.

3. Cá nhân, cơ quan, tổ chức khác khi phát hiện việc kết hôn trái pháp luật thì có quyền đề nghị cơ quan, tổ chức quy định tại các điểm b, c và d khoản 2 Điều này yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật.

**170. Hành vi cung cấp tài liệu, bằng chứng sai sự thật về tình trạng hôn nhân để làm thủ tục đăng ký kết hôn thì mức xử phạt được quy định như thế nào?**

Theo điểm a khoản 2 Điều 38 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình; thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã quy định đối với hành vi cung cấp thông tin, tài liệu hoặc cam đoan, làm chứng sai sự thật về tình trạng hôn nhân để làm thủ tục đăng ký kết hôn sẽ bị phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng. Ngoài ra, giấy chứng nhận đăng ký kết hôn đã được cấp do có hành vi vi phạm nói trên sẽ bị cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền xem xét, xử lý.

**171. Xin hỏi cha mẹ có quyền và nghĩa vụ gì?**

Điều 69 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định cha mẹ có các quyền và nghĩa vụ sau:

- Thương yêu con, tôn trọng ý kiến của con; chăm lo việc học tập, giáo dục để con phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức, trở thành người con hiếu thảo của gia đình, công dân có ích cho xã hội.

- Trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

- Giám hộ hoặc đại diện theo quy định của Bộ luật dân sự cho con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự.

- Không được phân biệt đối xử với con trên cơ sở giới hoặc theo tình trạng hôn nhân của cha mẹ; không được lạm dụng sức lao động của con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động; không được xúi giục, ép buộc con làm việc trái pháp luật, trái đạo đức xã hội.

**172. Pháp luật quy định như thế nào quyền và nghĩa vụ của con trong gia đình?**

Điều 70 Luật Hôn nhân và gia đình quy định, con có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- Được cha mẹ thương yêu, tôn trọng, thực hiện các quyền, lợi ích hợp pháp về nhân thân và tài sản theo quy định của pháp luật; được học tập và giáo dục; được phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ và đạo đức.

- Có bổn phận yêu quý, kính trọng, biết ơn, hiếu thảo, phụng dưỡng cha mẹ, giữ gìn danh dự, truyền thống tốt đẹp của gia đình.

- Con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình thì có quyền sống chung với cha mẹ, được cha mẹ trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc.

Con chưa thành niên tham gia công việc gia đình phù hợp với lứa tuổi và không trái với quy định của pháp luật về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

- Con đã thành niên có quyền tự do lựa chọn nghề nghiệp, nơi cư trú, học tập, nâng cao trình độ văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ; tham gia hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội theo nguyện vọng và khả năng của mình. Khi sống cùng với cha mẹ, con có nghĩa vụ tham gia công việc gia đình, lao động, sản xuất, tạo thu nhập nhằm bảo đảm đời sống chung của gia đình; đóng góp thu nhập vào việc đáp ứng nhu cầu của gia đình phù hợp với khả năng của mình.

- Được hưởng quyền về tài sản tương xứng với công sức đóng góp vào tài sản của gia đình.

**173. Nghĩa vụ và quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con được pháp luật quy định như thế nào?**

Điều 71, 72 Luật Hôn nhân và gia đình quy định về nghĩa vụ và quyền chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con như sau:

\* Về nghĩa vụ và quyền chăm sóc, nuôi dưỡng:

- Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

- Con có nghĩa vụ và quyền chăm sóc, nuôi dưỡng cha mẹ, đặc biệt khi cha mẹ mất năng lực hành vi dân sự, ốm đau, già yếu, khuyết tật; trường hợp gia đình có nhiều con thì các con phải cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng cha mẹ.

\* Về nghĩa vụ và quyền giáo dục con:

- Cha mẹ có nghĩa vụ và quyền giáo dục con, chăm lo và tạo điều kiện cho con học tập. Cha mẹ tạo điều kiện cho con được sống trong môi trường gia đình đầm ấm, hòa thuận; làm gương tốt cho con về mọi mặt; phối hợp chặt chẽ với nhà trường, cơ quan, tổ chức trong việc giáo dục con.

- Cha mẹ hướng dẫn con chọn nghề; tôn trọng quyền chọn nghề, quyền tham gia hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của con.

- Cha mẹ có thể đề nghị cơ quan, tổ chức hữu quan giúp đỡ để thực hiện việc giáo dục con khi gặp khó khăn không thể tự giải quyết được.

**174. Con tôi năm nay 16 tuổi, trong dịp sinh nhật cháu, vợ chồng tôi mua tặng cháu 01 chiếc điện thoại. Tuy nhiên do muốn kiểm soát việc học của con nên tôi thường xuyên kiểm tra điện thoại. Con tôi nói rằng đây là tài sản riêng của con, bố mẹ cần tôn trọng. Tôi cho rằng phải đủ 18 tuổi con mới có tài sản riêng và được quyền quản lý, con tôi không đồng ý về điều này. Xin hỏi quyền có tài sản riêng của con được pháp luật quy định như thế nào?**

Điều 75 Luật Hôn nhân và gia đình quy định, con có quyền có tài sản riêng. Tài sản riêng của con bao gồm tài sản được thừa kế riêng, được tặng cho riêng, thu nhập do lao động của con, hoa lợi, lợi tức phát sinh từ tài sản riêng của con và thu nhập hợp pháp khác. Tài sản được hình thành từ tài sản riêng của con cũng là tài sản riêng của con. Bên cạnh đó tại Điều 76 Luật Hôn nhân và gia đình quy định, con từ đủ 15 tuổi trở lên có thể tự mình quản lý tài sản riêng hoặc nhờ cha mẹ quản lý.

Như vậy đối chiếu với quy định trên, con anh chị đã 16 tuổi, cháu có quyền có tài sản riêng và có thể tự quản lý tài sản hoặc nhờ bố mẹ quản lý.

**175. Đề nghị cho biết quyền định đoạt tài sản riêng của con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự được pháp luật quy định như thế nào?**

Điều 77 Luật Hôn nhân và gia đình quy định như sau:

Trường hợp cha mẹ hoặc người giám hộ quản lý tài sản riêng của con dưới 15 tuổi thì có quyền định đoạt tài sản đó vì lợi ích của con, nếu con từ đủ 09 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.

Con từ đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi có quyền định đoạt tài sản riêng, trừ trường hợp tài sản là bất động sản, động sản có đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc dùng tài sản để kinh doanh thì phải có sự đồng ý bằng văn bản của cha mẹ hoặc người giám hộ.

Trong trường hợp con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự thì việc định đoạt tài sản riêng của con do người giám hộ thực hiện.

**176. Vợ chồng anh H, chị G đã có 1 con trai được 03 tuổi. Sau khi ly hôn, chị G đã đưa con về ở nhà ngoại, không cho a H đến thăm con và yêu cầu anh phải cấp dưỡng cho con. Xin hỏi pháp luật quy định như thế nào về vấn đề chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn?**

Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau ly hôn như sau: Cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con. Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con.

Về nghĩa vụ, quyền của cha mẹ không trực tiếp nuôi con: Khoản 2, 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình quy định cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Như vậy, anh H hoàn toàn có quyền tự do tới thăm con, đồng thời, có nghĩa vụ cấp dưỡng để nuôi con. Cha mẹ trực tiếp nuôi dưỡng con cùng những thành viên trong gia đình không được ngăn cản người không trực tiếp nuôi dưỡng con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

**177. Vợ chồng anh A ly hôn đã 05 năm, Tòa án đã xem xét và quyết định cho anh A quyền nuôi con. Vợ anh sau khi ly hôn đã chuyển đến nơi khác sống và lập gia đình mới. Đến nay, vợ cũ anh A quay về muốn dành quyền nuôi con. Xin hỏi trường hợp này được quy định như thế nào?**

Theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình: Vợ anh A có quyền yêu cầu Tòa án xem xét, quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Tuy nhiên, việc thay đổi người trực tiếp nuôi con được thực hiện khi có một trong các căn cứ được quy định tại khoản 2 Điều 84, cụ thể như sau:

- Cha mẹ có thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con

- Người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phải xem xét nguyện vọng của con.

Như vậy, anh A và vợ cũ có thể thỏa thuận người thay đổi trực tiếp nuôi con, nếu anh A muốn tiếp tục giữ quyền nuôi con của mình thì phải chứng minh được mình đủ điều kiện nuôi dưỡng, giáo dục con.

**178. Những tập quán lạc hậu nào về hôn nhân và gia đình cần vận động xóa bỏ?**

Tập quán lạc hậu về hôn nhân và gia đình là tập quán trái với những nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình quy định tại Điều 2 Luật Hôn nhân và gia đình hoặc vi phạm điều cấm quy định tại khoản 2 Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình.

Theo quy định tại Mục I Phụ lục Danh mục các tập quán lạc hậu về hôn nhân và gia đình cần vận động xóa bỏ hoặc cấm áp dụng ban hành kèm theo Nghị định số 126/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hôn nhân và gia đình thì các tập quán lạc hậu về hôn nhân và gia đình cần vận động xóa bỏ bao gồm:

1. Kết hôn trước tuổi quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

2. Việc đăng ký kết hôn không do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện.

3. Cưỡng ép kết hôn do xem “lá số” và do mê tín dị đoan; cản trở hôn nhân do khác dân tộc, tôn giáo.

4. Cấm kết hôn giữa những người có họ trong phạm vi từ bốn đời trở lên.

5. Nếu nhà trai không có tiền cưới và đồ sính lễ thì sau khi kết hôn, người con rể buộc phải ở rể để trả công cho bố, mẹ vợ.

6. Quan hệ gia đình theo chế độ phụ hệ hoặc mẫu hệ, không bảo đảm quyền bình đẳng giữa vợ và chồng, giữa con trai và con gái.

a) Chế độ phụ hệ:

Khi ly hôn, nếu do người vợ yêu cầu ly hôn thì nhà gái phải trả lại nhà trai toàn bộ đồ sính lễ và những phí tổn khác; nếu do người chồng yêu cầu ly hôn thì nhà gái vẫn phải trả lại nhà trai một nửa đồ sính lễ. Sau khi ly hôn, nếu người phụ nữ kết hôn với người khác thì không được hưởng và mang đi bất cứ tài sản gì. Sau khi cha, mẹ ly hôn, con phải theo cha.

Khi người chồng chết, người vợ góa không có quyền hưởng phần di sản của người chồng quá cố để lại. Nếu người vợ góa tái hôn với người khác thì không được hưởng và mang đi bất cứ tài sản gì.

Khi người cha chết, chỉ các con trai có quyền còn các con gái không có quyền hưởng phần di sản của người cha quá cố để lại.

b) Chế độ mẫu hệ:

Người con bị bắt buộc phải mang họ của người mẹ.

Khi người vợ chết, người chồng góa không có quyền hưởng phần di sản của người vợ quá cố để lại và không được mang tài sản riêng của mình về nhà.

Khi người mẹ chết, chỉ các con gái có quyền còn các con trai không có quyền hưởng phần di sản của người mẹ quá cố để lại.

Sau khi ở rể, người con rể bị “từ hôn” hoặc sau khi ăn hỏi, nhận đồ sính lễ, người con trai bị “từ hôn” thì không được bù trả lại.

7. Không kết hôn giữa người thuộc dân tộc này với người thuộc dân tộc khác và giữa những người khác tôn giáo.

**179. Các tập quán lạc hậu về hôn nhân và gia đình cấm áp dụng được quy định như thế nào?**

Mục II Phụ lục Danh mục các tập quán lạc hậu về hôn nhân và gia đình cần vận động xóa bỏ hoặc cấm áp dụng ban hành kèm theo Nghị định số 126/2014/NĐ-CP quy định cấm áp dụng các tập quán lạc hậu về hôn nhân và gia đình sau:

1. Chế độ hôn nhân đa thê.

2. Kết hôn giữa những người có cùng dòng máu về trực hệ, giữa những người khác có họ trong phạm vi ba đời.

3. Tục cướp vợ để cưỡng ép người phụ nữ làm vợ.

4. Thách cưới cao mang tính chất gả bán (như đòi bạc trắng, tiền mặt, của hồi môn, trâu, bò, chiêng ché… để dẫn cưới).

5. Phong tục “nối dây”; Khi người chồng chết, người vợ góa bị ép buộc kết hôn với anh trai hoặc em trai của người chồng quá cố; khi người vợ chết, người chồng góa bị ép buộc kết hôn với chị gái hoặc em gái của người vợ quá cố.

6. Bắt buộc người phụ nữ góa chồng hoặc người đàn ông góa vợ, nếu kết hôn với người khác thì phải trả lại tiền cưới cho nhà chồng cũ hoặc nhà vợ cũ.

7. Đòi lại của cải, phạt vạ khi vợ, chồng ly hôn

**180. Đối với hành vi tổ chức kết hôn cho những người chưa đến tuổi kết hôn, đã bị xử phạt vi phạm hành chính mà còn vi phạm thì pháp luật xử lý như thế nào đối với hành vi này?**

Hành vi này sẽ bị xử lý về “Tội tổ chức tảo hôn” được quy định tại Điều 183 Bộ Luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), cụ thể như sau: Người nào tổ chức việc lấy vợ, lấy chồng cho những người chưa đến tuổi kết hôn, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm.

**181. Thế nào là hôn nhân cận huyết thống?**

Hôn nhân cận huyết thống được hiểu là hôn nhân giữa nam và nữ có cùng dòng máu về trực hệ hoặc những người có họ hàng thân thích trong phạm vi ba đời.

Khoản 17, 18 Điều 3 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *Những người cùng dòng máu* *về trực hệ* là những người có quan hệ huyết thống, trong đó, người này sinh ra người kia kế tiếp nhau. *Những người có họ trong phạm vi ba đời* là những người cùng một gốc sinh ra gồm cha mẹ là đời thứ nhất; anh, chị, em cùng cha mẹ, cùng cha khác mẹ, cùng mẹ khác cha là đời thứ hai; anh, chị, em con chú, con bác, con cô, con cậu, con dì là đời thứ ba.

**182. Đối với người có hành vi kết hôn cận huyết thống thì bị xử lý như thế nào về hành chính và hình sự?**

Về xử lý hành chính: Khoản 2 Điều 59 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP quy định, phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng giữa những người cùng dòng máu về trực hệ hoặc giữa những người có họ trong phạm vi ba đời.

Về xử lý hình sự: Điều 184 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định Tội loạn luân xử lý như sau: Người nào giao cấu với người mà biết rõ người đó cùng dòng máu về trực hệ, là anh chị em cùng cha mẹ, anh chị em cùng cha khác mẹ hoặc cùng mẹ khác cha, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

**183. Trên mạng xã hội gần đây phản ánh một số người có hành vi ngược đãi, xâm phạm thân thể ông bà, cha mẹ, con cái trong gia đình. Đây là hành vi đang bị xã hội lên án và cần có chế tài xử lý kịp thời. Xin hỏi để răn đe và ngăn chăn chặn hành vi này, pháp luật quy định như thế nào?**

Điều 185 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã quy định cụ thể về hành vi và mức xử phạt đối với “Tội ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu hoặc người có công nuôi dưỡng mình” cụ thể như sau:

1. Người nào đối xử tồi tệ hoặc có hành vi bạo lực xâm phạm thân thể ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu hoặc người có công nuôi dưỡng mình thuộc một trong những trường hợp sau đây, thì bị phạt cảnh cáo, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

- Thường xuyên làm cho nạn nhân bị đau đớn về thể xác, tinh thần;

- Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm:

- Đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu;

- Đối với người khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng hoặc người mắc bệnh hiểm nghèo.

**184. Quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con sau khi ly hôn được pháp luật quy định như thế nào?**

Quyền và nghĩa vụ của cha mẹ sau khi ly hôn được quy định tại Luật Hôn nhân và gia định cụ thể như sau:

- Sau khi ly hôn,  cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật này, Bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan (Khoản 1 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình).

- Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. (Khoản 1, 2, 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình).

- Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ: tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; thăm nom và cấp dưỡng cho con; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con (Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình).

**185. Cha mẹ bị hạn chế quyền đối với con chưa thành niên trong trường hợp nào?**

Theo quy định tại Điều 85 Luật Hôn nhân và gia đình quy định cha, mẹ bị hạn chế quyền đối với con chưa thành niên trong các trường hợp sau đây:

- Bị kết án về một trong các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con với lỗi cố ý hoặc có hành vi vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con;

- Phá tán tài sản của con;

- Có lối sống đồi trụy;

- Xúi giục, ép buộc con làm những việc trái pháp luật, trái đạo đức xã hội.

Căn cứ vào từng trường hợp cụ thể, Tòa án có thể tự mình hoặc theo yêu cầu của cá nhân, cơ quan, tổ chức (có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên) ra quyết định không cho cha, mẹ trông nom, chăm sóc, giáo dục con, quản lý tài sản riêng của con hoặc đại diện theo pháp luật cho con trong thời hạn từ 01 năm đến 05 năm. Tòa án có thể xem xét việc rút ngắn thời hạn này.

**186. Anh A ly hôn vợ, Tòa án giao anh A quyền nuôi con trai là B 12 tuổi. Sau khi ly hôn, anh A thường xuyên rượu chè, không chăm sóc con, lúc say rượi anh đánh con vô cớ, gây thương tích. Thời gian này vợ cũ anh A đi xuất khẩu lao động nên người thân muốn hỏi, ngoài mẹ B thì chủ thể nào có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên?**

Điều 86 Luật Hôn nhân gia đình quy định, những chủ thể sau có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên:

1. Cha, mẹ, người giám hộ của con chưa thành niên, theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

2. Cá nhân, cơ quan, tổ chức sau đây, theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên:

- Người thân thích;

- Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình;

- Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em;

- Hội liên hiệp phụ nữ.

3. Ngoài ra, đối với cá nhân, cơ quan, tổ chức khác khi phát hiện cha, mẹ có hành vi vi phạm như: Bị kết án về một trong các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con với lỗi cố ý hoặc có hành vi vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; phá tán tài sản của con; có lối sống đồi trụy; xúi giục, ép buộc con làm những việc trái pháp luật, trái đạo đức xã hội có quyền đề nghị Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ yêu cầu Tòa án hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

Như vậy căn cứ theo quy định trên, người thân của B có quyền yêu cầu Tòa án xem xét, hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

**187. Xin hỏi hậu quả pháp lý của việc cha, mẹ bị hạn chế quyền đối với con chưa thành niên được quy định như thế nào?**

Điều 87 Luật Hôn nhân và gia đình quy định như sau:

Trong trường hợp cha hoặc mẹ bị Tòa án hạn chế quyền đối với con chưa thành niên thì người kia thực hiện quyền trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con, quản lý tài sản riêng của con và đại diện theo pháp luật cho con.

Việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con và quản lý tài sản riêng của con chưa thành niên được giao cho người giám hộ theo quy định của Bộ luật dân sự và Luật này trong các trường hợp sau đây:

- Cha và mẹ đều bị Tòa án hạn chế quyền đối với con chưa thành niên;

- Một bên cha, mẹ không bị hạn chế quyền đối với con chưa thành niên nhưng không đủ điều kiện để thực hiện quyền, nghĩa vụ đối với con;

- Một bên cha, mẹ bị hạn chế quyền đối với con chưa thành niên và chưa xác định được bên cha, mẹ còn lại của con chưa thành niên.

Cha, mẹ đã bị Tòa án hạn chế quyền đối với con chưa thành niên vẫn phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con./.

**42 câu hỏi về một số quy định pháp luật trong lĩnh vực giáo dục**

**188. Xin cho biết hệ thống giáo dục quốc dân bao gồm các cấp học, trình độ đào tạo nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Luật Giáo dục năm 2019, hệ thống giáo dục quốc dân là hệ thống giáo dục mở, liên thông gồm giáo dục chính quy và giáo dục thường xuyên.

Cấp học, trình độ đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định tại khoản 2 Điều 6 bao gồm:

- Giáo dục mầm non gồm giáo dục nhà trẻ và giáo dục mẫu giáo;

- Giáo dục phổ thông gồm giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và giáo dục trung học phổ thông;

- Giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ sơ cấp, trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng và các chương trình đào tạo nghề nghiệp khác;

- Giáo dục đại học đào tạo trình độ đại học, trình độ thạc sĩ và trình độ tiến sĩ.

**189. Theo quy định của pháp luật, nội dung và phương pháp giáo dục cần bảo đảm các yêu cầu như thế nào?**

**Trả lời:**

Nội dung và phương pháp giáo dục thực hiện theo quy định tại Điều 7 Luật Giáo dục năm 2019. Theo đó phải bảo đảm các yêu cầu như sau:

- Nội dung giáo dục phải bảo đảm tính cơ bản, toàn diện, thiết thực, hiện đại, có hệ thống và được cập nhật thường xuyên; coi trọng giáo dục tư tưởng, phẩm chất đạo đức và ý thức công dân; kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp, bản sắc văn hóa dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại; phù hợp với sự phát triển về thể chất, trí tuệ, tâm sinh lý lứa tuổi và khả năng của người học.

- Phương pháp giáo dục phải khoa học, phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, tư duy sáng tạo của người học; bồi dưỡng cho người học năng lực tự học và hợp tác, khả năng thực hành, lòng say mê học tập và ý chí vươn lên.

**190. Đề nghị cho biết ngôn ngữ và chữ viết trong cơ sở giáo dục được thực hiện theo quy định nào?**

**Trả lời:**

Điều 11 Luật Giáo dục năm 2019 quy định tiếng Việt là ngôn ngữ chính thức dùng trong cơ sở giáo dục. Việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài trong cơ sở giáo dục thực hiện theo quy định của Chính phủ phù hợp với mục tiêu giáo dục và yêu cầu cụ thể về nội dung giáo dục.

Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện để người dân tộc thiểu số được học tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình theo quy định của Chính phủ; người khuyết tật nghe, nói được học bằng ngôn ngữ ký hiệu, người khuyết tật nhìn được học bằng chữ nổi Braille theo quy định của Luật Người khuyết tật.

Ngoại ngữ quy định trong chương trình giáo dục là ngôn ngữ được sử dụng phổ biến trong giao dịch quốc tế. Việc tổ chức dạy ngoại ngữ trong cơ sở giáo dục phải bảo đảm để người học được học liên tục, hiệu quả.

**191. Em H (6 tuổi) bị khuyết tật bẩm sinh chân trái, dù đi lại khó khăn nhưng em rất thích được đi học. Gia đình băn khoăn không biết có nên cho H đi học hay không vì lo sự khác biệt của H sẽ làm em không được bình đẳng về cơ hội học tập như các bạn. Xin cho biết pháp luật đã quy định như thế nào về vấn đề này?**

**Trả lời:**

Hiến pháp năm 2013 quy định công dân có quyền và nghĩa vụ học tập. Theo đó, Điều 13 Luật Giáo dục năm 2019 đã cụ thể hóa các quyền và nghĩa vụ học tập như sau:

- Học tập là quyền và nghĩa vụ của công dân. Mọi công dân không phân biệt dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, giới tính, đặc điểm cá nhân, nguồn gốc gia đình, địa vị xã hội, hoàn cảnh kinh tế đều bình đẳng về cơ hội học tập.

- Nhà nước thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục, tạo môi trường giáo dục an toàn, bảo đảm giáo dục hòa nhập, tạo điều kiện để người học phát huy tiềm năng, năng khiếu của mình.

- Nhà nước ưu tiên, tạo điều kiện cho người học là trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt theo quy định của Luật Trẻ em, người học là người khuyết tật theo quy định của Luật Người khuyết tật, người học thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo thực hiện quyền và nghĩa vụ học tập.

Căn cứ quy định nêu trên, khi đi học em H có quyền và nghĩa vụ học tập bình đẳng với các bạn trong lớp.

**192. Nhà nước đã thực hiện chủ trương phổ cập giáo dục từ nhiều năm qua và thu được những kết quả tốt, còn rất ít các em học sinh đến trường không đúng tuổi quy định. Đề nghị cho biết chủ trương phổ cập giáo dục ở nước ta hiện nay được thực hiện như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 14 Luật Giáo dục năm 2019 thì giáo dục tiểu học là giáo dục bắt buộc. Nhà nước thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 05 tuổi và phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

Nhà nước chịu trách nhiệm thực hiện giáo dục bắt buộc trong cả nước; quyết định kế hoạch, bảo đảm các điều kiện để thực hiện phổ cập giáo dục.

Mọi công dân trong độ tuổi quy định có nghĩa vụ học tập để thực hiện phổ cập giáo dục và hoàn thành giáo dục bắt buộc.

Gia đình, người giám hộ có trách nhiệm tạo điều kiện cho các thành viên của gia đình trong độ tuổi quy định được học tập để thực hiện phổ cập giáo dục và hoàn thành giáo dục bắt buộc.

**193. Những hành vi nào bị nghiêm cấm trong cơ sở giáo dục?**

**Trả lời:**

Điều 22 Luật Giáo dục năm 2019 quy định có 06 nhóm hành vi bị nghiêm cấm trong cơ sở giáo dục, cụ thể như sau:

- Xúc phạm nhân phẩm, danh dự, xâm phạm thân thể nhà giáo, cán bộ, người lao động của cơ sở giáo dục và người học.

- Xuyên tạc nội dung giáo dục.

- Gian lận trong học tập, kiểm tra, thi, tuyển sinh.

- Hút thuốc; uống rượu, bia; gây rối an ninh, trật tự.

- Ép buộc học sinh học thêm để thu tiền.

- Lợi dụng việc tài trợ, ủng hộ giáo dục để ép buộc đóng góp tiền hoặc hiện vật.

**194. Chương trình giáo dục mầm non được quy định như thế nào theo Luật Giáo dục năm 2019?**

**Trả lời:**

Giáo dục mầm non là cấp học đầu tiên trong hệ thống giáo dục quốc dân, đặt nền móng cho sự phát triển toàn diện con người Việt Nam, thực hiện việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em từ 03 tháng tuổi đến 06 tuổi.

Giáo dục mầm non nhằm phát triển toàn diện trẻ em về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào học lớp một.

Xuất phát từ ý nghĩa, mục đích và vị trí, vai trò quan trọng của giáo dục mầm non, pháp luật đã quy định cụ thể các yêu cầu của chương trình giáo dục mầm non. Các yêu cầu đó được thực hiện theo quy định tại Điều 25 Luật Giáo dục năm 2019, bao gồm:

- Thể hiện mục tiêu giáo dục mầm non.

- Quy định yêu cầu cần đạt ở mỗi độ tuổi, các hoạt động giáo dục, phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động giáo dục, môi trường giáo dục, đánh giá sự phát triển của trẻ em.

- Thống nhất trong cả nước và được tổ chức thực hiện linh hoạt, phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương và cơ sở giáo dục mầm non.

**195. Vì gia đình không có điều kiện thuê giúp việc, nên chị T muốn cho con gái của mình mới hơn 10 tháng tuổi đi học. Xin cho biết chị T có thể gửi con đến cơ sở giáo dục mầm non nào?**

**Trả lời:**

Điều 26Luật Giáo dục năm 2019 quy định cơ sở giáo dục mầm non gồm có:

(i) Nhà trẻ, nhóm trẻ độc lập nhận trẻ em từ 03 tháng tuổi đến 03 tuổi.

(ii) Trường mẫu giáo, lớp mẫu giáo độc lập nhận trẻ em từ 03 tuổi đến 06 tuổi.

(iii) Trường mầm non, lớp mầm non độc lập là cơ sở giáo dục kết hợp nhà trẻ và mẫu giáo, nhận trẻ em từ 03 tháng tuổi đến 06 tuổi.

Căn cứ quy định nêu trên, chị T có thể cho con đi học tại nhà trẻ, nhóm trẻ độc lập hoặc trường mầm non, lớp mẫu giáo độc lập.

**196. Xin cho biết, học sinh thuộc trường hợp nào sẽ được học vượt lớp, học ở độ tuổi cao hơn quy định?**

**Trả lời:**

Các trường hợp học sinh được học vượt lớp, học ở độ tuổi cao hơn tuổi quy định được thực hiện theo khoản 1 Điều 28 Luật Giáo dục năm 2019, cụ thể:

- Học sinh học vượt lớp trong trường hợp phát triển sớm về trí tuệ.

- Học sinh học ở độ tuổi cao hơn tuổi quy định trong trường hợp học sinh học lưu ban, học sinh ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh là người khuyết tật, học sinh kém phát triển về thể lực hoặc trí tuệ, học sinh mồ côi không nơi nương tựa, học sinh thuộc hộ nghèo, học sinh ở nước ngoài về nước và trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

**197. Để bảo đảm trẻ em được đến trường, được hưởng quyền học tập, Nhà nước đã có chính sách ưu tiên gì đối với các cơ sở giáo dục mầm non tại xã có điều kiện kinh tế –xã hội đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng khó khăn?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non (Nghị định số 15/2020/NĐ-CP), chính sách ưu tiên phát triển giáo dục mầm non ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng khó khăn được thực hiện như sau:

- Ưu tiên đầu tư kinh phí của Trung ương và địa phương từ các chương trình, dự án để xây dựng cơ sở giáo dục mầm non công lập ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, bảo đảm yêu cầu đến năm 2025 đạt 01 phòng/nhóm, lớp và đáp ứng yêu cầu kiên cố hóa trường lớp học.

- Cơ sở giáo dục mầm non công lập ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, hải đảo, xã thuộc vùng khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ được ngân sách nhà nước hỗ trợ tổ chức nấu ăn cho trẻ em.

Về định mức hỗ trợ kinh phí tổ chức nấu ăn cho trẻ em:

- Kinh phí hỗ trợ tổ chức nấu ăn cho trẻ em mầm non được tính trên số lượng trẻ em được ăn bán trú, tối thiểu bằng 2.400.000 đồng/01 tháng/45 trẻ em, số dư từ 20 trẻ em trở lên được tính thêm một lần mức hỗ trợ.

- Mỗi cơ sở giáo dục mầm non được hưởng không quá 05 lần mức hỗ trợ nêu trên/01 tháng và không quá 9 tháng/01 năm học.

**198. Tôi vừa nghe loa truyền thanh cơ sở thông tin về việc thực hiện chính sách hỗ trợ ăn trưa cho trẻ mẫu giáo. Xin cho biết những đối tượng nào được hưởng chính sách này?**

**Trả lời:**

Chính sách hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo được thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 15/2020/NĐ-CP. Theo đó, đối tượng hưởng chính sách này là trẻ em độ tuổi mẫu giáo (không bao gồm trẻ em dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định tại Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ em mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người) đang học tại lớp mẫu giáo trong các cơ sở giáo dục mầm non bảo đảm một trong những điều kiện sau:

- Có cha hoặc có mẹ hoặc có người chăm sóc trẻ em hoặc trẻ em thường trú ở thôn đặc biệt khó khăn, xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, hải đảo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

- Không có nguồn nuôi dưỡng được quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

- Là nhân khẩu trong gia đình thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

- Trẻ em là con liệt sĩ, con Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, con thương binh, con người hưởng chính sách như thương binh, con bệnh binh; con một số đối tượng chính sách khác theo quy định tại Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng (nếu có).

- Trẻ em khuyết tật học hòa nhập.

**199. Mức hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo ở thôn đặc biệt khó khăn là bao nhiêu? Hồ sơ nộp để hưởng hỗ trợ ăn trưa gồm những giấy tờ gì?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 7 Nghị định số 15/2020/NĐ-CP thì mức hỗ trợ tiền ăn trưa là 160.000 đồng/trẻ/tháng. Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 9 tháng/năm học.

Về hồ sơ phải nộp thực hiện chính sách hỗ trợ ăn trưa, cha mẹ hoặc người chăm sóc trẻ em phải nộp các giấy tờ sau:

- Bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực sổ hộ khẩu hoặc cung cấp thông tin về số định danh cá nhân của trẻ em hoặc của cha hoặc mẹ hoặc người chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em.

- Giấy xác nhận của cơ quan công an về việc đăng ký thường trú của trẻ em (trường hợp sổ hộ khẩu bị thất lạc).

**200. Đề nghị cho biết Nhà nước có chính sách gì đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 15/2020/NĐ-CP, giáo viên mầm non đang làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập và hoạt động theo quy định ở địa bàn có khu công nghiệp bảo đảm những điều kiện sau:

- Có trình độ chuẩn đào tạo chức danh giáo viên mầm non theo quy định;

- Có hợp đồng lao động với người đại diện theo pháp luật của cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục;

- Trực tiếp chăm sóc, giáo dục trẻ tại nhóm trẻ/lớp mẫu giáo có từ 30% trẻ em là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp.

Giáo viên mầm non bảo đảm các điều kiện nêu trên được hỗ trợ tối thiểu 800.000 đồng/tháng (tám trăm ngàn đồng một tháng).

Số lượng giáo viên trong cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục được hưởng hỗ trợ được tính theo định mức quy định đối với các cơ sở giáo dục mầm non công lập hiện hành.

Thời gian hưởng hỗ trợ tính theo số tháng dạy thực tế trong năm học. Mức hỗ trợ này nằm ngoài mức lương thỏa thuận giữa chủ cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục với giáo viên và không dùng tính đóng hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp.

Mhời gian hưởng hỗ trợ tính theo số tháng dạy thực tế trong năm học. Mức hỗ trợ này nằm ngoài mức lương thỏa thuận giữa chủ cơ xem xét, quyng hỗ t

**201. Cơ sở giáo dục phổ thông bao gồm các trường nào theo quy định của Luật Giáo dục năm 2019?**

**Trả lời:**

Điều 33 Luật Giáo dục năm 2019, cơ sở giáo dục phổ thông bao gồm:

- Trường tiểu học.

- Trường trung học cơ sở.

- Trường trung học phổ thông.

- Trường phổ thông có nhiều cấp học.

**202. Bạn K đang học lớp 12. Nếu sau khi học hết chương trình trung học phổ thông và bạn K thi không đạt yêu cầu thì có được cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình trung học phổ thông hay không?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại khoản 3 Điều 34 Luật Giáo dục năm 2019, học sinh học hết chương trình trung học phổ thông đủ điều kiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo thì được dự thi, đạt yêu cầu thì được người đứng đầu cơ quan chuyên môn về giáo dục thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp bằng tốt nghiệp trung học phổ thông.

Học sinh học hết chương trình trung học phổ thông đủ điều kiện dự thi theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo nhưng không dự thi hoặc thi không đạt yêu cầu thì được hiệu trưởng nhà trường cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông.

Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông được sử dụng để đăng ký dự thi lấy bằng tốt nghiệp trung học phổ thông khi người học có nhu cầu hoặc để theo học giáo dục nghề nghiệp và sử dụng trong trường hợp cụ thể theo quy định của pháp luật.

**203. Chương trình giáo dục thường xuyên được thực hiện theo những hình thức nào?**

**Trả lời:**

Khoản 2 Điều 43 Luật Giáo dục năm 2019 quy định chương trình giáo dục thường xuyên có các hình thức sau đây:

- Vừa làm vừa học.

- Học từ xa.

- Tự học, tự học có hướng dẫn.

- Hình thức học khác theo nhu cầu của người học.

**204. Việc đánh giá, công nhận kết quả học tập trong giáo dục thường xuyên được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Điều 45 Luật Giáo dục năm 2019 quy định việc đánh giá, công nhận kết quả học tập trong giáo dục thường xuyên được quy định như sau:

Học viên tham gia chương trình xóa mù chữ, đủ điều kiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo thì được công nhận hoàn thành chương trình xóa mù chữ.

Học viên học hết chương trình giáo dục trung học cơ sở quy định tại điểm d khoản 1 Điều 43 của Luật Giáo dục năm 2019 đủ điều kiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo thì được người đứng đầu cơ quan chuyên môn về giáo dục thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp bằng tốt nghiệp trung học cơ sở.

Học viên học hết chương trình trung học phổ thông quy định tại điểm d khoản 1 Điều 43 của Luật Giáo dục năm 2019 đủ điều kiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo thì được dự thi, nếu đạt yêu cầu thì được người đứng đầu cơ quan chuyên môn về giáo dục thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp bằng tốt nghiệp trung học phổ thông; trường hợp không dự thi hoặc thi không đạt yêu cầu thì được người đứng đầu trung tâm giáo dục thường xuyên cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông.

Học viên hoàn thành chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của một trình độ đào tạo theo quy định của Khung trình độ quốc gia Việt Nam thì được cấp bằng tương ứng với trình độ đào tạo.

Học viên học các khóa bồi dưỡng theo các hình thức khác nhau được dự thi, nếu đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình giáo dục quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 43 của Luật Giáo dục năm 2019 thì được cấp chứng chỉ tương ứng với chương trình học.

**205. Trường mầm non N mới đi vào hoạt động được hơn 01 năm thì dịch bệnh covid xảy ra, dẫn đến đã gần 06 tháng nay trường không triển khai các hoạt động giáo dục. Đề nghị cho biết đã đủ điểu kiện để bị đình chỉ hoạt động giáo dục hay không?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại khoản 1 Điều 50 Luật Giáo dục năm 2019 thìnhà trường bị đình chỉ hoạt động giáo dục trong trường hợp sau đây:

- Có hành vi gian lận để được cho phép hoạt động giáo dục.

- Không bảo đảm một trong các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 49 của Luật này.

- Người cho phép hoạt động giáo dục không đúng thẩm quyền.

- Không triển khai hoạt động giáo dục trong thời hạn quy định kể từ ngày được phép hoạt động giáo dục.

- Vi phạm quy định của pháp luật về giáo dục bị xử phạt vi phạm hành chính ở mức độ phải đình chỉ;

- Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Theo đó hoạt động giáo dục của trường K có thể bị đình chỉ nếu vi phạm thời gian quy định về triển khai hoạt động giáo dục kể từ ngày được phép hoạt động theo quy định của pháp luật.

**206. Xin cho biết trường học sẽ bị giải thể trong trường hợp nào?**

**Trả lời:**

Khoản 2 Điều 51 Luật Giáo dục năm 2019 quy định nhà trường bị giải thể trong trường hợp sau đây:

- Vi phạm nghiêm trọng quy định về quản lý, tổ chức và hoạt động của nhà trường.

- Hết thời hạn đình chỉ hoạt động giáo dục mà không khắc phục được nguyên nhân dẫn đến việc đình chỉ.

- Mục tiêu và nội dung hoạt động trong quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập nhà trường không còn phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

- Không bảo đảm chất lượng giáo dục.

**207. Xin cho biết, trong hệ thống giáo dục quốc dân, nhà trường có nhiệm vụ, quyền hạn như thế nào?**

**Trả lời:**

Nhiệm vụ và quyền hạn của nhà trường được quy định tại khoản 1 Điều 60 Luật Giáo dục năm 2019, cụ thể như sau:

- Công bố công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục; hệ thống văn bằng, chứng chỉ của nhà trường.

- Tổ chức tuyển sinh, giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; xác nhận hoặc cấp văn bằng, chứng chỉ theo thẩm quyền.

- Chủ động đề xuất nhu cầu, tham gia tuyển dụng nhà giáo, người lao động trong trường công lập; quản lý, sử dụng nhà giáo, người lao động; quản lý người học.

- Huy động, quản lý, sử dụng nguồn lực theo quy định của pháp luật; xây dựng cơ sở vật chất theo yêu cầu chuẩn hóa, hiện đại hóa.

- Phối hợp với gia đình, tổ chức, cá nhân trong hoạt động giáo dục; tổ chức cho nhà giáo, người lao động và người học tham gia hoạt động xã hội, phục vụ cộng đồng.

**208. Xin cho biết trường phổ thông dân tộc nội trú được thành lập, hoạt động để phục vụ đối tượng học sinh nào?**

**Trả lời:**

Điều 21 Luật Giáo dục năm 2019 quy định Nhà nước thành lập trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường dự bị đại học cho người học là người dân tộc thiểu số, người học thuộc gia đình định cư lâu dài tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường dự bị đại học được ưu tiên bố trí giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị và ngân sách.

**209. Từ nhỏ M đã ước mơ trở thành giáo viên. Để thực hiện được ước mơ, M học tập chăm chỉ, thi đỗ kỳ thi tuyển viên chức, trở thành giáo viên chính thức tại Trường THCS. Xin cho biết muốn trở thành nhà giáo, M phải đáp ứng các tiêu chuẩn nào?**

**Trả lời:**

Điều 67 Luật Giáo dục năm 2019 quy định nhà giáo phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau đây:

- Có phẩm chất, tư tưởng, đạo đức tốt.

- Đáp ứng chuẩn nghề nghiệp theo vị trí việc làm.

- Có kỹ năng cập nhật, nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ.

- Bảo đảm sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp.

**210. Đề nghị cho biết pháp luật quy định như thế nào về nhiệm vụ của nhà giáo?**

**Trả lời:**

Nhiệm vụ của nhà giáo thực hiện theo quy định tại Điều 69 Luật Giáo dục năm 2019, cụ thể như sau:

- Giảng dạy, giáo dục theo mục tiêu, nguyên lý giáo dục, thực hiện đầy đủ và có chất lượng chương trình giáo dục.

- Gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân, điều lệ nhà trường, quy tắc ứng xử của nhà giáo.

- Giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của nhà giáo; tôn trọng, đối xử công bằng với người học; bảo vệ các quyền, lợi ích chính đáng của người học.

- Học tập, rèn luyện để nâng cao phẩm chất đạo đức, trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy, nêu gương tốt cho người học.

**211. Đề nghị pháp luật quy định nhà giáo có những quyền gì?**

**Trả lời:**

Điều 70 Luật Giáo dục năm 2019 quy định nhà giáo có những quyền sau:

- Được giảng dạy theo chuyên môn đào tạo.

- Được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ.

- Được hợp đồng thỉnh giảng, nghiên cứu khoa học tại cơ sở giáo dục khác hoặc cơ sở nghiên cứu khoa học.

- Được tôn trọng, bảo vệ nhân phẩm, danh dự và thân thể.

- Được nghỉ hè theo quy định của Chính phủ và các ngày nghỉ khác theo quy định của pháp luật.

**212. H đang học ngành giáo dục tiểu học tại Trường Cao đẳng Sư phạm X và tốt nghiệp vào năm 2021. Có người nói rằng những trường hợp được cấp bằng Cao đẳng sư phạm sẽ không được giảng dạy tiểu học. Xin cho biết pháp luật quy định về trình độ chuẩn của nhà giáo trong cơ sở giáo dục như thế nào?**

**Trả lời:**

Trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 72 Luật Giáo dục năm 2019, cụ thể:

- Giáo viên mầm non phải có bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm trở lên.

- Giáo viên tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông phải có bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên trở lên.

Trường hợp môn học chưa đủ giáo viên có bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên thì phải có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm;

- Nhà giáo giảng dạy trình độ đại học phải có bằng thạc sĩ; nhà giáo giảng dạy, hướng dẫn luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ phải có bằng tiến sĩ.

- Trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo giảng dạy trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp thực hiện theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp.

**213. Xin cho biết nhà giáo được hưởng những chính sách gì?**

**Trả lời:**

Điều 77 Luật Giáo dục năm 2019 quy định chính sách đối với nhà giáo như sau:

- Nhà nước có chính sách tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ, bảo đảm các điều kiện cần thiết về vật chất và tinh thần để nhà giáo thực hiện vai trò và nhiệm vụ của mình.

- Nhà giáo công tác tại trường chuyên, trường năng khiếu, trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường dự bị đại học, trường, lớp dành cho người khuyết tật, trường giáo dưỡng hoặc trường chuyên biệt khác, nhà giáo thực hiện giáo dục hòa nhập được hưởng chế độ phụ cấp và chính sách ưu đãi.

- Nhà nước có chính sách khuyến khích, ưu đãi về chế độ phụ cấp và các chính sách khác đối với nhà giáo công tác tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

**214. Xin cho biết, những ai được gọi là người học?**

**Trả lời:**

Người học là người đang học tập tại cơ sở giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân. Theo đó Điều 80 Luật Giáo dục năm 2019 người học gồm có:

- Trẻ em của cơ sở giáo dục mầm non.

- Học sinh của cơ sở giáo dục phổ thông, lớp đào tạo nghề, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp, trường dự bị đại học.

- Sinh viên của trường cao đẳng, trường đại học.

- Học viên của cơ sở đào tạo thạc sĩ.

- Nghiên cứu sinh của cơ sở đào tạo tiến sĩ.

- Học viên theo học chương trình giáo dục thường xuyên.

**215. Để thay đổi không khí và tăng trải nghiệm thực tế cho các cháu bé, trường mầm non B tổ chức cho các cháu đi tham quan và vui chơi. Theo quy định của pháp luật, các cháu bé của trường mầm non có được miễn, giảm giá vé hay không?**

**Trả lời:**

Điều 81 Luật Giáo dục năm 2019 quy định trẻ em tại cơ sở giáo dục mầm non có các quyền sau đây:

- Được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo chương trình giáo dục mầm non; được chăm sóc sức khỏe và bảo vệ theo quy định của Luật Trẻ em và quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Được miễn, giảm giá vé đối với các dịch vụ vui chơi, giải trí công cộng.

Căn cứ quy định nêu trên, khi đi tham quan, các cháu bé của trường mần non B sẽ được miễn, giảm giá vé đối với các dịch vụ vui chơi, trải trí công cộng.

**216. Đề nghị cho biết chương trình nghỉ hè, thời gian nghỉ hè của nhà nước được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Thời gian nghỉ hè của nhà giáo được thực hiện theo Điều 3 Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục năm 2019 (Nghị định số 84/2020/NĐ-CP). Theo đó:

- Thời gian nghỉ hè hằng năm của giáo viên cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, trường chuyên biệt là 08 tuần, bao gồm cả nghỉ phép hằng năm.

- Thời gian nghỉ hè hàng năm của giáo viên trường trung cấp và giảng viên trường cao đẳng là 06 tuần, bao gồm cả nghỉ phép hằng năm.

- Thời gian nghỉ hè hàng năm của giảng viên cơ sở giáo dục đại học được thực hiện theo quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục đại học.

- Trong trường hợp đột xuất, khẩn cấp để phòng chống thiên tai, dịch bệnh hoặc trường hợp cấp bách, thời gian nghỉ hè của nhà giáo cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, trường chuyên biệt, trường trung cấp và trường cao đẳng do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quyết định theo thẩm quyền.

**217. Đối tượng nào sẽ được xét, cấp học bổng khuyến khích học tập?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 84/2020/NĐ-CP thì việc xét, cấp học bổng khuyến khích học tập được áp dụng cho đối tượng như sau:

- Học sinh khối trung học phổ thông chuyên trong cơ sở giáo dục đại học, học sinh trường chuyên có hạnh kiểm tốt, học lực giỏi trong kỳ xét, cấp học bổng có điểm môn chuyên của học kỳ xét cấp từ 8,5 trở lên hoặc đạt một trong các giải từ khuyến khích trở lên trong kỳ thi học sinh giỏi cấp quốc gia, khu vực hoặc quốc tế của năm đó.

- Học sinh các trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao có hạnh kiểm từ loại khá trở lên, học lực đạt từ trung bình trong kỳ xét, cấp học bổng và đạt giải hoặc huy chương trong cuộc thi cấp quốc gia, khu vực hoặc quốc tế của năm học đó.

- Học sinh, sinh viên đang học trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có kết quả học tập, rèn luyện từ loại khá trở lên, không bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên trong kỳ xét cấp học bổng.

**218. Đề nghị cho biết mức học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh trường chuyên, trường năng khiếu nghệ thuật theo quy định hiện nay là bao nhiêu?**

**Trả lời:**

Mức học bổng khuyến khích học tập được quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 84/2020/NĐ-CP. Theo đó mức học bổng được cấp cho một học sinh một tháng tối thiểu bằng ba lần mức học phí hiện hành của trường trung học phổ thông chuyên tại địa phương đối với:

- Học sinh trường chuyên, trường năng khiếu nghệ thuật có hạnh kiểm tốt, học lực giỏi trong kỳ xét, cấp học bổng có điểm môn chuyên của học kỳ xét cấp từ 8,5 trở lên hoặc đạt một trong các giải từ khuyến khích trở lên trong kỳ thi học sinh giỏi cấp quốc gia, khu vực hoặc quốc tế của năm đó.

- Học sinh các trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao có hạnh kiểm từ loại khá trở lên, học lực đạt từ trung bình trong kỳ xét, cấp học bổng và đạt giải hoặc huy chương trong cuộc thi cấp quốc gia, khu vực hoặc quốc tế của năm học đó thì mức học bổng

**219. Mức học bổng khuyến khích học tập được cấp cho học sinh, sinh viên đang học trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp là bao nhiêu?**

**Trả lời:**

Khoản 3 Điều 8 Nghị định số 84/2020/NĐ-CP quy định đối với học sinh, sinh viên đang học trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có kết quả học tập, rèn luyện từ loại khá trở lên, không bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên trong kỳ xét cấp học bổng, thì được mức học bổng như sau:

- Học bổng loại khá: Mức học bổng bằng hoặc cao hơn mức trần học phí hiện hành của ngành, chuyên ngành, nghề mà học sinh, sinh viên đó phải đóng tại trường do hiệu trưởng hoặc giám đốc quy định (sau đây gọi chung là hiệu trưởng) đối với học sinh, sinh viên có điểm trung bình chung học tập và điểm rèn luyện đều đạt loại khá trở lên. Đối với các trường tư thục mức học bổng tối thiểu do hiệu trưởng quy định.

Đối với những ngành nghề đào tạo không thu học phí thì áp dụng theo đơn giá được Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ hoặc đấu thầu cho nhóm ngành đào tạo của trường.

- Học bổng loại giỏi: Mức học bổng cao hơn loại khá do hiệu trưởng quy định đối với học sinh, sinh viên có điểm trung bình chung học tập đạt loại giỏi trở lên và điểm rèn luyện đạt loại tốt trở lên.

- Học bổng loại xuất sắc: Mức học bổng cao hơn loại giỏi do hiệu trưởng quy định đối với học sinh, sinh viên có điểm trung bình chung học tập và điểm rèn luyện đều đạt loại xuất sắc.

**220. Xin cho biết đối tượng nào sẽ được hưởng học bổng chính sách?**

**Trả lời:**

Học bổng chính sách được cấp cho sinh viên thuộc các trường hợp quy định tại Điều 9 Nghị định số 84/2020/NĐ-CP, cụ thể:

- Sinh viên theo chế độ cử tuyển.

- Học sinh trường dự bị đại học, trường phổ thông dân tộc nội trú.

- Học viên cơ sở giáo dục nghề nghiệp dành cho thương binh, người khuyết tật.

**221. Mức hưởng học bổng chính sách của sinh viên cử tuyển, học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú hiện nay là bao nhiêu?**

**Trả lời:**

Khoản 2 Điều 9 Nghị định số 84/2020/NĐ-CP quy định về mức hưởng học bổng chính sách như sau:

- Đối với sinh viên theo chế độ cử tuyển; học sinh trường dự bị đại học, trường phổ thông dân tộc nội trú; học viên cơ sở giáo dục nghề nghiệp dành cho thương binh, người khuyết tật: Mức học bổng bằng 80% mức lương cơ sở/tháng.

- Đối với học viên là thương binh thuộc hộ nghèo học trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp dành cho thương binh, người khuyết tật: Mức học bổng bằng 100% mức lương cơ sở/tháng.

**222. Trường hợp học sinh, sinh viên thuộc diện hưởng học bổng theo nhiều chính sách giáo dục khác nhau thì được hưởng theo chính sách nào?**

**Trả lời:**

Để bảo đảm công bằng trong thực hiện chính sách học bổng cho học sinh, sinh viên, trong đó đặc biệt quan tâm tới đối tượng là người dân tộc thiểu số, hộ nghèo, gia đình chính sách, tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 84/2020/NĐ-CP quy định nguyên tắc hưởng học bổng chính sách như sau:

- Các đối tượng được hưởng chính sách học bổng, bao gồm sinh viên theo chế độ cử tuyển, học sinh trường dự bị đại học, trường phổ thông dân tộc nội trú, học viên cơ sở giáo dục nghề nghiệp dành cho thương binh, người khuyết tật, chỉ được hưởng chế độ học bổng chính sách một lần trong cả quá trình học.

- Trường hợp học sinh, sinh viên, học viên thuộc đối tượng được hưởng nhiều chính sách cùng lúc thì chỉ được hưởng một chính sách cao nhất hoặc học đồng thời nhiều ngành, nhiều cơ sở giáo dục thì chỉ được hưởng chính sách ở một ngành tại một cơ sở giáo dục.

- Học sinh, sinh viên, học viên là đối tượng được hưởng chính sách theo quy định tại Điều này nhưng thuộc đối tượng được hưởng chính sách trợ cấp ưu đãi, trợ cấp xã hội, học bổng khuyến khích học tập thì vẫn được hưởng các chính sách này theo quy định.

- Học sinh, sinh viên, học viên bị kỷ luật buộc thôi học hoặc bị đình chỉ học tập thì không được hưởng các chính sách quy định tại Điều này kể từ thời điểm quyết định kỷ luật có hiệu lực hoặc trong thời gian bị đình chỉ.

**223. Học sinh, sinh viên được miễn, giảm giá vé dịch vụ công cộng như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 84/2020/NĐ-CP, việc miễn,giảm vé dịch vụ công cộng cho học sinh, sinh viên được thực hiện như sau:

1. Đối với dịch vụ công cộng về giao thông:

- Học sinh, sinh viên được giảm giá vé tàu hỏa, xe ô tô buýt.

- Đơn vị tham gia vận tải công cộng phát hành vé giảm giá cho học sinh, sinh viên khi học sinh, sinh viên xuất trình thẻ học sinh, sinh viên.

2. Đối với dịch vụ công cộng về giải trí, tham quan viện bảo tàng, di tích lịch sử, công trình văn hóa:

- Học sinh, sinh viên được giảm giá vé dịch vụ khi trực tiếp sử dụng các dịch vụ gồm: Bảo tàng, di tích lịch sử, thư viện, triển lãm.

- Cơ sở văn hóa, giải trí phát hành vé giảm giá cho học sinh, sinh viên khi học sinh, sinh viên xuất trình thẻ học sinh, sinh viên.

3. Học sinh, sinh viên là người khuyết tật được miễn, giảm giá vé dịch vụ công cộng về giao thông, giải trí, tham quan viện bảo tàng, di tích lịch sử, công trình văn hóa theo quy định tại Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật.

H. Học sinh, sinh viên là người khuyết tật được miễn, giảm giá vé dịch vụ công cộng về giao thông, giải trí, tham quan viện bảo tàng, di tích lịch sử, công trình văn hóa theo quy định tại Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày

**224. Xin cho biết pháp luật quy định như thế nào về nhiệm vụ của người học?**

**Trả lời:**

Điều 82 Luật Giáo dục năm 2019 quy định nhiệm vụ của người học như sau:

- Học tập, rèn luyện theo chương trình, kế hoạch giáo dục, quy tắc ứng xử của cơ sở giáo dục.

- Tôn trọng nhà giáo, cán bộ và người lao động của cơ sở giáo dục; đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong học tập, rèn luyện; thực hiện nội quy, điều lệ, quy chế của cơ sở giáo dục; chấp hành quy định của pháp luật.

- Tham gia lao động và hoạt động xã hội, hoạt động bảo vệ môi trường phù hợp với lứa tuổi, sức khỏe và năng lực.

- Giữ gìn, bảo vệ tài sản của cơ sở giáo dục.

- Góp phần xây dựng, bảo vệ và phát huy truyền thống của cơ sở giáo dục.

**225. Xin cho biết pháp luật quy định như thế nào về quyền của người học?**

**Trả lời:**

Điều 83 Luật Giáo dục năm 2019 quy định các quyền của người học như sau:

- Được giáo dục, học tập để phát triển toàn diện và phát huy tốt nhất tiềm năng của bản thân.

- Được tôn trọng; bình đẳng về cơ hội giáo dục và học tập; được phát triển tài năng, năng khiếu, sáng tạo, phát minh; được cung cấp đầy đủ thông tin về việc học tập, rèn luyện của mình.

- Được học vượt lớp, học rút ngắn thời gian thực hiện chương trình, học ở độ tuổi cao hơn tuổi quy định, học kéo dài thời gian, học lưu ban, được tạo điều kiện để học các chương trình giáo dục theo quy định của pháp luật.

- Được học tập trong môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh.

- Được cấp văn bằng, chứng chỉ, xác nhận sau khi tốt nghiệp cấp học, trình độ đào tạo và hoàn thành chương trình giáo dục theo quy định.

- Được tham gia hoạt động của đoàn thể, tổ chức xã hội trong cơ sở giáo dục theo quy định của pháp luật.

- Được sử dụng cơ sở vật chất, thư viện, trang thiết bị, phương tiện phục vụ các hoạt động học tập, văn hóa, thể dục, thể thao của cơ sở giáo dục.

- Được trực tiếp hoặc thông qua đại diện hợp pháp của mình kiến nghị với cơ sở giáo dục các giải pháp góp phần xây dựng cơ sở giáo dục, bảo vệ quyền, lợi ích của người học.

- Được hưởng chính sách ưu tiên của Nhà nước trong tuyển dụng vào các cơ quan nhà nước nếu tốt nghiệp loại giỏi và có đạo đức tốt.

- Được cử người đại diện tham gia hội đồng trường theo quy định.

**226. Trong lớp đại học có một số bạn đang theo học chế độ cử tuyển. Đề nghị cho biết chế độ cử tuyển được pháp luật quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Điều 87 Luật Giáo dục năm 2019 quy định về chế độ cử tuyển như sau:

- Nhà nước thực hiện tuyển sinh vào trung cấp, cao đẳng, đại học theo chế độ cử tuyển đối với học sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người; học sinh là người dân tộc thiểu số ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn chưa có hoặc có rất ít cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số; có chính sách tạo nguồn cử tuyển, tạo điều kiện thuận lợi để các đối tượng này vào học trường phổ thông dân tộc nội trú và tăng thời gian học dự bị đại học.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào nhu cầu của địa phương đề xuất, phân bổ chỉ tiêu cử tuyển; cử người đi học theo tiêu chuẩn, chỉ tiêu được duyệt; xét tuyển và bố trí việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.

- Cơ sở giáo dục có trách nhiệm hỗ trợ cho người học theo chế độ cử tuyển để bảo đảm chất lượng đầu ra.

- Người học theo chế độ cử tuyển có trách nhiệm trở về làm việc tại địa phương nơi cử đi học; được xét tuyển và bố trí việc làm.

**227. Xin cho biết, Luật Giáo dục năm 2019 quy định như thế nào về trách nhiệm của gia đình?**

**Trả lời:**

Trách nhiệm của gia đình trong giáo dục được quy định tại Điều 90 Luật Giáo dục năm 2019, cụ thể như sau:

- Cha mẹ hoặc người giám hộ có trách nhiệm nuôi dưỡng, giáo dục và chăm sóc, tạo điều kiện cho con hoặc người được giám hộ được học tập, thực hiện phổ cập giáo dục, hoàn thành giáo dục bắt buộc, rèn luyện, tham gia các hoạt động của nhà trường; tôn trọng nhà giáo, không được xúc phạm nhân phẩm, danh dự, xâm phạm thân thể nhà giáo.

- Các thành viên trong gia đình có trách nhiệm xây dựng gia đình văn hóa, tạo môi trường thuận lợi cho việc phát triển toàn diện về đức, trí, thể, mỹ của con em; người lớn tuổi có trách nhiệm giáo dục, làm gương cho con em, cùng nhà trường nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục.

**228. Xin cho biết cha mẹ hoặc người giám hộ của học sinh có những trách nhiệm gì?**

**Trả lời:**

Điều 91 Luật Giáo dục năm 2019 quy định cha mẹ hoặc người giám hộ của học sinh có trách nhiệm như sau:

- Tiếp nhận thông tin về kết quả học tập, rèn luyện của con hoặc người được giám hộ.

- Tham gia hoạt động giáo dục theo kế hoạch của nhà trường; tham gia hoạt động của ban đại diện cha mẹ học sinh trong nhà trường.

- Phối hợp với nhà trường, cơ quan quản lý giáo dục giải quyết các vấn đề có liên quan đến việc giáo dục con hoặc người được giám hộ theo quy định.

**229. Năm nay con chị V đủ tuổi vào lớp 1, gia đình chị đã nộp hồ sơ cho con vào trường tiểu học công lập và đã được trường tiếp nhận. Xin cho biết, việc nộp học phí trong trường hợp này thực hiện theo quy định nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 99 Luật Giáo dục năm 2019, học phí là khoản tiền người học phải nộp để chi trả một phần hoặc toàn bộ chi phí của dịch vụ giáo dục, đào tạo. Mức học phí được xác định theo lộ trình bảo đảm chi phí dịch vụ giáo dục, đào tạo do Chính phủ quy định; đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học thực hiện theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp và Luật Giáo dục đại học.

Học sinh tiểu học trong cơ sở giáo dục công lập không phải đóng học phí; ở địa bàn không đủ trường công lập, học sinh tiểu học trong cơ sở giáo dục tư thục được Nhà nước hỗ trợ tiền đóng học phí, mức hỗ trợ do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.

Như vậy, căn cứ theo quy định tại Điều 99 Luật Giáo dục năm 2019 nêu trên, trong trường hợp này, con chị V đã được trường tiểu học K là cơ sở công lập tiếp nhận nên không phải đóng học phí.

**20 câu hỏi pháp luật quy định về việc làm (7.II)**

**230. Việc hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp, việc làm cho người lao động ở khu vực nông thôn được thực hiện như thế nào theo pháp luật hiện hành?**

Nhằm tạo điều kiện để người lao động ở khu vực nông thôn- khu vực có điều kiện kinh tế phát triển kém hơn khu vực đô thị thuận lợi hơn trong việc tìm kiếm việc làm, hướng đến phát triển thị trường lao động phù hợp với định hướng phát triển kinh tế- xã hội. Điều 15 Luật Việc làm năm 2013 quy định về việc hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp, việc làm cho người lao động ở khu vực nông thôn như sau:

- Căn cứ chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội, Nhà nước hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp, việc làm cho người lao động ở khu vực nông thôn.

- Người lao động ở khu vực nông thôn tham gia chuyển đổi nghề nghiệp, việc làm được hưởng các chế độ sau đây:

+ Hỗ trợ học nghề;

+ Tư vấn miễn phí về chính sách, pháp luật về lao động, việc làm, học nghề;

+ Giới thiệu việc làm miễn phí;

+ Vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm theo quy định.

**231. H vừa tốt nghiệp trung học phổ thông. Vì hoàn cảnh gia đình khó khăn nên H không có điều kiện để học tiếp và ở nhà tham gia lao động giúp đỡ bố mẹ. Vừa qua, được biết huyện có chủ trương hỗ trợ tổ chức các lớp dạy nghề ngắn hạn cho lao động nông thôn. H đã đăng ký tham gia. Xin hỏi, pháp luật có quy định về chính sách hỗ trợ đối với lao động nông thôn tham gia học nghề ngắn hạn không?**

Điều 16 Luật Việc làm năm 2013 quy định: Người lao động ở khu vực nông thôn học nghề dưới 03 tháng hoặc học nghề trình độ sơ cấp ở cơ sở đào tạo nghề được hỗ trợ chi phí học nghề theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

Quyết định 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng cụ thể như sau: Người học là phụ nữ, lao động nông thôn, người khuyết tật được hỗ trợ chi phí đào tạo, tiền ăn, tiền đi lại khi tham gia học các chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng. Mức hỗ trợ tối đa là 02 triệu đồng/người/khóa học (Khoản 5 Điều 4).

Ngoài ra,quyết định 46/2015/QĐ-TTg cũng quy định các Bộ, ngành, địa phương, cơ sở đào tạo tùy điều kiện và khả năng, huy động thêm các nguồn kinh phí khác để hỗ trợ thêm tiền ăn, tiền đi lại cho người học trong thời gian đào tạo.

**232. S là người dân tộc thiểu số, S dự định đăng ký tham gia lớp học nghề sơ cấp về cơ khí. S muốn biết mình có thuộc diện được hưởng chính sách hỗ trợ khi đăng ký tham gia học nghề không? Mức hỗ trợ cụ thể như thế nào?**

Theo Điều 2 của Quyết định 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015, người học là phụ nữ, lao động nông thôn, người khuyết tật được hưởng chính sách hỗ trợ bao gồm chi phí đào tạo, tiền ăn, tiền đi lại khi tham gia học các chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng, trong đó ưu tiên các đối tượng:

- Người khuyết tật

- Các đối tượng là người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng

- Người dân tộc thiểu số

- Người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo;

- Người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp, đất kinh doanh,

- Lao động nữ bị mất việc làm,

- Ngư dân.

S là người dân tộc thiểu số, do đó, S thuộc diện được hưởng chính sách hỗ trợ khi tham học các chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng. Mức hỗ trợ cụ thể đối với người dân tộc thiểu số cụ thể như sau:

- Mức hỗ trợ chi phí đào tạo:

+ Người thuộc hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo: Mức tối đa 04 triệu đồng/người/khóa học.

+ Người dân tộc thiểu số: Mức tối đa 03 triệu đồng/người/khóa học.

Trường hợp người học đồng thời thuộc các đối tượng nêu trên thì chỉ được hưởng một mức hỗ trợ chi phí đào tạo cao nhất.

- Mức hỗ trợ tiền ăn 30.000 đồng/người/ngày thực học.

- Mức hỗ trợ tiền đi lại 200.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15 km trở lên. Riêng đối với người học cư trú ở xã, thôn, bản thuộc vùng khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ: Mức hỗ trợ tiền đi lại 300.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 5 km trở lên.

**233. P là người khuyết tật, đồng thời thuộc diện hộ nghèo. Đề nghị cho biết, P được hưởng chính sách hỗ trợ như thế nào khi tham gia các chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng?**

Người khuyết tật là một trong những đối tượng được ưu tiên hỗ trợ chính sách khi tham gia các chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng theo Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg. Cụ thể mức hỗ trợ chi phí đào tạo đối với đối tượng này được quy định tại Điều 4 Quyết định 46/2015/QĐ-TTg như sau:

- Đối với người khuyết tật: Tối đa 06 triệu đồng/người/khóa học.

- Đối với người thuộc hộ nghèo ở các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ: Tối đa 04 triệu đồng/người/khóa học.

- Đối với người thuộc hộ nghèo còn lại: Tối đa 03 triệu đồng/người/khóa học.

Khoản 7 Điều 4 Quyết định này cũng quy định trường hợp người học đồng thời thuộc các đối tượng nêu trên chỉ được hưởng một mức hỗ trợ chi phí đào tạo cao nhất. P vừa thuộc đối tượng người khuyết tật, vừa là người thuộc hộ nghèo. Do đó, mức chi phí đào tạo P được hưởng khi tham gia học nghề trình độ sơ cấp tối đa là 6 triệu đồng/khóa học.

Ngoài ra, theo quy định tại Điều 5 Quyết định 46/2015/QĐ-TTg, P còn được hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại cụ thể:

* Mức hỗ trợ tiền ăn: 300.000 đồng/ngày.
* Mức hỗ trợ tiền đi lại: 200.000 đồng/ngày.

**234. Tôi thuộc diện được hưởng chính sách hỗ trợ khi** **tham gia đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng. Xin hỏi, tôi sẽ được nhận các chế độ hỗ trợ qua hình thức nào?**

Theo Điều 8 Quyết định 46/2015/QĐ-TTg, để được hưởng chế độ hỗ trợ khi tham gia đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng, người học làm đơn đăng ký học nghề gửi tới cơ sở đào tạo đủ điều kiện hoạt động giáo dục nghề nghiệp do mình lựa chọn.

Cơ sở đào tạo căn cứ kinh phí thực hiện nhiệm vụ đào tạo, hợp đồng đặt hàng được giao và số lượng người học thuộc đối tượng được hỗ trợ đào tạo theo quy định, tổ chức đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng cho người học và thanh toán tiền ăn, tiền đi lại cho người học thuộc đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ ngay trong thời gian đào tạo.

Cơ sở đào tạo quyết toán kinh phí hỗ trợ đào tạo với cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng trên cơ sở khối lượng và kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao hoặc theo hợp đồng đặt hàng đào tạo.

**235. Cơ sở đào tạo có trách nhiệm gì trong thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng cho lao động ở nông thôn?**

Điều 11 Quyết định 46/2015/QĐ-TTg quy định trách nhiệm của cơ sở đào tạo trong thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng như sau:

- Tổ chức tuyển sinh, đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng cho người học theo hợp đồng đặt hàng, nhiệm vụ đào tạo được giao theo đúng quy định về giáo dục nghề nghiệp.

- Bố trí thời gian, địa điểm, tiến độ đào tạo linh hoạt phù hợp với nghề đào tạo, quy trình sản xuất, chu trình sinh trưởng của cây trồng vật nuôi và điều kiện của người học.

- Thực hiện đúng, đầy đủ, kịp thời việc hỗ trợ đào tạo đối với người học theo quy định.

- Quản lý và chịu trách nhiệm về việc sử dụng kinh phí đặt hàng, giao nhiệm vụ đào tạo theo quy định của pháp luật.

- Báo cáo kết quả, hiệu quả đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo với cơ quan giao nhiệm vụ hoặc đặt

**236. Gia đình ông T sinh sống chủ yếu bằng nghề trồng lúa. Vừa rồi, để phục vụ dự án xây dựng khu công nghiệp của địa phương, gia đình ông T bị thu hồi 1000m2 đất trồng lúa và được bồi thường bằng tiền đối với diện tích đất bị thu hồi. Ông T được biết, khi thu hồi đất mà được bồi thường bằng tiền, người thu hồi đất còn có thể được hưởng các chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, chuyển đổi nghề và giải quyết việc làm. Đề nghị cho biết những đối tượng nào được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp?**

Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất quy định về hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp như sau:

- Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp thuộc các trường hợp sau đây (trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân là cán bộ, công nhân viên của nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp) khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà được bồi thường bằng tiền thì ngoài việc được bồi thường bằng tiền đối với diện tích đất nông nghiệp thu hồi còn được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:

+ Hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất nông nghiệp khi thực hiện Nghị định số 64/CP ngày 27 tháng 9 năm 1993 của Chính phủ ban hành Bản quy định về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp; Nghị định số 85/1999/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 1999 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Bản quy định về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp và bổ sung việc giao đất làm muối cho hộ gia đình và cá nhân sử dụng ổn định lâu dài; giao đất lâm nghiệp khi thực hiện Nghị định số 02/CP ngày 15 tháng 01 năm 1994 của Chính phủ ban hành Bản quy định về việc giao đất lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp; Nghị định số 163/1999/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 1999 của Chính phủ về việc giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình và cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp; Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

+ Nhân khẩu nông nghiệp trong hộ gia đình thuộc đối tượng trên nhưng phát sinh sau thời điểm giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình đó;

+ Hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng đủ điều kiện được giao đất nông nghiệp theo quy định trên nhưng chưa được giao đất nông nghiệp và đang sử dụng đất nông nghiệp do nhận chuyển nhượng, nhận thừa kế, được tặng cho, khai hoang theo quy định của pháp luật, được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi xác nhận là đang trực tiếp sản xuất trên đất nông nghiệp đó;

+ Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận giao khoán đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản (không bao gồm đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ) của các nông, lâm trường quốc doanh khi Nhà nước thu hồi mà thuộc đối tượng là cán bộ, công nhân viên của nông, lâm trường quốc doanh đang làm việc hoặc đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp đang trực tiếp sản xuất nông, lâm nghiệp; hộ gia đình, cá nhân nhận khoán đang trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp trên đất đó.

- Mức hỗ trợ bằng tiền không quá 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của địa phương đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp thu hồi; diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương.

Ngoài ra, theo Quyết định 63/2015/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 về chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động thu hồi đất, người lao động bị thu hồi đất khi có nhu cầu đào tạo nghề, giải quyết việc làm và trong độ tuổi lao động còn được hỗ trợ đào tạo nghề, giải quyết việc làm (Điều 3). Người lao động bị thu hồi đất được hưởng chính sách hỗ trợ trong thời hạn 5 năm kể từ ngày có Quyết định thu hồi đất (Điều 4).

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ cơ chế, chính sách giải quyết việc làm đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định, chỉ đạo việc lập và tổ chức thực hiện phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho người trong độ tuổi lao động tại địa phương. Phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm được lập và phê duyệt đồng thời với phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Trong quá trình lập phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm phải lấy ý kiến của người thu hồi đất.

**237. Đề nghị cho biết, người lao động bị thu hồi đất khi đủ điều kiện được hưởng các chính sách hỗ trợ về đào tạo nghề gì?**

Điều 5 Quyết định 63/2015/QĐ-TTg, người lao động bị thu hồi đất tham gia đào tạo nghề được hỗ trợ một lần như sau:

- Đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng theo quy định tại Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg, cụ thể như sau:

+ Mức hỗ trợ chi phí đào tạo tối đa 03 triệu đồng/người/khóa học.

+ Mức hỗ trợ tiền ăn 30.000 đồng/người/ngày thực học.

+ Mức hỗ trợ tiền đi lại 200.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15 km trở lên.

- Đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng: Được hỗ trợ học phí cho một khóa học.

Mức học phí được hỗ trợ bằng mức thu học phí thực tế của cơ sở giáo dục nghề nghiệp nhưng tối đa không quá mức trần học phí đối với cơ sở giáo dục công lập theo quy định của pháp luật.

Kinh phí hỗ trợ được bố trí từ kinh phí đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm trong phương án đào tạo, chuyển đổi nghề, hỗ trợ tìm kiếm việc làm và được tính trong tổng kinh phí của dự án đầu tư hoặc phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư được duyệt;

- Vay vốn theo quy định của chính sách tín dụng đối với học sinh, sinh viên.

**238. T là bộ đội sắp xuất ngũ, T dự định sau khi xuất ngũ sẽ trở lại trường học để học nghề. Đề nghị cho biết T có được hưởng chính sách hỗ trợ của Nhà nước khi tham gia học nghề không?**

Theo quy định tại [Điều 14 Nghị định 61/2015/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/lao-dong-tien-luong/nghi-dinh-61-2015-nd-cp-chinh-sach-ho-tro-tao-viec-lam-quy-quoc-gia-ve-viec-lam-281864.aspx) thì các đối tượng được hỗ trợ đào tạo nghề bao gồm:

Thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, thanh niên tình nguyện hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội được hỗ trợ đào tạo nghề khi đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 15 Nghị định này.

Điều 15 Nghị định 61/2015/NĐ-CP quy định về điều kiện hỗ trợ đào tạo nghề như sau:

- Có nhu cầu đào tạo nghề trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an; hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội;

- Chưa được hỗ trợ đào tạo nghề từ chính sách hỗ trợ đào tạo nghề khác có sử dụng nguồn kinh phí của ngân sách nhà nước kể từ ngày hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an; hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội.

*Như vậy:*

- Nếu có nhu cầu học nghề trình độ trung cấp, cao đẳng: Được miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo quy định của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục nghề nghiệp và các văn bản hướng dẫn; Và được vay vốn để tham gia đào tạo nghề trình độ trung cấp, cao đẳng theo quy định của chính sách tín dụng đối với học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn.

- Nếu có nhu cầu học nghề trình độ sơ cấp: Được cấp thẻ đào tạo nghề có giá trị tối đa bằng 12 tháng tiền lương cơ sở tại thời điểm đào tạo nghề và có giá trị sử dụng trong 01 năm kể từ ngày cấp.

**239. Đề nghị cho biết, Chính sách hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp cho thanh niên gồm những nội dung gì và mức hỗ trợ cụ thể như thế nào?**

Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 43/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho các đối tượng quy định tại Điều 14 Nghị định số 61/2015/NĐ-CP quy định mức nội dung và mức hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp cho thanh niên như sau:

- Thanh niên có nhu cầu đào tạo nghề trình độ sơ cấp đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Điều 15 Nghị định số 61/2015/NĐ-CP mà được cơ quan có thẩm quyền cấp thẻ đào tạo nghề (sau đây gọi là Thẻ) thì được các cơ sở giáo dục nghề nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư này tiếp nhận, tổ chức đào tạo nghề trình độ sơ cấp và chi hỗ trợ các nội dung sau:

- Chi hỗ trợ đào tạo quy định tại Điều 10 Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng;

- Chi hỗ trợ tiền ăn, đi lại quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 7 Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng.

Ưu tiên các nội dung chi hỗ trợ đào tạo trong giá trị tối đa của Thẻ, giá trị còn lại của Thẻ (nếu có) chi hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại.

b) Trường hợp tổng chi hỗ trợ đào tạo và chi hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại vượt quá giá trị tối đa của Thẻ thì người học tự chi trả phần kinh phí chênh lệch cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Trường hợp tổng chi hỗ trợ đào tạo và chi hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại thấp hơn giá trị tối đa của Thẻ thì ngân sách nhà nước quyết toán số chi thực tế.

c) Trong thời gian đào tạo nghề, nếu thanh niên thôi học (không tiếp tục học cho đến khi tốt nghiệp) thì cơ sở giáo dục nghề nghiệp lập biên bản hoặc ban hành quyết định và được quyết toán chi phí hỗ trợ đào tạo và hỗ trợ tiền ăn kể từ ngày khai giảng đến ngày thanh niên đó thôi học.

**240. Y Bối, là người dân tộc Xê đăng. Y Bối có dự định đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Đề nghị cho biết, Nhà nước có hỗ trợ đào tạo nghề hoặc hỗ trợ nào khác không cho người dân tộc thiểu số?**

Điều 10 Nghị định số 61/2015/NĐ-CP 9/7/2015 của Chính phủ về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm quy định người lao động là người dân tộc thiểu số; người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo hoặc hộ bị thu hồi đất nông nghiệp; thân nhân của người có công với cách mạng có nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng được hỗ trợ, như sau:

- Hỗ trợ đào tạo nghề, ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức cần thiết gồm:

+ Học phí đào tạo nghề, ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức cần thiết;

+ Tiền ăn trong thời gian thực tế học;

+ Chi phí đi lại (01 lượt đi và về) từ nơi cư trú đến địa điểm đào tạo từ 15 km trở lên hoặc từ 10 km trở lên đối với người lao động cư trú hợp pháp tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Riêng người lao động thuộc các huyện nghèo được hỗ trợ thêm tiền ở và đồ dùng cá nhân thiết yếu.

- Hỗ trợ chi phí làm thủ tục hộ chiếu, thị thực, khám sức khoẻ, lý lịch tư pháp trước khi đi làm việc ở nước ngoài theo quy định của pháp luật.

- Hỗ trợ giải quyết rủi ro trong thời gian làm việc ở nước ngoài theo quy định của pháp luật.

- Hỗ trợ chi phí đào tạo, nâng cao trình độ tay nghề trong trường hợp nước tiếp nhận yêu cầu.

Căn cứ quy định của pháp luật nêu trên, ngoài việc được hỗ trợ đào tạo nghề, chị Y Bối còn được hỗ trợ đào tạo ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức cần thiết; hỗ trợ chi phí làm thủ tục hộ chiếu, thị thực, khám sức khoẻ, lý lịch tư pháp; hỗ trợ giải quyết rủi ro trong thời gian làm việc ở nước ngoài; chi phí đào tạo, nâng cao trình độ tay nghề trong trường hợp nước tiếp nhận yêu cầu.

**241. S vừa tốt nghiệp cao đẳng và có nhu cầu đi xuất khấu lao động tại Nhật. Nhưng do gia đình cũng khó khăn, S nghe nói Nhà nước hỗ trợ cho người lao động đi xuất khẩu lao động vay vốn. Vậy số tiền được vay là bao nhiêu? Và lãi suất như thế nào?**

Theo [Điều 26 Nghị định 61/2015/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bao-hiem/nghi-dinh-28-2020-nd-cp-xu-phat-vi-pham-hanh-chinh-lao-dong-bao-hiem-377300.aspx) quy định mức vay mà Nhà nước hỗ trợ người lao động đi làm việc theo hợp đồng, cụ thể như sau:

"Mức vay tối đa 100% chi phí đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng ký kết giữa người lao động và doanh nghiệp dịch vụ, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng."

Bên cạnh đó, tại Khoản 1 [Điều 39 Nghị định 61/2015/NĐ-CP](https://thukyluat.vn/vb/luat-trong-trot-2018-521e3.html) quy định về lãi xuất vay vốn là:

" Lãi suất vay vốn ưu đãi đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng bằng lãi suất vay vốn đối với hộ nghèo theo từng thời kỳ do Chính phủ quy định."

Lãi suất vay vốn đối với hộ nghèo cụ thể như sau:

"Lãi suất cho vay ưu đãi đối với hộ cận nghèo bằng 120% lãi suất cho vay đối với hộ nghèo quy định trong từng thời kỳ."

***Như vậy, S sẽ được hỗ trợ vay vốn tối đa 100% chi phí đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng đã ký giữa S và doanh nghiệp dịch vụ đưa S đi làm việc ở nước ngoài và lãi suất bằng 120%.***

**242. Chị C đang làm hồ sơ vay vốn ưu đãi đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Chị C muốn biết sau thời hạn bao lâu thì phải trả khoản vay đó cho Ngân hàng?**

Điều 38 Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm quy định thời hạn vay vốn hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, như sau:

Thời hạn vay vốn hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng không vượt quá thời hạn làm việc ở nước ngoài của người lao động ghi trong hợp đồng ký kết giữa người lao động và doanh nghiệp dịch vụ, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

Với quy định của pháp luật nêu trên, chị C phải trả khoản vốn đã vay cho Ngân hàng trong khoảng thời gian không vượt quá thời hạn làm việc ở nước ngoài của người lao động ghi trong hợp đồng ký kết giữa người lao động và doanh nghiệp dịch vụ, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

**243. Chị B vừa mới tốt nghiệp Đại học Kinh tế. Chị Bình nghe Nhà nước đang có chính sách hỗ trợ thanh niên lập nghiệp. Chị có thuộc đối tượng được hỗ trợ không?**

Điều 18 Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm quy định về hỗ trợ thanh niên lập nghiệp như sau:

- Đối tượng hỗ trợ:

+ Học sinh các trường trung học phổ thông;

+ Thanh niên đang học tại cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

+ Thanh niên đã tốt nghiệp cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Nội dung hỗ trợ:

+ Định hướng nghề nghiệp;

+ Cung cấp thông tin về việc làm, nghề nghiệp;

+ Đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng tìm việc và làm việc;

+ Tham gia chương trình thực tập làm việc tại doanh nghiệp, tổ chức;

+ Cho vay ưu đãi từ Quỹ quốc gia về việc làm theo quy định của pháp luật.

Với quy định của pháp luật nêu trên, chị B thuộc đối tượng được hỗ trợ thanh niên lập nghiệp. Chị B có thể tham khảo quy định trên để nắm các nội dung hỗ trợ đối với chính sách dành cho thanh niên lập nghiệp.

**244. Tôi đang hưởng trợ cấp thất nghiệp. Vừa qua, tôi làm đơn đề nghị hỗ trợ học nghề gửi Trung tâm dịch vụ việc làm nhưng không được tiếp nhận. Theo hướng dẫn của Trung tâm, tôi phải nộp hồ sơ học nghề cho cơ sở đào tạo nghề, đóng học phí và lấy biên lai thu tiền học phí kèm lịch học cụ thể đem nộp chung với đơn đề nghị hỗ trợ học nghề. Khi hồ sơ đầy đủ trung tâm dịch vụ việc làm mới đủ cơ sở để xem xét hồ sơ, tham mưu Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành quyết định hỗ trợ học nghề theo quy định và sẽ trả lại số tiền hỗ trợ học nghề cho tôi. Tôi xin hỏi, Trung tâm dịch vụ việc làm hướng dẫn như vậy có đúng không?**

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 55 Luật Việc làm thì người lao động theo quy định tại Khoản 1 Điều 43 Luật Việc làm đang đóng bảo hiểm thất nghiệp được hỗ trợ học nghề khi có đủ điều kiện sau:

- Chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc trừ các trường hợp sau đây: người lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc trái pháp luật; hưởng lương hưu, trợ cấp mất sức lao động hằng tháng.

- Đã nộp hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp tại trung tâm dịch vụ việc làm theo quy định.

- Chưa tìm được việc làm sau 15 ngày, kể từ ngày nộp hồ sơ hưởng bảo hiểm thất nghiệp, trừ các trường hợp sau đây: thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an; đi học tập có thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên; chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc; bị tạm giam, chấp hành hình phạt tù; ra nước ngoài định cư, đi lao động ở nước ngoài theo hợp đồng; chết.

- Đã đóng bảo hiểm thất nghiệp từ đủ 9 tháng trở lên trong thời gian 24 tháng trước khi chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc theo quy định của pháp luật.

Theo quy định tại Khoản 1, Điều 24 [Nghị định số 28/2015/NĐ-CP](https://thukyluat.vn/vb/nghi-dinh-55-2018-nd-cp-xu-phat-vi-pham-hanh-chinh-trong-linh-vuc-phan-bon-5619c.html) ngày 12/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp thì hồ sơ đề nghị hỗ trợ học nghề đối với người đang hưởng trợ cấp thất nghiệp là đề nghị hỗ trợ học nghề.

Khoản 1, Điều 11 và Khoản 1, 2, 3 Điều 12 [Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/The-thao-Y-te/Nghi-dinh-146-2018-ND-CP-huong-dan-Luat-bao-hiem-y-te-357505.aspx) ngày 31/7/2015 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn, người lao động đang hưởng trợ cấp thất nghiệp có nhu cầu học nghề thì phải nộp 1 bộ hồ sơ đề nghị hỗ trợ học nghề cho trung tâm dịch vụ việc làm nơi người lao động đang hưởng trợ cấp thất nghiệp.

Trung tâm dịch vụ việc làm có trách nhiệm xem xét hồ sơ đề nghị hỗ trợ học nghề của người lao động để xác định cụ thể nghề, thời gian học nghề, thời điểm bắt đầu học nghề, mức hỗ trợ học nghề, cơ sở đào tạo nghề để trình Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội quyết định về việc hỗ trợ học nghề cho người lao động.

Sau thời hạn 2 ngày làm việc kể từ ngày ghi trong phiếu hẹn trả kết quả, nếu người lao động không đến nhận quyết định về việc hỗ trợ học nghề thì được coi là không có nhu cầu hỗ trợ học nghề trừ trường hợp quy định tại Khoản 3, Điều 12 Thông tư này.

Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày người lao động không đến nhận quyết định về việc hỗ trợ học nghề theo quy định, trung tâm dịch vụ việc làm trình Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội quyết định về việc hủy quyết định hỗ trợ học nghề của người lao động.

Người lao động vẫn được nhận hoặc ủy quyền cho người khác nhận quyết định hỗ trợ học nghề trong thời hạn 2 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nhận quyết định hỗ trợ học nghề nếu thuộc một trong các trường hợp sau: ốm đau, thai sản có xác nhận của cơ sở y tế có thẩm quyền; bị tai nạn có xác nhận của cảnh sát giao thông hoặc cơ sở y tế có thẩm quyền; bị hỏa hoạn, lũ lụt, động đất, sóng thần, địch họa, dịch bệnh có xác nhận của Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn.

Như vậy, nếu người lao động đáp ứng đủ điều kiện hỗ trợ học nghề thì được hưởng hỗ trợ học nghề và quy trình hỗ trợ học nghề được thực hiện theo các quy định nêu trên.

**245. T đang được hưởng trợ cấp thất nghiệp theo quy định nhưng khi có việc làm mới T không thông báo cho trung tâm dịch vụ việc làm. Xin hỏi, T sẽ bị xử phạt như thế nào?**

Căn cứ theo [Điều 39 Nghị định 28/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tien-te-ngan-hang/quyet-dinh-1826-qd-ttg-2013-dieu-chinh-giam-lai-suat-cho-vay-chuong-trinh-tin-dung-chinh-sach-209580.aspx) quy định vi phạm quy định về lập hồ sơ để hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp như sau:

- Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với người lao động có một trong các hành vi vi phạm sau đây:

+ Kê khai không đúng sự thật hoặc sửa chữa, tẩy xóa làm sai sự thật những nội dung có liên quan đến việc hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

+ Không thông báo với Trung tâm dịch vụ việc làm theo quy định khi người lao động có việc làm trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nộp hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp;

+ Người đang hưởng trợ cấp thất nghiệp không thông báo theo quy định với Trung tâm dịch vụ việc làm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có việc làm; thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an; hưởng lương hưu hằng tháng; đi học tập có thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên.

- Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với người sử dụng lao động có hành vi làm giả, làm sai lệch nội dung hồ sơ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp để trục lợi chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự đối với mỗi hồ sơ hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp làm giả, làm sai lệch nội dung.

- Biện pháp khắc phục hậu quả

Buộc nộp lại cho tổ chức bảo hiểm xã hội số tiền bảo hiểm xã hội, trợ cấp thất nghiệp đã nhận do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, 2 Điều này.

Như vậy trường hợp T đã có việc làm mới mà không thông báo cho trung tâm dịch vụ việc làm thì sẽ bị phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng. Ngoài ra buộc nộp lại số tiền trợ cấp thất nghiệp đã nhận được trong thời gian đã có việc làm.

**246. A nhận quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp từ tháng 7/2020, nhưng vì bận việc cá nhân nên đến tháng 11/2020, A vẫn chưa đi nhận tiền trợ cấp thất nghiệp được vì tôi có việc bận. A có được bảo lưu thời gian đã đóng bảo hiểm thất nghiệp không?**

Khoản 6 [Điều 18 Nghị định 28/2015/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bao-hiem/Nghi-dinh-28-2015-ND-CP-huong-dan-Luat-Viec-lam-va-bao-hiem-that-nghiep-268405.aspx) có quy định như sau:

Sau thời hạn 03 tháng kể từ ngày người lao động hết thời hạn hưởng trợ cấp thất nghiệp theo quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp nhưng người lao động không đến nhận tiền trợ cấp thất nghiệp và không thông báo bằng văn bản với tổ chức bảo hiểm xã hội nơi đang hưởng trợ cấp thất nghiệp thì người lao động đó được xác định là không có nhu cầu hưởng trợ cấp thất nghiệp. Thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp tương ứng với số tiền trợ cấp thất nghiệp mà người lao động không đến nhận được bảo lưu làm căn cứ để tính thời gian hưởng trợ cấp thất nghiệp cho lần hưởng trợ cấp thất nghiệp tiếp theo khi đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp theo quy định.

A nhận quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp từ tháng 8/2020, đến 8/2020 vẫn chưa đi nhận tiền trợ cấp thất nghiệp. Tức là đã quá 03 tháng kể từ ngày nhận quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp, bạn không đi nhận tiền và cũng không có thông báo đến cơ quan bảo hiểm xã hội nên được xác định là không có nhu cầu hưởng trợ cấp thất nghiệp.

Như vậy thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp tương ứng với số tiền trợ cấp thất nghiệp mà A không đến nhận sẽ được bảo lưu. Thời gian này được bảo lưu làm căn cứ để tính thời gian hưởng trợ cấp thất nghiệp cho lần hưởng trợ cấp thất nghiệp tiếp theo khi đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp theo quy định.

**247. Chị H làm việc và đóng bảo hiểm xã hội tại Công ty A từ ngày 20/08/2015. Ngày 01/08/20120, chị H bị ốm và phải nghỉ việc đi chữa bệnh. Đến ngày 20/08/2020, chị H hết hạn hợp đồng lao động và bị công ty thanh lý hợp đồng. Sổ bảo hiểm xã hội của chị H ghi thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp được tính từ ngày 20/08/2015 đến hết ngày 01/08/2020. Hiện tại, do vẫn đang trong thời gian chữa bệnh nên chị H chưa tìm được việc làm. Chị H có được hưởng bảo hiểm thất nghiệp không? Chị có thể nhờ người nhà nộp hồ sơ xin hưởng bảo hiểm thất nghiệp được không?**

  Căn cứ Khoản 2 [Điều 12 Nghị định 28/2015/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/The-thao-Y-te/Nghi-dinh-146-2018-ND-CP-huong-dan-Luat-bao-hiem-y-te-357505.aspx) theo đó chị H chấm dứt hợp đồng lao động từ ngày 20/08/2020; tổng thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp của bạn là từ 20/08/2015 đên hết 20/08/2020 là 48 tháng; hiện tại chị H vẫn đang chữa bệnh nên chưa tìm được việc làm mới do vậy chị H thuộc trường hợp được hưởng bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp này để hưởng trợ cấp thất nghiệp hàng tháng, trước tiên chị H phải nộp hồ sơ đề nghị hưởng tại Trung tâm Dịch vụ việc làm thuộc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày 20/08/2020. Chị H sẽ được xét hưởng trợ cấp thất nghiệp hàng tháng nếu bạn đã nộp hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp và chưa tìm được việc làm sau 15 ngày nộp hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp theo quy định trừ một số trường hợp theo quy định.

Căn cứ Khoản 2 Điều 17 Nghị định 28/2015/NĐ-CP thì trường hợp chị H đang bị ốm phải nằm viện điều trị mà có nhu cầu hưởng bảo hiểm thất nghiệp thì có thể ủy quyền cho người khác nộp hồ sơ hoặc gửi hồ sơ theo đường bưu điện đến Trung tâm Dịch vụ việc làm thuộc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội nơi bạǹ muốn hưởng trợ cấp thất nghiệp.

**248. M vừa nghỉ việc ở công ty và muốn về quê trong một thời gian. Xin hỏi, M phải nộp hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp ở nơi M làm việc hay ở quê?**

[Điều 17 Nghị định 28/2015/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bao-hiem/nghi-dinh-28-2015-nd-cp-huong-dan-luat-viec-lam-va-bao-hiem-that-nghiep-268405.aspx) hướng dẫn Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp quy định về việc nộp hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp như sau:

1. Trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc, người lao động chưa có việc làm và có nhu cầu hưởng trợ cấp thất nghiệp phải trực tiếp nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp theo đúng quy định tại Điều 16 của Nghị định này cho trung tâm dịch vụ việc làm tại địa phương nơi người lao động muốn nhận trợ cấp thất nghiệp.

2. Người lao động được ủy quyền cho người khác nộp hồ sơ hoặc gửi hồ sơ theo đường bưu điện nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Ốm đau, thai sản có xác nhận của cơ sở y tế có thẩm quyền;

b) Bị tai nạn có xác nhận của cảnh sát giao thông hoặc cơ sở y tế có thẩm quyền;

c) Hỏa hoạn, lũ lụt, động đất, sóng thần, địch họa, dịch bệnh có xác nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

Ngày nộp hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp trong các trường hợp nêu trên là ngày người được ủy quyền trực tiếp nộp hồ sơ hoặc ngày ghi trên dấu bưu điện đối với trường hợp gửi theo đường bưu điện.

3. Trung tâm dịch vụ việc làm có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, ghi phiếu hẹn trả kết quả theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định và trao phiếu trực tiếp cho người nộp hồ sơ hoặc gửi qua đường bưu điện đối với người nộp hồ sơ qua đường bưu điện; trường hợp hồ sơ không đúng theo quy định tại Điều 16 Nghị định này thì trả lại người nộp và nêu rõ lý do.

Như vậy, theo quy định này thì pháp luật không ràng buộc việc nộp hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp phải được thực hiện tại nơi người lao động làm việc mà người lao động có quyền lựa chọn, có nghĩa là khi muốn hưởng trợ cấp thất nghiệp ở địa phương nào thì sẽ nộp hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp tại trung tâm dịch vụ việc làm địa phương đó. Theo đó, M có thể về quê để làm thủ tục này.

**249. Điều kiện được hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động được quy định như thế nào?**

Theo quy định tại [Điều 3 Nghị định 28/2015/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/The-thao-Y-te/Nghi-dinh-146-2018-ND-CP-huong-dan-Luat-bao-hiem-y-te-357505.aspx) hướng dẫn Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp thì điều kiện được hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động được quy định cụ thể như sau:

Người sử dụng lao động được hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động quy định tại Khoản 1 Điều 47 Luật Việc làm khi có đủ các điều kiện sau:

- Đóng đủ bảo hiểm thất nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 44 Luật Việc làm liên tục từ đủ 12 tháng trở lên tính đến tháng liền trước của tháng đề nghị hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động hoặc đến tháng của ngày đề nghị hỗ trợ kinh phí để đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động nếu người sử dụng lao động đã đóng bảo hiểm thất nghiệp của tháng đó.

- Gặp khó khăn do suy giảm kinh tế hoặc vì lý do bất khả kháng buộc phải thay đổi cơ cấu hoặc công nghệ sản xuất, kinh doanh và dẫn đến nguy cơ phải cắt giảm số lao động hiện có từ 30% hoặc từ 50 lao động trở lên đối với người sử dụng lao động có sử dụng từ 300 lao động trở xuống và từ 100 lao động trở lên đối với người sử dụng lao động có sử dụng trên 300 lao động, không kể lao động giao kết hợp đồng lao động với thời hạn dưới 03 tháng.

Những trường hợp được coi là bất khả kháng nêu trên, bao gồm: Hỏa hoạn, lũ lụt, động đất, sóng thần, địch họa, dịch bệnh làm thiệt hại một phần hoặc toàn bộ cơ sở vật chất, thiết bị, máy móc, nhà xưởng có xác nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh nơi người sử dụng lao động bị thiệt hại.

- Không đủ kinh phí để tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho người lao động được xác định thông qua báo cáo sản xuất, kinh doanh của năm trước thời điểm đề nghị hỗ trợ mà bị lỗ có xác nhận của cơ quan thuế.

- Có phương án đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề và duy trì việc làm được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

**250. Mức hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động được quy định như thế nào?**

Theo quy định tại [Điều 4 Nghị định 28/2015/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bao-hiem/nghi-dinh-28-2015-nd-cp-huong-dan-luat-viec-lam-va-bao-hiem-that-nghiep-268405.aspx) hướng dẫn Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp thì mức hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động được quy định cụ thể như sau:

- Mức hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề tối đa 01 triệu đồng/người/tháng. Mức hỗ trợ cụ thể được tính theo tháng, thời gian học thực tế của từng nghề hoặc từng khóa học nhưng không quá 06 tháng.

Trường hợp khóa học nghề có những ngày lẻ không đủ tháng thì được tính theo nguyên tắc: Dưới 15 ngày tính là 1/2 tháng, từ đủ 15 ngày trở lên tính là 01 tháng để xác định mức hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động.

- Đối với khóa đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề có mức chi phí cao hơn mức hỗ trợ theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 Nghị định 28/2015/NĐ-CP thì phần vượt quá mức hỗ trợ do người sử dụng lao động tự chi trả.